

Ngày 11/10/2014



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP • GIÁO DỤC • VĂN HỌC PHẬT GIÁO • TÍN TỨC PHẬT SỰ

35

THÁNG 10.2014



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hảo
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: C.H.

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **CÔNG CUỘC DỰNG NƯỚC ĐỜI TIỀN LÊ VÀ HẬU LÝ NAM ĐẾ** (Thích Đức Nhuận), trang 8
- ♦ **CHÀO MỪNG NGÀY VỀ NGUỒN** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 11
- ♦ **Ý NGHĨA CỦA ĐỜI SỐNG LOÀI NGƯỜI** (Tuệ Uyển dịch), trang 12
- ♦ **VỀ NHỮNG MINH HỌA TỪ THIÊN UYÊN TẬP ANH** (Tuệ Sỹ), trang 16
- ♦ **RỪNG TRƯA, RỪNG CHIỀU, RỪNG KHUYA...** (thơ Mặc Phương Từ), tr. 19
- ♦ **PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC / Phật giáo phải chăng là một hệ thống đạo đức?** (Thích Trí Chơn dịch), trang 20
- ♦ **VÌ SAO GỌI LÀ CHÙA?** (Tạ Đức Tú), trang 22
- ♦ **TIẾN TRÌNH TẠO ĐAU KHÓ** (TN. Liễu Pháp), trang 24
- ♦ **TRỜI LÊN ĐỀN, QUẢ SÔNG** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 25
- ♦ **NGHĨ VỀ VĂN HÓA TÂM LINH VÀ TÍN NGƯỠNG...** (Tuệ Như), trang 26
- ♦ **DẤU CHÂN ĐÊM, ĐÊM** (thơ NT. Khánh Minh), trang 27
- ♦ **GOM LẠI NIỀM TIN** (Thu Nguyệt), tr. 28
- ♦ **KHÔNG AI CHỊU LỖI** (thơ Đạt Giả), trang 29
- ♦ **AI LÀ BẠC HIỀN TRÍ ĐÍCH THỰC?** (Thích Hạnh Tuệ), trang 30
- ♦ **RỎ RAU CỦA MẸ, ĐÔI MẮT THÀNH TIỀN** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 31
- ♦ **NHÂN QUẢ BÁO ỨNG – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **KINH TRONG LÒNG TA – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **HÃY LÀM CON PHẬT, ĐỪNG LÀM CON MA – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ SỨC KHOẺ, BỆNH TẬT...** (Huỳnh Kim Quang dịch), trang 35
- ♦ **THE STORY OF THE QUESTIONS RAISED BY THER ANANA** (Daw Mia Tin), trang 39
- ♦ **LẠI NHỚ VỀ ÔN GIÀ LAM** (Tâm Thường Định), trang 41
- ♦ **MỘT THỜI ĐỂ CHỜM** (TN. An Trí), trang 42
- ♦ **THÔNG BÁO GHI DANH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)**, trang 43
- ♦ **CON THÂN LẦN CHỌN NGHIỆP** (Hồ Hữu Tường), trang 47
- ♦ **MẮT PHẬT** (Phạm Quốc Bảo), tr. 50
- ♦ **XANH XAO TÌNH ĐÒI, TỪ TA TẠ NGƯỜI...** (thơ Hiền Nguyễn), trang 53
- ♦ **TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA HỘI PHƯỚC** (Thích Thánh Minh), trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: BẮP CẢI CUỐN NHÂN CHAY SÓT CÀ** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ **TỤNG KINH ÍCH LỢI SỰ** (thơ Tâm Chính), trang 58
- ♦ **TRUYỆN NGẮN TRẮM CHỮ** (Steven N.), trang 59
- ♦ **ĐẦU THU XIN CHÍCH NGỪA FLU** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 60
- ♦ **MỘT NGƯỜI NGHÈO LẠ** (TN. Thế Quán), trang 62
- ♦ **LỜI THU GỌI** (thơ Mai Phước Lộc), trang 63
- ♦ **TÂM LINH CÂY CỎ VÀ CON NGƯỜI** (Nguyễn Mạnh Khôi), trang 64
- ♦ **TRẮNG, TRẮNG, TRẮNG...** (thơ Lưu Trọng Tường), trang 67
- ♦ **MÂY BAY MÙA THU** (TN. Giới Định), trang 68
- ♦ **CHUYỂN HÓA TÂM THỨC** (thơ Minh Lương Trương Minh Sung), trang 69
- ♦ **THU VỀ TRÊN ĐẤT CALI** (Nguyễn Bình), trang 70
- ♦ **LẶNG LẼ 400 NĂM, CHÙA XƯA TÌNH THÁI BÌNH** (Vĩnh Hảo), trang 72

Báo Chánh Pháp số 35, tháng 10 năm 2014, do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tử và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

MÙA THU

Nói đến mùa thu, người ta nghĩ ngay đến lá vàng. Trên cây là những tán lá vàng rợp. Dưới đất là những thảm lá vàng, trải lấp cả lối đi. Trời dịu dịu, không có nắng chói chang. Gió se lạnh, lùa qua hàng cây bên đường. Tâm và cảnh dường như có sự giao cảm tương ứng nào đó, gợi lên một nỗi buồn man man, vời vợi. Đẹp, mùa thu thật đẹp.

Phân tích chi ly thì cũng khó mà nói được vẻ đẹp của mùa thu nằm ở đâu. Không lẽ chỉ vì lá vàng, lá cam, lá đỏ? Thế thì ở đô thị nhà cửa san sát, xe cộ nườm nượp, lề đường thiếu bóng cây, thì có lá vàng đâu mà mơ mộng, hân thưởng?

Những kẻ nghèo cùng khốn khổ, vật lộn với đời từng phút giây để kiếm sống, không có xuân, hạ, thu đông; chỉ có đói-no, ấm-lạnh.

Những kẻ đêm ngày tranh danh đoạt lợi, mưu cầu hạnh phúc cá nhân, cũng không có lá xanh, lá vàng, lá cam, lá đỏ; chỉ có màu xanh trên những tờ giấy vuông vắn.

Có lẽ mùa thu chỉ có mặt với những người nhàn hạ, thanh thoi, ở những nơi có lá vàng, hoặc không có lá vàng mà chỉ có thời gian tàn úa, rơi rụng theo bóng hoàng hôn mỗi ngày—nơi ấy, những người ấy, có thể cảm nhận được sự đến và đi của mùa thu, thấy được vẻ tàn tạ của cuộc đời trôi trên chính thân xác của mình. Rồi người ta gọi đó là vô thường.

Nhưng vô thường không phải chỉ có nghĩa là tàn tạ, héo úa, tã tơi... của một thân xác, một sự vật. Vô thường là sự thay đổi, bất định của vạn vật, bao gồm cả mặt tâm lý của con người. Sự thay đổi ấy không đi theo một chiều duy nhất từ sinh đến diệt, mà còn từ diệt đến sinh; điều này hợp lý và hiển nhiên để có những cuộc canh tân, cải cách, thay đổi cái xấu thành tốt, ác thành thiện, phàm thành thánh. Vô thường hủy hoại tất cả, nhưng cũng xây dựng nên tất cả.

Vì vậy, nói đến vô thường, không phải là nói điều tiêu cực, yếm thế, mà nói về một nguyên lý, một sự thực về sự tương quan, tương thuộc.



Sự thực ấy không ai đặt ra, tạo ra. Nó hiện hữu khắp nơi, trong mọi sự mọi vật, trong tất cả mọi hình tướng, và tâm thức của chúng sinh, của nhân loại. Vô thường—qua sự chuyển biến không ngừng mà chúng ta có thể nhìn thấy nơi sự vật hữu hình, và quán chiếu nơi tự tâm—xét ra, chỉ là hiện tượng. Bản chất của nó là duyên sinh, duyên khởi. Tất cả

mọi sinh khởi hay hủy diệt đều tùy thuộc và tương thuộc những điều kiện nhân duyên khác, không thể có sự sinh khởi hay hủy diệt độc lập. Chính vì vạn vật được sinh khởi bằng sự kết hợp của các nhân duyên, chúng sẽ bị hoại diệt bởi các nhân duyên. Đó là vận hành tất nhiên của vô thường.

Không phải chờ đến khi thấy lá vàng rơi rụng, xác thân già yếu, tài sản trắng tay, thân bại danh liệt... rồi mới thức ngộ về mong manh, biến hoại của cuộc đời. Ngay từ ban đầu khi mới sinh ra, vô thường đã đến trong từng khoảnh khắc, với chúng ta, với cả thế gian này, không chừa một ai, không ngoại lệ một chúng sanh hữu tình hay vô tình nào.

Nhận thức sâu sắc về vô thường như là kết quả hiển nhiên của nguyên lý duyên sinh, duyên khởi, chúng ta sẽ không còn bám víu, chấp chặt vào sắc thân, tâm lý và ngoại cảnh; và dĩ nhiên là sẽ không bất ngờ trước những chuyển biến đổi thay của lòng người, của cuộc đời. Với một tri kiến như thế, có thể được gọi là chánh kiến, là sự thấy biết như thực của người học đạo, hành đạo.

Dù thế nào, những làn gió lạnh chớm thu đã bắt đầu lướt qua các hàng cây, làm rung động và lá tã rơi xuống những lá vàng, lá cam, lá đỏ, như những cánh bướm lao xao đón chào một mùa mới. Trong vẻ hiu quạnh tàn úa, chạnh nhớ mùa thu nào nơi vùng tuyết lạnh xa xưa... Đường như vẻ đẹp của đất trời cũng có mặt ngay ở nơi những gì mong manh nhất, nơi đó, đã ươm sẵn những mầm xanh, chuẩn bị cho một mùa hoa rực rỡ của một ngày mai tươi sáng.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

THÁI LAN: Phật tử đến chùa vào Ngày của Mẹ

Đồng bào Phật tử đã đến các chùa trên khắp đất nước vào sáng ngày 12-8-2014 để cúng dường vật phẩm cho chư tăng, vì đây là ngày kỷ niệm sinh nhật thứ 83 của Hoàng hậu và là quốc lễ Ngày của Mẹ.

Theo truyền thống, trước khi đến chùa để nghe những bài pháp giảng Phật giáo, nhiều người đã dậy rất sớm để cúng dường vật phẩm cho các nhà sư. Thông điệp của ngày này là vai trò của người mẹ như là những người ban tặng vĩ đại, những người sinh và nuôi dưỡng con cái.

Truyền thống Ngày của Mẹ sẽ tiếp tục vào buổi tối trên khắp quốc gia, khi mọi người tập trung tại các địa điểm quan trọng hoặc trong nhà họ để thắp nến và cùng hát bài ngợi ca hoàng gia, trước khi kết thúc các lễ mừng ngày lễ với pháo hoa rực rỡ để tôn vinh Hoàng hậu.

(tipitaka.net – August 17, 2014)



Cúng dường chư tăng trong Ngày của Mẹ của Thái Lan—Photo:NNT

NHẬT BẢN: Hội Phật giáo Chi-sàn gửi tặng tiền cho nạn nhân trận bão Yolanda

Vào ngày 19-8-2014, Hội Cầu nguyện cho Hòa bình Chisan thuộc phái Chisan của tông phái Shingon (Chơn Ngôn) đã chuyển 1,2 triệu yen (tương đương 510.000 peso) đến đại sứ quán Phi Luật Tân tại Tokyo.

Số tiền này được Houken Hosoda, Sư trưởng và là phó chủ tịch Hội Chisan, chuyển đến người đại diện đại sứ quán Phi Luật Tân Gilberto Asuque để tặng cho các nạn nhân của trận siêu bão Yolanda (Hải Yến). Đại sứ quán sẽ gửi khoản tiền tặng nói trên đến các cơ quan hữu quan phụ trách việc phục hồi.

Theo đại sứ quán, Hội Chisan đã thăm tỉnh Leyte (Phi luật Tân) 3 lần, lần gần đây nhất là vào tháng 11-2012. Hội đã tặng hàng tiếp tế cho các trường công lập tại tỉnh này.

(GMA – August 19, 2014)

ẤN ĐỘ: Di tích Phật giáo cổ đại không được chính phủ bảo vệ

Một địa điểm khảo cổ học được biết đến như là một di tích Phật giáo đang đối mặt với nguy hiểm tại Srinagar, Ấn Độ. Địa điểm này, có niên đại thuộc thế kỷ thứ 3, tọa lạc tại khu vực Harwan của Srinagar và 2 năm trước đã được công bố là một địa điểm khảo cổ học bởi Sở Lưu trữ, Khảo cổ học và Bảo tàng J&K (bang Jammu và Kashmir).

Mặc dù có tên trong một đề nghị với chính phủ Ấn Độ về việc bảo vệ các địa điểm khảo cổ học chưa xác định trong bang này, các quan chức nói rằng họ chưa nhận được bất cứ phản hồi nào từ chính quyền bang cũng như chính phủ Ấn Độ.

Được biết địa điểm này thuộc một thời kỳ Phật giáo mà gạch đất nung đã được phục hồi. Hai di tích khảo cổ học, có niên đại 1.500 và 1.100 năm, dường như cũng bị chính quyền bang để vậy chứ không bảo vệ. Một trong 2 di tích này là Chùa Pandrathan, được xây trên di tích của ngôi

chùa mà nhà sư Huyền Trang của Trung Hoa đã lưu trú trong 2 năm của ông tại Kashmir.

(Buddhist Door – August 19, 2014)



Địa điểm khảo cổ học cổ đại tại Srinagar (Ấn Độ) được biết đến như một di tích Phật giáo
Photo: risingkashmir.com

HÒA LAN: Buổi lễ Phật giáo dành cho 5 nạn nhân của thảm kịch MH17

The Hague, Hòa Lan – Sáng ngày 19-8-2014 tại nhà tang lễ ở thành phố The Hague (La Haye), một nghi lễ Phật giáo đã được tổ chức dành cho di hài của 5 nạn nhân người Mã Lai trong vụ rơi chiếc máy bay MH17 của Hàng không Mã Lai.

Buổi lễ bắt đầu lúc 8 a.m và được hướng dẫn bởi các tu sĩ Phật giáo, trong sự hiện diện của 100 thành viên gia đình của các nạn nhân và hội viên của một số hội Phật giáo địa phương.

Sau đó, lễ hỏa táng các di hài đã diễn ra tại thị trấn Zoetermeer, cách nhà tang lễ 26 km.

Tiến sĩ Wee Ka Siong, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mã Lai, nói rằng nghi lễ đã tiến hành như dự định. "Các gia đình không cần phải lo lắng, vì nó đã được thực hiện theo thỏa thuận trước đây. Chúng tôi luôn luôn nỗ lực để đem lại điều tốt nhất và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của họ", ông nói với báo chí Mã Lai sau buổi lễ.

(Big News Network – August 20, 2014)



Nghi lễ Phật giáo tại The Hague trước khi hòa táng các nạn nhân của chiếc MH17—Photo: Bernama

NEPAL: Lễ hội rước xe ngựa của Hồng thần Machhindranath

Mỗi năm, lễ rước xe ngựa của Hồng thần Machhindranath được tổ chức tại Thung lũng Kathmandu ở Nepal. Người ta tin rằng sự sùng kính đối với vị thần từ bi này sẽ mang đến mùa bội thu và một năm thịnh vượng. Đặc biệt đối với một người Nepal sinh tại huyện Lalitpur của thung lũng, lễ rước xe ngựa của Hồng thần Machhindranath là một phần của cuộc sống.

Phật tử thờ Machhindranath như vị thần đại từ bi – Lokeshwaraj Karunamaya – trong khi tín đồ Ấn Độ giáo thì xem ngài như hóa thân của Thần Shiva.

Lễ hội chính thức bắt đầu 15 ngày trước lễ rước xe ngựa. Sau nghi lễ tắm tượng Machhindranath với hỗn hợp mật ong, sữa và nước, tượng được lưu giữ tại Đền Rato Machhindranath (tọa lạc tại phần nam của Quảng trường Durbar ở Patan – trụ sở của huyện Lalitpur).

Năm nay, tượng thần được chuyển đến làng Bungmati gần Patan, nơi sẽ tôn trí tượng cho đến lễ rước tiếp theo. Cổ xe ngựa sau đó đã được tháo dỡ, và sẽ được làm lại vào năm tới.

(Buddhist Door – August 23)

Hình ảnh một Lễ hội Rước xe của Hồng thần Machhindranath:



Tượng Machhindranath được chuyển đến xe ngựa



Cổ xe ngựa với cờ Phật giáo và Ấn Độ giáo chuẩn bị cho lễ rước

INDONESIA: Chùa Borobudur bị đe dọa tấn công

Vào ngày 15-8-2014, cảnh sát đã được đặt trong tình trạng báo động tại chùa Borobudur, một điểm đến du lịch quan trọng của Indonesia và là một Di sản Thế giới UNESCO, sau khi những kẻ ủng hộ Nhà nước Hồi giáo (IS) có lời đe dọa đăng trên Facebook đối với ngôi đền Phật giáo lớn nhất thế giới này.

An ninh thắt chặt xung quanh Borobudur không phải là biện pháp duy nhất được thực hiện, vì cảnh sát tại tỉnh Trung Java cũng đã bắt đầu tìm kiếm kỹ qua dữ liệu từ internet đối với các đầu mối khả thi về kế hoạch này, phát ngôn viên Cảnh sát Quốc gia Ronny F. Sompie nói.

Theo báo cáo về mối đe dọa, Cơ quan Bảo tồn Borobudur đã phòng chống vụ đánh bom sắp xảy ra với sự gia tăng số lượng nhân viên an ninh bên trong và xung quanh ngôi chùa, người đứng đầu cơ quan là Marsis Sutopo cho biết.

Quân đội Indonesia cũng đã được điều động. Đầu tuần trước, Thiếu tướng Sunindyo – chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh Quân đội Diponegoro hoạt động tại 2 huyện Java – khẳng định sẵn sàng hỗ trợ an ninh quanh chùa này.

(eturbonews.com – August 24, 2014)



*Chùa Borobudur ở Indonesia
Photo: RT.COM*

ÚC ĐẠI LỢI: Phật giáo trong chương trình phát thanh “Tiếng nói của Tín ngưỡng”

Melbourne, Úc Đại Lợi - Tháng 8 này, chương trình phát thanh đa tôn giáo có tên là “Tiếng nói của Tín ngưỡng” kỷ niệm 3 năm thành lập.

Các tôn giáo tham gia vào chương trình là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, đạo Sikh và Hồi giáo.

Chương trình Phật giáo phát thanh vào ngày Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng, gồm giáo lý và những bài bình luận về các chủ đề khác nhau như Đức Phật đã dạy, hướng dẫn thiền định, giới thiệu các nhạc phẩm phù hợp, thông báo về các sự kiện Phật giáo quan trọng, và mời các diễn giả thảo luận về nhiều chủ đề được quan tâm.

Âm nhạc của chương trình là một sự hòa trộn của nhạc Phật giáo truyền thống và nhạc Tây phương đương đại với ca từ Phật giáo phù hợp, bao gồm những bài hát cầu nguyện, những bài hát với phần giải thích và diễn dịch khác nhau về lời Phật dạy và về những câu chuyện của cuộc đời Đức Phật.

(Buddhist Door – August 25, 2014)



Andrew Williams, người dẫn chương trình phát thanh Phật giáo của “Tiếng nói của Tín ngưỡng” đang hát những bài Đạo ca cùng các em từ cộng đồng Phật giáo Tích Lan—Photo: Buddhist Door

ANH QUỐC: Lễ thả hoa đăng lần đầu tiên tại Vương quốc Anh

Elmbridge, Anh quốc – Vào ngày lễ ngân hàng 25-8, hơn 200 người đã tập trung tại làng Long Ditton (quận Elmbridge, hạt Surrey) để tham dự lễ hội thả hoa đăng được tổ chức lần đầu tiên tại Vương quốc Anh.

Họ đã gửi đi những đèn lồng mang thông điệp bày tỏ những mong ước, ý định và cam kết trong Lễ hội thả Hoa đăng Chân Như tại Trung tâm Phật giáo ở làng Long Ditton này.

Trong ngày, một loạt những buổi thiền định, sinh hoạt của trẻ em và các cuộc hội thảo liên tôn giáo và liên văn hóa đã diễn ra, với sự tham dự của quận trưởng Barry Fairbank, Ủy viên Hội đồng quận Elmbridge.

Những người tham dự lễ hội cũng thả một trong số 100 đèn lồng về phía hồ nước để tưởng niệm những người đã mất trong Đệ Nhất Thế chiến, và trong những cuộc xung đột đã xảy ra trước và kể từ cuộc đại chiến này.

Sư trưởng Shohei Nishino của Chân Như tông của Vương quốc Anh nói: “Thả hoa đăng – một thực hành rất đặc biệt trong Phật giáo Chân Như – là một nghi thức đẹp, hòa bình và bao quát, và chúng tôi rất hạnh phúc vì cộng đồng địa phương của chúng tôi và những thành viên của các tôn giáo khác nhau đã có thể chia sẻ khoảnh khắc này với chúng tôi. Những đèn lồng mà chúng tôi đã thả sáng là để biết ơn quá khứ, cảm kích hiện tại và hy vọng về tương lai”.

(thisislocallondon.com – August 26, 2014)



Lễ thả hoa đăng lần đầu tiên tại Vương quốc Anh diễn ra ở làng Long Ditton, quận Elmbridge, hạt Surrey—Photo: News Locker

HÀN QUỐC: Phát hiện hàng chục cổ vật Phật giáo

Ngày 21-8-2014, các nhà nghiên cứu tại Viện Di sản Văn hóa Seoul (Nam Hàn) cho biết họ đã khám phá hàng chục cổ vật được sử dụng trong các nghi lễ Phật giáo

cách đây gần 1.000 năm, khi họ bắt đầu làm sáng tỏ bí ẩn đằng sau một ngôi đền cổ, nơi chúng được phát hiện.

77 cổ vật này bao gồm một gậy vajra đầu tròn có khung, những cái linh (chuông) và những lư hương – được cho là có từ thời Joseon (1392 – 1910), hoặc có thể xưa hơn nữa.

Các nhà nghiên cứu sắp kết thúc một cuộc khảo sát lĩnh vực khảo cổ học về Dobong Seowon, một ngôi đền nhỏ thờ 2 vị học giả thời Joseon tại Bắc Seoul, khi họ tình cờ tìm thấy một vật chứa những cổ vật nói trên.

Các nhà khoa học nói rằng số cổ vật này thậm chí có thể thuộc thời đầu triều Goryeo (918-1392), vì địa điểm phát hiện chúng phù hợp với một ngôi chùa thời Goryeo – một trong số các vật dụng ấy còn ghi cả tên của nó là Chùa Dobong.

Ngày 21-8, các cổ vật đã được trưng bày tại Cung Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc của Seoul trong một cuộc triển lãm đồng tổ chức bởi chính phủ Hàn quốc.

(buddhistartnews – August 26, 2014)



Cái linh (chuông nghi lễ Phật giáo), một trong số những cổ vật được phát hiện tại một ngôi đền ở Bắc Seoul, Hàn quốc
Photo:Yonhap

NHẬT BẢN: Thủ tướng Ấn Độ viếng 2 ngôi chùa cổ tại Kyoto

Thủ tướng Narendra Modi đã bắt đầu ngày thứ 2 của chuyến thăm Nhật Bản 4 ngày với việc

viếng ngôi chùa Toji nổi tiếng tại thành phố lịch sử Kyoto. Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe cùng đi với ông trong cuộc tham quan khu chùa cổ này.

Thủ tướng Modi sau đó đến viếng Kim Các Tự, ngôi chùa được xây dựng vào năm 1397. Trong sự tĩnh lặng tại đây, ông đã tham thiền, cầu nguyện cho hòa bình.

Chuyến thăm Kyoto rất có ý nghĩa cho tầm nhìn của Thủ tướng Modi đối với thành phố Varanasi, đơn vị bầu cử mà ông đại diện tại hạ nghị viện Ấn Độ. Kyoto là một thành phố di sản cấp thế giới, và Thủ tướng Modi muốn phát triển thành địa Varanasi thành một ‘thành phố thông minh’ theo cách của Kyoto.

Giống với Varanasi, thành phố Kyoto có hàng nghìn chùa và đền thờ. Đối với Thủ tướng Modi, mô hình Kyoto có thể cần thiết trong quá trình trẻ hóa các thành phố Ấn Độ và phát triển 100 “thành phố thông minh”, một lời hứa mà chính phủ của ông liên tục thực hiện.

(ndtv.com – September 1, 2014)



Thủ tướng Ấn Độ (ở giữa) và Thủ tướng Nhật Bản (bên phải) tại chùa Toji ở Kyoto—Photo: AP

HOA KỲ: Hội nghị quốc tế với chủ đề “Bản thảo Đôn Hoàng: 20 năm tới”

Hội nghị quốc tế “Triển vọng cho Nghiên cứu Bản thảo Đôn Hoàng: 20 năm tới” được tổ chức tại trường Đại học Princeton (New Jersey) từ ngày 6 đến 8-9-2014. Chủ đề bao gồm các lĩnh vực từ tất cả các ngành nghiên cứu bản thảo Đôn Hoàng, kể cả nghiên cứu, văn học, lịch sử, ngôn ngữ học và khoa văn bản cổ tự học tôn giáo. Nhiều học giả từ Trung quốc, Nhật Bản, châu Âu và Hoa Kỳ thuộc Ủy ban Liên lạc Quốc tế về Nghiên cứu Đôn Hoàng (ILCDS) sẽ tham dự. Ngôn ngữ của hội nghị là Hoa ngữ và Anh ngữ, và 29 tài liệu được chọn sẽ được trình bày bằng một trong 2 ngôn ngữ này.

Hội nghị do Phòng Nghiên cứu Phật giáo của Đại học Princeton và ILCDS đồng tổ chức, với sự

tài trợ chính của Tổ chức Henry Luce.

Khoảng 60.000 văn bản đã được phát hiện tại Hang Mạc Cao gần Đôn Hoàng (Cam Túc, Trung quốc) vào năm 1900. Phần lớn là bản thảo bằng tiếng Hoa và Tây Tạng, nhưng các ngôn ngữ khác cũng được làm mẫu, bao gồm tiếng Duy Ngô Nhĩ, tiếng Phạn, Sogdian, Khotan và Do Thái.

(Buddhist Door – September 1, 2014)



Bản thảo phẩm 25 của Kinh Pháp Hoa-Photo: csr.princeton.edu.



Kinh Phật từ Hang Thư viện Đôn Hoàng-Photo: theguardian.com

NHẬT BẢN: Ảnh chụp X-quang cho thấy tháp nhỏ bên trong bức tượng Phật giáo cổ

Nara, Nhật Bản – Một tháp Phật giáo 5 tầng “gorinto” thu nhỏ đã được phát hiện bên trong pho tượng của người sáng lập chùa Daigoji ở Fushimi, Kyoto.

“Gorinto” đã được sử dụng như đài tưởng niệm những người đã khuất và phổ biến tại chùa chiền và nghĩa trang Phật giáo.

Chùa Daigoji và Bảo tàng Quốc gia Nara đã công bố phát hiện nói trên vào ngày 1-9-2014. Sau khi pho tượng gỗ hàng trăm năm tuổi cao 83 cm trải qua cuộc kiểm tra bằng X-quang, người ta đã phát hiện gorinto.

Ảnh chụp X-quang cho thấy bên trong tượng được chia thành ngăn, bên trên phần ngực tượng có một gorinto cao 15 cm, và bên trong gorinto có một vật nhỏ được bọc bằng giấy.

Chùa Daigoji, một Di sản Thế giới UNESCO, do nhà sư Rigen Daishi (832-909) sáng lập vào thời Heian (794-1185). Tượng Rigen Daishi tại chùa này được xếp hạng là một tài sản văn hóa quan trọng của Nhật Bản.

Theo Bảo tàng Quốc gia Nara, các tác phẩm điêu khắc chữ cao tăng được tạo tác giữa thời Heian và Kamakura (1192-1333) thường đựng xá lợi của các vị.

(Asahi Shimbun – September 2, 2014)



Một ảnh X-quang chụp phần bên trong của tượng cho thấy trong tháp gorinto có một mảnh giấy
Photo: Bảo tàng Quốc gia Nara (Nhật Bản)

ẤN ĐỘ: Viện Giác ngộ Ấn Độ sẽ được thành lập tại Tabo, bang Himachal Pradesh

Tu viện Tabo sẽ có Viện Giác ngộ Ấn Độ, là học viện sẽ nổi lên như trung tâm cái cách Phật học. Tọa lạc tại tiểu khu Spiti của huyện Lahaul-Spiti ở bang Himachal Pradesh, tu viện Tabo là một trung tâm nghiên cứu triết học và văn hóa bộ tộc Phật giáo kể từ khi thành lập vào năm 996 sau công nguyên.

Ngày 1-9-2014, thống đốc bang Himachal Pradesh nói rằng để bảo vệ khu nghiên cứu Phật giáo cổ xưa tại Tabo, Bộ Văn hóa Liên bang đã đồng ý về nguyên tắc việc thành lập Viện Giác ngộ Ấn Độ (IIBD) tại Tabo. Chính quyền Liên bang sẽ tài trợ hoàn toàn cho dự án 450 triệu Rupee này.

Khi hoàn thành, dự án sẽ đưa Tabo và bang Himachal lên Bản đồ Quốc tế cho việc theo

đuổi về Nghiên cứu Phật giáo.

Được Ban Khảo sát Khảo cổ học Ấn Độ công bố là di tích được bảo vệ, tu viện Tabo có một số bích họa và tranh cổ Phật giáo - hầu hết thuộc thế kỷ thứ 11 - tinh xảo nhất thế giới.

(indiatimes – September 5, 2014)



Chánh điện mới bên trong ngôi chùa chính của Tu viện Tabo (Ấn Độ) —Photo: John Hill



Tu viện Tabo
Photo: Oktatabyebye.com

NGA: Thủ đô Mạc Tư Khoa sẽ có 2 đền thờ Phật giáo

Mạc Tư Khoa, Nga – Việc xây dựng 2 đền thờ Phật giáo sẽ bắt đầu tại Mạc Tư Khoa vào mùa thu năm nay, và một trong 2 ngôi đền này sẽ được dành riêng cho những Phật tử thiệt mạng trong Đệ nhị Thế chiến.

Tatyana Odushpayak, nữ chủ tịch trung tâm Phật giáo Tam Bảo của Mạc Tư Khoa, cho biết một bản thiết kế sẽ được chọn trong tháng 9 dành cho một ngôi chùa tại công viên tưởng niệm chiến tranh Poklonnaya, nơi đã có một nhà thờ Hồi giáo, một nhà thờ Chính thống giáo và một giáo đường Do Thái.

Sự hiện diện của những nơi thờ phượng khác nhau trong công viên phản ánh sự chiến đấu kẻ vai sát cánh bởi các tín hữu của các tôn giáo khác nhau trong Thế chiến thứ II.

Theo Odushpayak, ngôi chùa này sẽ được xây dựng bằng việc

cúng đường. Các đại biểu thành phố đã phê duyệt việc xây dựng, và đất đã được phân bổ cho dự án.

Ngôi chùa thứ hai, sẽ được xây tại quận Otradnoye, cũng sẽ tọa lạc gần một nhà thờ của Chính thống giáo, một đền thờ Hồi giáo và một giáo đường Do Thái giáo. Tổng số kinh phí để xây ngôi chùa 2 tầng này là khoảng 200-250 triệu rúp (5,4 đến 6,8 triệu usd), nữ chủ tịch Hội Phật giáo Mạc Tư Khoa Dulma Shagdarova cho biết.

(Buddhist Channel – September 6, 2014)

SINGAPORE: Thư viện Phật giáo Geylang mở cửa lại sau một năm dài nâng cấp

Thư viện Văn Thù tại Geylang đã mở cửa lại vào ngày 7-9-2014, sau một năm nâng cấp với kinh phí khoảng 1 triệu đô la.

Thư viện có một bộ sưu tập gồm hơn 10.000 cuốn sách về Phật giáo. Tọa lạc bên trong một cửa hiệu 3 tầng, thư viện Văn Thù được thành lập vào năm 1996 và do Tu viện Nam Hải Phi Lai Quan Âm ở Gaylang quản lý. Nó mở cửa cho công chúng và thực hiện các khóa học về Phật giáo cho người lớn và trẻ em.

Là người khánh thành thư viện lần này, Phó Thủ tướng Teo Chee Hean phát biểu rằng các hoạt động của thư viện phát huy sự hiểu biết tôn giáo và tăng cường sự hòa hợp của xã hội.

Ni trưởng Miao Xian, người sáng lập thư viện vào năm 1996, nói rằng thư viện luôn luôn mở cửa cho những người từ các tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau muốn tìm hiểu đạo Phật. “Đây là sự đóng góp của chúng tôi cho xã hội Singapore”, ni sư nói.

(bignewsnetwork – September 8, 2014)



Thư viện Văn Thù tại Geylang, Singapore, vào ngày khánh thành sau khi nâng cấp. Khách mời danh dự là Phó Thủ tướng Teo Chee Hean (ngồi thứ 3, từ bên trái).—Photo: Ong Wee Jin

TÍCH LAN: Lễ kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Anagarika Dharmapala (1864-1933), người bảo tồn và phát huy Phật giáo của Tích Lan

Các lễ kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Anagarika Dharmapala được tổ chức trên khắp đất nước Tích Lan từ ngày 1 đến 17-9-2014. Ông sinh ngày 17-9-1864, được mọi người nhớ đến vì các cuộc vận động bảo tồn văn hóa Phật giáo Tích Lan và phát huy nền giáo dục Phật giáo của ông.

Tại Colombo vào ngày 1-9, những người tham gia đã tập trung tại lễ khai mạc ở Viện Quan hệ Quốc tế và Nghiên cứu Chiến lược Kadirgamar.

Một bộ phim tài liệu và một cuốn sách về Anagarika Dharmapala đã được trình chiếu và phát hành tại buổi lễ.

Vào ngày 7-9, một cuộc diễn hành bằng xe đặc biệt đã được tổ chức. Rời trụ sở của hội Đại Bồ đề Tích Lan tại Maradana, đoàn xe diễu hành đi qua nhiều vùng khác nhau của quốc đảo, nhắc nhở người dân về nhà lãnh đạo vĩ đại Anagarika Dharmapala và những cống hiến của ông cho Tích Lan. Trong đoàn diễu hành còn có chiếc “Sobana Maligawa”, loại xe mà Anagarika Dharmapala đã sử dụng khi truyền bá thông điệp của mình khắp đất nước.

(Buddhist Door – September 11, 2014)



*Tượng Anagarika Dharmapala tại Công viên Tịnh xá Mahadevi, Colombo (Tích Lan)
Photo: omlanka.com*

TRUNG QUỐC: Tháp Đại Nhạn - một Di sản Thế giới trên Con đường Tơ lụa

Chùa Tháp Đại Nhạn hiện đang là một trong 7 di sản thế giới tại tỉnh Thiểm Tây.

Tọa lạc ở Thành phố Trường An của thời nhà Đường, chùa Tháp Đại Nhạn được xây cho nhà sư Huyền Trang vào năm 652

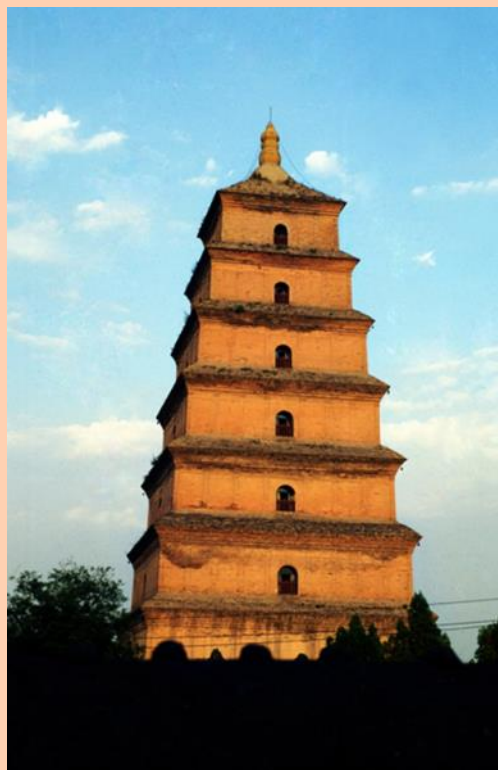
sau Công nguyên để lưu trữ các kinh điển, tượng và xá lợi mà ông đã mang về từ Ấn Độ.

Chùa Đại Nhạn là một công trình kiến trúc bằng gạch được xây theo cách giả gỗ. Từ đỉnh nhìn xuống, chùa có hình dạng vuông, bao gồm phần nền, thân và đền thờ. Tháp cao 64m5.

Trong số các di tích quan trọng được trưng bày tại chùa có những mẫu đá được chạm khắc miêu tả đôi bàn chân của Đức Phật và những dấu chân do nhà sư Huyền Trang để lại khi ông đi về tây phương trong cuộc hành hương để thỉnh kinh Phật.

(tipitaka.net – September 12, 2014)

Tháp Đại Nhạn và tượng nhà sư



*Huyền Trang trong khuôn viên khu chùa này
Photos: tipitaka.net*



CÔNG CUỘC DỰNG NƯỚC ĐỜI TIỀN LÊ VÀ HẬU LÝ NAM ĐẾ (TL. 542-603)

Thích Đức Nhuận

(Chương II, Đạo Phật và Dòng Sứ Việt)

Dưới sự lãnh đạo của LÝ BÔN (cũng gọi là Lý Bí), một cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm vào mùa xuân năm 542 được toàn dân hưởng ứng, tham gia, đứng chung trên một trận tuyến để đánh đuổi tên thái thú tàn bạo là Tiêu Tư và bè lũ về Tàu, rồi chiếm giữ lấy thành Long Biên. Đầu năm 543, triều đình nhà Lương tổ chức cuộc phản công nhưng bị nhà Lý dẹp tan.

Sau cuộc khởi nghĩa thành công, mùa xuân tháng giêng năm giáp tý (544), Lý Bôn tuyên cáo dựng nước, xưng là Nam Đế (vua Nước Nam), đặt quốc hiệu Vạn Xuân, xây điện Vạn Thọ, tổ chức thành một triều đình của một quốc gia độc lập.

Nam Đế bỏ niên hiệu của nhà Lương, đặt niên hiệu mới là Thiên Đức (VNSL) hay Đại Đức (theo LSVN, T1), và dựng một ngôi chùa mới lấy tên là Khai Quốc (Mở Nước).

Sử thần triều Lê viết:

"Tiền Lý Nam Đế, tính rất thông minh, phía Bắc đánh đuổi Tiêu Tư, phía Nam dẹp yên Lâm ấp, lập quốc hiệu, chính ngôi tôn, đặt trăm quan, định miếu hiệu, có đại lược quy hoạch của Đế Vương".

(Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Việt Giám Thông Khảo Tổng Luận, tập 1, trang 101).

Qua năm ất sùu (545), vua Lương sai Dương Phiêu làm thứ sử Giao Châu, và Trần Bá Tiên làm tư mã đem đại quân sang đánh Chu Diên. Trận thứ hai đánh ở Gia Ninh. Vua Nam Đế thấy thế địch mạnh đành rút quân lên đóng ở động Khuất Liêu (thuộc đất Hưng Hóa), gần một năm trời chuẩn bị quân cơ, Lý Nam Đế đem ba vạn quân đánh nhau với Trần Bá Tiên ở hồ Điển Triệt (Vĩnh Yên) lại bị thất bại, vua bèn giao quyền cho tả tướng quân Triệu Quang Phục cầm đầu một cánh quân lui về lập căn cứ ở Dạ Trạch (Hưng Yên). Còn anh ruột Lý Nam Đế là Lý Thiên Bảo cùng với Lý Phật Tử đem hai vạn quân vào Cửu Chân (Thanh Hoá), bị quân nhà Lương đuổi đánh phải chạy vào đất Lào, đóng binh ở động Dạ Năng (biên giới Việt-Lào).

Cuộc kháng chiến kéo dài bốn năm thì Lý Nam Đế bị bệnh chết (4-546). Triệu Quang Phục khi hay tin Lý Nam Đế băng hà, ông tự xưng là Triệu Việt Vương. Nhân gặp lúc bên Tàu có loạn, vua nhà Lương phải triệu Trần Bá Tiên về chỉ để một ty tướng là Dương Sàn ở lại nước ta, Triệu Quang Phục đem quân giết chết Dương Sàn, chiếm lấy thành Long Biên.

Đến năm 555, Lý Thiên Bảo mất, Lý Phật Tử lên thay. Rồi năm 557, Lý Phật Tử cất quân đánh Triệu Việt Vương. Về sau, hai bên chia đôi đất nước, lấy bãi Quân Thần (thuộc làng Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Hà Nội) làm ranh giới.

Năm 571, Lý Phật Tử lấy danh nghĩa là chính thống nhà lý, đem quân đánh úp Triệu Quang Phục, thống nhất đất nước.

Nổi nghiệp nhà Tiền Lý, cũng trong năm 571, Lý Phật Tử lên làm vua, đóng đô ở Phong Châu (thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên) mà lịch sử sau này gọi là Hậu Lý Nam Đế.

Lý Phật Tử làm vua 32 năm (571 - 603). Sách Việt Điện U Linh, tác giả Lý Tế Xuyên (đời Trần) viết:

"... Nam Đế đã chiếm được nước của Triệu Việt Vương rồi, thiên đô qua xứ Lộc Loa và Vũ Ninh, phong cho anh là Xương Ngập làm thái bình hầu, giữ Long Biên, phong đại tướng quân là Lý Tấn Đình làm an ninh vương giữ thành Ô Diên, ở ngôi ba mươi năm (30), khởi từ năm tân mao niên hiệu Đại Kiến thứ ba nhà Trần đến năm nhâm Tuất niên hiệu Nhân

Thọ thứ hai vua Văn Đế nhà Tùy thì mất: con là Sư Lợi lên nối ngôi, được vài năm thì bị tướng nhà Tùy là Lưu Phương đánh chiếm mất nước.

"Sau khi Nam Đế đã băng hà, người trong nước chỗ nào cũng có lập đền thờ, có miếu ở tại cửa Tiểu Nha, phường An Khang, rất linh dị. Niên hiệu Trưng Hưng năm đầu, sắc phong Anh Liệt Uy Hoàng Đế. Năm thứ bốn mươi, gia thêm hai chữ Nhân Hậu. Năm Hưng Long thứ hai mươi một, gia tặng bốn chữ "Khâm Minh Thánh Vũ" (bản dịch chữ Hán ra Việt



Chùa Dâu (còn gọi là Chùa Pháp Vân, hay Diên Ứng), Bắc Ninh

văn của Lê Hữu Mục - Sđd, trang 55).

Lịch sử Việt Nam, tập 1, ghi: "Năm 589 nhà Tùy diệt nhà Trần, thống nhất Trung Quốc. Nhà Tùy âm mưu đặt lại ách đô hộ trên miền đất nước ta, Lý Phật Tử về danh nghĩa phải chịu thần phục nhà Tùy nhưng thực chất vẫn giữ quyền cai trị nước ta.

"Năm 602, nhà Tùy gọi Lý Phật Tử về kinh đô châu hoàng đế. Về châu có nghĩa là đầu hàng, mất nước. Lý Phật Tử đã CHÔNG lại lênh đố. Phật Tử sai cháu là Lý Đại Quyền đem quân giữ thành Long Biên (Bắc Ninh), sai tướng Lý Phổ Định đem quân giữ thành O Diên (Tứ Liêm, Hà Nội), còn tự mình tổ chức phòng ngự tại "thành cũ của Việt Vương" (tức thành Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).

"Đầu năm 603, nhà Tùy cử Lưu Phương đem quân theo đường tây bắc xuống xâm lược nước ta. Lý Phật tử chặn đánh quân Tùy ở núi Đô Long, (vùng Tự Long, xưa thuộc Tuyên Quang, nay thuộc Quảng Tây, Trung Quốc). Quân ta bị thua. Giặc tiến vây thành Cổ Loa, bắt Lý Phật Tử đầu hàng và bắt giải về Tùy. Nhiều tướng lĩnh của Lý Phật Tử tiếp tục cùng nhân dân đánh giặc nhưng sau cùng bị tàn sát. Đất nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Tùy" (Sđd trg 116).

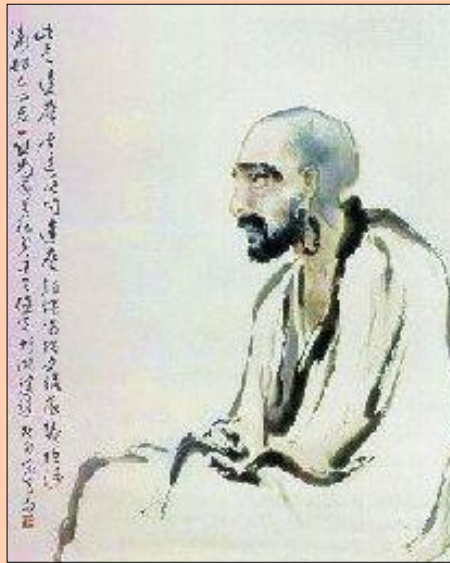
Chỉ cách sau ba năm, tức năm 571, Lý Phật Tử lên ngôi vua, năm 574 ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi (Vinitaruci), người nam Thiên Trúc (Ấn Độ) qua Trung Hoa cầu pháp với Đế tam tổ Tăng Xán, và sau khi đắc pháp, được Tổ ấn ký và khuyến nên qua phương Nam truyền đạo. Năm 580, ngài từ Trung Hoa sang Việt Nam, trụ trì chùa Pháp Vân, thuộc làng Cổ Châu, Long Biên, dịch bộ kinh Tổng trì và lập ra phái THIÊN TÔNG THỨ NHẤT Ở NƯỚC TA. Đến năm 594 trước khi viên tịch, ngài truyền tâm ấn cho đệ tử là tôn giả PHÁP HIỂN, người Việt Nam đầu tiên được vinh dự lĩnh pháp ấn để kế truyền Chính Pháp.

Triều đại nhà Lý, vua Lý thái Tông (1028 - 1054) vì cảm mến đức hóa của ngài, đã làm bài kệ truy tán:

Sáng tự lai Nam quốc
Văn quân cửu tập Thiền
Ứng khai chư Phật tích
Viên hợp nhất tâm nguyên
Hạo hạo lăng già nguyệt
Phân phân bát nhả liên
Hà thời hạnh tương kiến
Tương dữ thoại trùng huyền

Mở lối qua Nam Việt
Nghe ngài hiểu đạo Thiền
Nguồn tâm thông một mạch
Cõi Phật rộng quanh miền
Lăng già ngời bóng nguyệt
Bát nhả nức mùi sen
Biết được bao giờ gặp
Cùng nhau kể đạo huyền.
(Bản dịch Thích Mật Thể)

• Hệ phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi, truyền được 19 đời (580-1216), gồm 28 vị tổ kế thừa.



Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci)
(? - 594)

Vào khoảng cuối thế kỷ VI đầu thế kỷ VII, Việt Nam có thêm ba đoàn truyền giáo:

- Đoàn thứ Nhất, ba vị: MINH VIỄN, TUỆ MỆNH, VÔ HÀNH.

- Đoàn thứ hai, ba vị: ĐÀM NHUẬN, TRÍ HOẢNG, TĂNG GIÀ BÁT MA.

- Đoàn thứ ba, sáu vị: VÂN KỲ, MỘC XOA ĐỀ BÀ (Moksadeva), KHUYXUNG, TUỆ DIỆM, TRÍ HÀNH, ĐẠI THẮNG ĐĂNG.

Trong ba đoàn truyền giáo, hai đoàn là người Trung Hoa, trong đó duy có ngài Tăng-Già-bát-Ma (Samyavarma) là người Trung Á. Đoàn thứ ba, đáng chú ý hơn, vì toàn người Việt Nam cả (bốn người ở Giao Châu - Hà Nội, Nam Định - và hai người ở Ai Châu - Thanh Hoá -). Cả sáu ngài đã qua Trung Hoa, Ấn Độ, và đã cầu pháp, dịch kinh.

*

Sau thời đại Lý Phật Tử (Hậu Lý Nam Đế), nước ta bị nhà Tùy (602 - 617) đô hộ, rồi tiếp đến nhà Đường (617 - 907) cai trị, gồm 305 năm.

Trong thời thuộc Đường, năm Nhâm Tuất (722) nhà ái quốc Mai Thúc Loan, quê ở Hà Tĩnh, nổi lên giải phóng ách cai trị nhà Đường đang đè nặng trên thân phận người dân Giao Châu bị trị, đã chiêu tập ba mươi ngàn nghĩa quân chống cự với quân nhà Đường, chiếm giữ lấy đất Hoan Châu (tỉnh Nghệ an), xây thành đắp lũy chung quanh núi sông Lam dài đến hàng dặm, tự xưng hoàng đế, đóng đô ở Vạn An, tục gọi là Mai Hắc Đế (Vua Đen). Nhà Đường phải vận dụng đến mười vạn quân để chống cự với ba mươi ngàn quân. Cuộc kháng chiến đang hồi quyết liệt thì ông bị bệnh chết, giữa lúc sự nghiệp quốc gia cần có người như ông.

Rồi nửa sau thế kỷ VIII (766 - 791), có vị anh hùng tên là Phùng Hưng, quê ở Đường Lâm (tỉnh Sơn Tây) nổi dậy, đem quân về chiếm giữ phủ thành được mấy tháng, công việc đang dở dang, không may cho vận nước: ông mất! Quân sĩ lập con là Phùng An lên nối nghiệp. Dân ái mộ Phùng Hưng tôn vinh là Bồ Cái Đại Vương, bậc cha mẹ của dân.

Tháng bảy năm Tân Tí (791), vua Đường sai Triệu Xương sang làm đô hộ sứ, Phùng An thấy thế chống không nổi, xin hàng.

Đến năm 907 TL, thì nhà Đường đổ, nước Trung Hoa rất rối loạn, anh hùng hào kiệt nổi loạn khắp nơi. Ngai vàng là mục tiêu chính mà con cháu các dòng vua chúa thuở trước có cơ dấy binh. Các cuộc huyết chiến xảy ra liên miên. Hẳn ta chưa quên thời Đông Hán tan rã, Trung Hoa liền xảy ra cảnh sứ quân cát cứ tương tranh giữa ba nhà Ngụy - Thục - Ngô (220 - 280). Nay nhà Đường bị chấm dứt thì cảnh loạn lạc tranh ngôi cửu ngũ lại xảy ra. Thời này, sử Trung Hoa gọi là Ngũ Quý, hay là Ngũ Đại, gồm có Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Trong năm nhà Hậu này, chẳng có "nhà Hậu" nào có thực lực cả, nên chỉ được một thời gian ngắn độ dăm năm là bị khai trừ. Toàn lãnh thổ Trung Hoa bị bão tố, loạn lạc và lụn bại. Lúc này đúng là lúc "trời không có mắt" nên lãnh thổ của "thiên triều" như vô cương trên nửa thế kỷ.

Trước bối cảnh đen tối ấy, các viên chức cai trị

Trung Hoa nơi viễn xứ đang phân vân, bối rối, không biết dòng họ nào sẽ cầm chính quyền điều khiển quốc gia? Còn người Việt, sau bao nhiêu năm trời đắng đắng buộc phải sống bên cạnh người Trung Hoa, đã nhận ra cái nhược điểm ấy của nước thống trị, nên cũng như bao lần trước, cuộc biến loạn tại chính quốc (Trung Hoa) là một dịp tốt cho người dân bị trị Giao Châu vùng đứng dậy giành lại quyền tự chủ của quốc gia mình. Khúc Thừa Dụ, quê ở Hải Dương "được nhân dân khâm phục, ông nhân danh là hào trưởng một xứ mà tự xưng là tiết độ sứ".

Ngày 7 tháng 2 năm 906, vua Đường (bất đắc dĩ) phải chấp nhận cho Khúc Thừa Dụ giữ chức tiết độ sứ, một chức quan của nhà Đường, nhưng ông đã xây dựng một chính quyền tự trị của người bản địa. Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, con là Khúc Hạo, nối nghiệp cha giữ chức tiết độ sứ, chỉ sau đó mấy tháng, ông đã cải cách lại tất cả cơ cấu hành chính quốc gia, thay đổi các viên chức Trung Hoa, định lại thuế khóa cho công bằng và hợp lý. Tiết độ sứ Khúc Hạo mất năm 917 TL. Con là Khúc Thừa Mỹ lên thay, vẫn tự xưng là tiết độ sứ.

Năm 923, nhà Hán xưa quân sang đánh nước Việt, bắt được Khúc Thừa Mỹ nhưng sau thả ra cho phục chức như cũ. Năm 931, Dương Đình Nghệ (KĐVSTGCM viết là Dương Diên Nghệ), một tỳ tướng của tiết độ sứ Khúc Hạo, đã có công nổi dậy đuổi được bọn Lý Khắc Chính (LSVN, T1 ghi là Dương Khắc Trinh) của quân Nam Hán về nước sau 8 năm bị đô hộ. Rồi, sau 6 năm hưng quốc, Dương Đình Nghệ bị viên nha tướng của mình, là Kiều Công Tiễn, phản loạn giết và soán đoạt ngôi báu. Ngô Quyền, một tướng tài và là rể của Dương Đình Nghệ. Sau khi nghe tin chúa mình bị giết chết, liền cử binh từ Ái Châu (Thanh Hoá) kéo ra đánh Kiều Công Tiễn, tên tay sai của Hán chủ, để báo thù cho chúa và trừ hậu họa.

Tuy không có tài liệu chính truyền xác định Đạo Phật truyền vào Việt Nam trước thế kỷ thứ nhất dương lịch, nhưng bằng phương pháp thuần lý, do sự quy nạp các tài liệu có tính cách phong tục học và xã hội học thuộc các triều đại xa xưa của nước ta nhận thấy có nhiều bằng chứng (gián tiếp) cho phép ta tin tưởng rằng "Đạo Phật du nhập Việt Nam trước Trung Hoa, và đã hưng thịnh rất xán lạn rồi.

Riêng có điều này là nên chú ý: Thời Tùy - Đường bên Trung Hoa, Phật giáo rất thịnh (mà) duy chỉ có một ngài Huyền Trang sang Ấn Độ học đạo và thỉnh kinh; mà ở Việt Nam đã có (cả thầy) sáu vị



Chùa Kiến Sơ

thiền sư qua Ấn Độ tu học. Rất tiếc là các vị ấy đều đã tịch ở xứ người (Sáu vị thiền sư Việt Nam đó là các ngài: Vân Kỳ, Mộc Xoa Đề Bà, Tuệ Diệm, Trí Hành, Khuy Xung và Đại Thặng Đăng). Ta cũng không quên được là lúc bấy giờ nhà Đường không thiếu gì các bậc tài đức, thế mà các thiền sư, như: Phụng Đình và Duy Giám. của nước Việt Nam đã được vua nhà Đường thỉnh vào cung thuyết pháp cho vua nghe. Các nhà trí thức Trung Hoa (đời Đường) rất kính mộ các thiền sư Việt Nam và đã làm thơ tán dương các ngài. Trong Kiến Văn Tiểu Lục của Lê Quý Đôn có ghi lại những bài thơ ấy. Nguyên bản bài thơ chữ Nho của thi sĩ Dương Cự Nguyên viết để tặng thiền sư Phụng Đình:

"Cổ hương Nam Việt ngoại
Vạn lý bạch vân phong
Kính luân từ thiên khứ
Hương hoa nhập hải phùng
Lộ đào thanh phạm triệt
Thần các hóa thành tung
Tâm đảo Trường an mạch
Giao Châu hậu dạ chung."

*Quê nhà trong cõi Việt
Mây bạc tít mù xa
Cửa trời vắng kinh kệ
Mặt biển nổi hương hoa
Sóng gợn cò in bóng
Thành xây hến mấy tòa
Trường An lòng quán từ
Giao Châu chuông đêm tà.*

(Thích Mật thể dịch)

Và dưới đây là bài thơ của thi hào Giả Đảo (1) viết để tiễn thiền sư Duy Giám:

"Giảng kinh luân điện lý
Hoa nhiều ngự sàng phi
Nam hải kỳ hồi quá
Cửu sơn lâm lão qui
Xúc phong hương tốn ẩn
Lộ vũ khánh sinh y
Không thủy ký như bĩ
Vãng lai tiểu tức hy."

*Giảng kinh nơi cung điện
Vườn ngự hoa xuân bay
Xa quê từ mấy độ
Núi cũ về từ nay
Mưa sa đầm áo bạc
Gió táp ẩn hương phai (2)
Biển vắng như thế đó
Tin tức làm sao hay (3)*

(Nguyễn Lang dịch)

Cũng như Thẩm Thuyên Kỳ, tự Vân Khanh, đồ tiền sĩ, làm quan đời Vũ hậu, bị biếm xuống Hoan Châu, là một thi sĩ nổi tiếng đầu thế kỷ VIII, có lần đến yết kiến vị thiền sư, trụ trì chùa Sơn Tĩnh, quận Cửu Chân, đã viết bài thơ truy tặng VÔ NGAI Thượng Sĩ tỏ ý tôn xưng ngài (Vô Ngại) là vị hóa Phật và tự nhận mình là đệ tử may mắn được diện kiến tham tu chính pháp:

"Đại sĩ sinh Thiên Trúc
Phân thân hóa Nhật Nam
Nhân trung xuất phiến não
Sơn hạ tức già lam
Tiểu giản hương vi sát
Nguy phong thạch tác am
Hầu thiền thanh cốc nhũ
Khuy giảng bạch viên tham

Đặng ái vân gian bích
Hoa thê thạch hạ đàm
Tuyền hành u cung hảo
Lâm quải dục y kham
Đệ tử ai vô thức
Y vương tích vị đàm
Siêu nhiên hổ khê tịch
Chính thụ hạ hư lam"

*Phật xưa sinh Thiên Trúc
Nay hoá thân Nhật Nam
Vòng nảo phiền ra khỏi
Dưới núi dựng già lam
Khe suối thơm là cảnh
Đá non cao là am
Chim xanh tập thiền định
Vượn trắng nghe giảng đàm
Vách đá dây mây cuốn
Mặt đầm hoa leo thang
Theo suối vào bóng mát
Giặt áo phơi rừng hương
Đệ tử hận mình dở
Phật pháp chưa am tường (4)
Qua khe Hổ nhìn lại (5)
Dưới cây sương khói lam.
(Nguyễn Lang dịch)*

Cách hơn 300 năm sau, khoảng thế kỷ thứ IX, Việt Nam lại xuất hiện một phái Thiền Tông nữa, do ngài VÔ NGÔN THÔNG từ Trung Hoa truyền vào. Ngài đặc pháp với Sư tổ Đại Trí Bách Trượng HOAI HAI, và năm 820 thì qua Việt Nam, trụ trì chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, sau truyền pháp lại cho tôn giả CẨM THÀNH. Dòng Thiền này truyền được 15 đời, gồm 40 vị Tổ kế thừa (mà) tôn giả Cẩm Thành là Sơ tổ của Việt Nam, thuộc phái THIỀN TÔNG THỨ HAI, DÒNG VÔ NGÔN THÔNG.

Thích Đức Nhuận
(Đạo Phật và Dòng Sư Việt)

Chú thích:

- (1) GIẢ ĐÀO, tự Lăng Tiên, trước đi tu làm tăng hiệu là Vô Bản, hay làm thơ, thường gò từng chữ. Một hôm cỡi lừa đi ngoài đường, nghĩ được hai câu thơ: Điều túc trĩ biên thụ, tăng sao nguyệt hạ môn. Sau muốn đổi chữ sao ra chữ thôi, nhưng còn phân vân chưa biết dùng chữ nào, rồi cứ một tay ra hiệu gõ cửa, một tay ra hiệu đẩy cửa. Gặp quan Kinh triệu doãn là Hàn Dũ đi qua, thấy thế, gọi lại hỏi và bảo nên để chữ sao. Từ đó người ta gọi lối văn gọt dũa từng chữ là lối thôi sao. Ông thi tiến sĩ không đỗ, làm chức Trường giang chủ bạ. (Theo Đường Thi của Lê thần TRẦN TRỌNG KIM)
- (2) Chú thích của dịch giả: Trên con đường về, mưa làm phai nhạt mùi hương của chiếc ấn ngài mang theo - áo và ấn đây là tùy thân của tăng sĩ đặc truyền.
- (3) Biên vắng không thuyền bè đi lại, làm sao tôi nhận được tin tức của ngài sau này.
- (4) Y Vương: Phật được gọi là Y vương, vua của các thầy thuốc, chữa được mọi tâm bệnh. Y vương ở đây có nghĩa là Phật Pháp.
- (5) Hổ Khê: pháp sư Tuệ Viễn ít khi đưa khách qua khỏi khe chảy ngang trước núi. Pháp sư một lần cùng khách đàm luận về Đạo Phật vì vui câu chuyện nên đã đi qua khỏi khe, cõ một con hổ rống lên vì lấy làm lạ.



Chào Mừng Ngày Về Nguồn

*Ngày Về Nguồn Tám tại Úc châu,
Thiện tín Tăng ni dù ở đâu,
Hoan hỷ cùng nhau về tham dự,
Nhất hướng chung lo chuyện Đạo mầu.*

*Đã bảy năm qua khắp các châu,
Đầu tiên phát khởi Ca-na-đa,
Lần về Mỹ quốc, chùa Bát nhã,
Thứ ba, An lạc Ven-tua-ra (Ventura),*

*Thứ tư, Đức quốc đông chi lạ,
Pháp quốc thứ năm tỉnh Ly-on (Lyon),
Chuyến qua thứ sáu, thầy Như Huệ,
Thứ bảy phá phách cứ vẫn đông.*

*Để rồi thứ bảy về lại Mỹ,
Hòa thượng Nguyên An phát nguyện lo,
Tăng Ni hòa hợp đồng tham dự,
Vận chuyển Pháp mầu xứ tự do...*

*Thế rồi thứ tám đến Xích-ni (Sydney),
Thứ chín tổ chức tại Pa-ri (Paris),
Tăng Ni, Thiện tín đều nô nức,
Cùng nhau hội tụ thấy vui ghê.*

*Thứ mười chưa tính, vẫn dựng xây,
Chờ đợi, vì còn... chưa tính ngày,
Hy vọng Tôn Đức một lòng nghĩ...
Về Nguồn luôn chuyển khắp đó đây...*

Điều ngự tử TÍN NGHĨA

(Kỷ niệm Ngày Về Nguồn VIII)

Ý NGHĨA CỦA ĐỜI SỐNG LOÀI NGƯỜI

DALAI LAMA

Tuệ Uyển dịch

Sự thảo luận của chúng ta về thiên tập cho thấy rằng phân tích là thiết yếu đối với tiến trình chuyển hóa tinh thần. Tuệ trí của học hỏi (văn) và tuệ trí của quán chiếu (tư) nổi bật lên từ sự thực hành tùy thuộc trên việc sử dụng một cách thích đáng trí thông minh. Vì con người được trang bị với một loại thông minh tốt nhất, cho nên đối với một hành giả Phật Pháp có sự hiện hữu như con người là cực kỳ quan trọng.

Đã thiết lập một mối quan hệ với một vị thầy tâm linh, thì chúng ta phải thực hành như thế nào? Trình bày những giai tầng mà qua đây hành giả tự rèn luyện tâm thức, Tổng Khách Ba (1:117-175) bắt đầu với việc quan tâm đến động cơ. Một điểm thiết yếu mà ngài thực hiện là tầm quan trọng của việc nhận ra sự quý giá của việc được sinh ra như một con người, đặc biệt như một con người có sự thư thái và cơ hội để thực hành giáo pháp. Loại tái sinh hiếm hoi này phải được sử dụng cho một mục tiêu to lớn. Chúng ta không thể cho là đương nhiên hay cho rằng chúng ta sẽ dễ dàng có sự tái sinh như một con người trong tương lai. Thế nên câu hỏi là: Chúng ta có thể làm cho sự hiện hữu như những con người của chúng ta đầy đủ ý nghĩa như thế nào?

Để giải thích điều này, Tổng Khách Ba (1:129-141) sử dụng khái niệm rằng con người có ba năng lực: nhỏ, trung bình, và lớn hay siêu việt. Để định nghĩa con người với năng lực nhỏ, ngài (1:130) trích trong *Ngọn Đèn Cho Con Đường Giác Ngộ - hay Bồ Đề Đạo Đẳng Luận* - của Atisha rằng:

"Hãy biết như những con người thấp nhất là những kẻ cần cù cố gắng duy nhất để đạt đến những niềm vui của cõi luân hồi, bằng bất cứ phương tiện nào, chỉ cho lợi ích của chính họ mà thôi."

Mục tiêu chính của họ là hạnh phúc trần gian, sự tiếp cận của họ đến mọi thứ được hình thành bằng động cơ ấy.

Tác phẩm của Atisha (trích 1:130-131) sau đó định nghĩa con người với năng lực trung bình:

"Những người được gọi là 'trung bình' là những kẻ chấm dứt những hành vi tội lỗi, quay lưng lại với những niềm vui của cõi luân hồi, và cố gắng một cách cần mẫn chỉ vì sự hòa bình tĩnh lặng của chính họ mà thôi."

Động cơ chính của những con người này là để đạt đến tự do khỏi cõi luân hồi; họ được tẩy hết ảo tưởng đối với tất cả niềm vui hiển nhiên trong cõi luân hồi một cách sâu sắc. Ở đây, "tội lỗi" liên hệ đến những phiền não; "hành vi tội lỗi" có nghĩa là những việc làm đưa đến tái sinh trong cõi luân hồi. Những hành giả với năng lực trung bình quay lưng lại với những hành vi như vậy và cố gắng một cách cần



mẫn cho sự an bình và tự do của chính họ, giải thoát khỏi cõi luân hồi. Những sự thực tập chính yếu của họ là ba rèn luyện cao cấp trong đạo đức, thiền định và tuệ trí (giới, định, tuệ). Trong phạm vi của việc rèn luyện trong tuệ trí, họ tập trung trên 37 phẩm trợ đạo bồ đề (pali).

Sau đó Tổng Khách Ba (1:131) trích dẫn sự định nghĩa của Atisha về những con người với năng lực lớn:

"Những người được gọi là 'siêu việt' là những kẻ chân thành"

muốn làm tan biến tất cả khổ não của người khác bằng việc thấu hiểu nỗi khổ đau của chính họ."

Những hành giả này nội quán vào trong khổ đau của chính họ và sau đó mở rộng cùng sự thấu hiểu ấy đến tất cả những chúng sanh khác. Họ được động viên để chấm dứt khổ đau của tất cả chúng sanh và chính trên căn bản ấy mà họ ngưỡng vọng đạt đến Quả Phật vì lợi ích của tất cả chúng sanh. Họ thực hành tâm bồ đề cả những hình thức cứu kính lẫn quy ước cũng như sáu ba la mật (1). Những sự thực tập này là đặc biệt cho những hành giả với năng lực siêu việt.

Do bởi những mục tiêu khác nhau của họ, cho nên có những sự thực hành khác nhau thích ứng đặc biệt cho mỗi người trong ba hạng người trên. Đối với hành giả có năng lực nhỏ bé, mục tiêu của họ là đạt đến sự tái sinh may mắn. Những người với năng lực trung bình thực hiện những sự tu tập hướng đến việc đem tới sự giải thoát khỏi vòng luân hồi. Những người với năng lực siêu việt muốn những sự thực hành và giáo huấn hướng đến việc đạt được thể trạng toàn giác của một Đức Phật.

Nếu chúng ta hỏi những gì phân biệt Phật Giáo, những gì là bản chất của giáo Pháp, thế thì chúng ta phải trả lời trong dạng thức của những gì góp phần cho việc đạt đến giải thoát. Tuy nhiên, trong sự thực hành thật sự, quý vị phải tiến hành theo phương thức từng bước một. Ngay cả nếu mục tiêu của quý vị là để đạt đến giải thoát, trong sự bắt đầu của con đường tiệm tiến - như Thánh Thiên đã chỉ ra trong Bốn Trăm Kệ Tụng - quý vị phải chấm dứt những hành vi bất thiện. Trước khi quý vị có thể phản ứng lại những phiền não tiềm tàng, thì quý vị cần đối phó với những biểu hiện hay biểu lộ liên quan tới hành vi của những phiền não này. Đây là những hành vi tiêu cực và tàn phá của thân thể, lời nói và tâm ý. Vì thế thật quan trọng để kiêng tránh khỏi mười hành vi bất thiện (2). Trong trình bày của Đức Phật về mười thiện giới, nguyên tắc chính là để đối phó với những hậu quả của sân hận và thù oán vì thế là tránh làm tổn hại người khác. Hành giả với năng lực nhỏ bé không cố gắng để đối đầu với chính những phiền

não, nhưng đối phó với những biểu hiện hay biểu lộ liên quan tới hành vi của những phiền não này.

Rồi thì, như Thánh Thiên đã chỉ ra trong Bốn Trăm Kệ Tụng, trong đoạn giữa của con đường tiệm tiến hành giả cần chấm dứt chấp ngã (3). Hành giả với năng lực trung bình tập trung và hành động để tẩy trừ chính những phiền não.

Sau đó, ở trình độ thứ ba, Thánh Thiên nói rằng chúng ta phải đem đến một sự chấm dứt của tất cả những quan điểm vọng tưởng. Điều này cho thấy rằng con người với năng lực siêu việt đang vượt thắng không chỉ những phiền não, nhưng cũng là vượt thắng những xu hướng còn sót lại căn cứ trên những phiền não đã hiện diện trước đây trong tâm thức họ. Trong cách này, quý vị có thể nối kết ba giai tầng thực tập của Thánh Thiên với ba hạng hành giả của Atisha.

Trình Tự Thực Tập

Có một chuỗi thứ tự rõ ràng đối với giáo huấn và thực tập cho những con người của ba năng lực. Quý vị không thể nhảy tới những sự thực tập liên quan với năng lực trung bình hay năng lực siêu việt mà không xếp đặt một nền tảng bằng việc thực hiện những sự thực tập phù hợp với người có năng lực nhỏ. Dẫn thân trong một sự thực tập như vậy, quý vị bỏ đi những quan tâm ám ảnh về kiếp sống này và hướng tới quan tâm cho những kiếp sống tương lai.

Rồi thì trong trình độ tiếp theo, việc phản chiếu một cách sâu sắc trên bản chất khổ đau trong vòng luân hồi, quý vị cũng có thể quay lưng khỏi sự dính mắc cũng như bận tâm với những kiếp sống tương lai. Buông bỏ sự bận tâm ám ảnh với kiếp sống này và với những kiếp sống tương lai, thì quý vị có một cảm nhận sâu xa của việc tính mạng đối với vòng luân hồi như một khát vọng toàn bộ và chân thành hay nguyện vọng để đạt đến tự do.

Sau đó quý vị hướng tập trung, mở rộng cùng sự thấu hiểu đến những chúng sanh khác. Khi quý vị động lòng trắc ẩn, lòng bi mẫn đối với họ, quý vị làm sâu sắc thêm và mở rộng lòng trắc ẩn ấy đến toàn thể chúng sanh, thì thực tập như một hành giả với năng lực siêu việt. Thế nên chuỗi thực hành được quyết định bởi những giai tầng qua những gì mà tâm thức chúng ta tiến bộ khi nó được chuyển hóa.

Giáo huấn những giai tầng của con đường tiệm tiến làm lợi lạc mọi hành giả ở bất cứ trình độ năng lực nào. Trong giáo huấn này, quý vị tìm thấy những sự thực hành thích ứng với xu hướng tinh thần và động cơ tâm linh đặc thù. Nếu là một người với năng lực nhỏ, chủ yếu muốn tránh khổ đau trong một sự tái sanh bất hạnh, thế thì có một cách thực tập giáo pháp trong khuôn mẫu của Bốn Chân Lý Cao Quý. Trong trường hợp đó, chân lý khổ đau liên hệ đến chúng cứ khổ đau, tính đặc thù của một hình thức dữ dội, như được tìm thấy trong những cảnh giới luân hồi bất hạnh. Nguồn gốc của nỗi khổ đau như vậy bao gồm những hành vi bất thiện liên hệ đến việc làm tổn hại người khác. Những phiền não phía sau những hành vi này là những hình thức đặc thù



của ba loại độc hại phổ hợp với những hành vi bất thiện: tham lam, sân hận và tà kiến (4). Những con đường tu tập chân thật tương đương sẽ là việc tiếp nhận mười thiện giới để tránh khỏi mười điều ác. Sự ngừng dứt chân thật tương đương sẽ là sự tự do tạm thời khỏi phải có một sự tái sanh bất hạnh.

Do vậy, đối với người có năng lực nhỏ, có một nguyện vọng để tìm tự do - tự do khỏi sự tái sanh bất hạnh. Và có những sự trình bày hoàn toàn về tất cả những sự

thực tập mà quý vị cần để thực chứng mục tiêu ấy. Vì vậy, trong những giai tầng của con đường tiệm tiến tiếp cận, những khổ đau của các cảnh giới thấp của cõi luân hồi được giải thích, tiếp theo bởi sự thực tập quy y tam bảo qua những gì quý vị tìm cầu nơi nương náu khỏi những sự tái sanh bất hạnh, và rồi tiếp theo bằng những sự diễn giải về các hoạt động của nghiệp chướng và những sự thực hành kiêng tránh khỏi những hành vi bất thiện.

Ở một chỗ khác, những yếu tố thực tập được phân chia và được sắp xếp theo trình tự trong những cung cách hơi khác nhau. Thí dụ, Tổng Khách Ba trong *Ba Phương Diện Chính Của Con Đường Giác Ngộ* bao gồm trong những sự hành thiền của người có năng lực nhỏ trên sự quý giá của kiếp sống con người và phản chiếu trên bản chất tạm thời của nó (5). Sau đó, quán chiếu trên nghiệp báo nhân quả và phản chiếu trên những khổ đau của những cõi luân hồi bất hạnh bao gồm trong những sự thực hành của người có năng lực trung bình. Những thứ này hoạt động như một căn bản cho việc phát triển một cảm nhận sâu sắc của sự vô mộng về cõi luân hồi và trau dồi sự viên ly. Vì vậy, trong những sự tiếp cận khác nhau phân chia những yếu tố của những giáo huấn hơi khác nhau, truyền thống những giai tầng của con đường tiệm tiến đem tất cả những sự thực tập của ba hạng người lại với nhau (6). Mọi thứ là ở đây.

Bắt Đầu Sự Thực Hành

Để tận dụng kiếp sống của một con người với sự thư thái và cơ hội, chúng ta phải bắt đầu việc rèn luyện tâm thức chúng ta trong những giai tầng của con đường tiệm tiến mà tất cả ba hạng người cùng chia sẻ với hạng người có năng lực nhỏ. Điều thứ nhất trong những sự thực tập này là phát triển một nguyện vọng và hồi hướng để cải thiện những kiếp sống tương lai của chúng ta; để được kết quả như vậy, chúng ta phải hành thiền trên tính vô thường và sự chết. Vô thường là cực kỳ quan trọng trong giáo huấn của Đạo Phật. Thí dụ, nếu quý vị nhìn vào sự trình bày của Bốn Chân Lý Cao Quý, nơi mà mỗi chân lý có bốn đặc trưng, vô thường là một trong những đặc trưng của chân lý về khổ đau, khổ đế. Chúng ta cũng nói về bốn dấu ấn trong giáo lý nhà Phật:

* Tất cả mọi hiện tượng duyên sanh là vô thường (chư hành vô thường).

* Tất cả mọi hiện tượng nhiễm ô là khổ (nhất thiết hành khổ).

* Tất cả mọi hiện tượng là trống rỗng và vô ngã

(chư pháp vô ngã).

* Niết bàn là hòa bình chân thật (niết bàn tịch tĩnh).

Ở đây một lần nữa, vô thường của mọi hiện tượng duyên sanh là thứ nhất. Khi Đức Phật dạy vô thường trong phạm vi của Bốn Chân Lý Cao Quý và bốn pháp ấn, vấn đề chính yếu để thấu hiểu là tính vô thường vi tế, điều này có nghĩa là sự thay đổi từng thời khắc. Tuy nhiên, đối với người có năng lực nhỏ, sự thấu hiểu về vô thường không luôn luôn vi tế; nó ở trình độ thô, nơi mà chúng ta xem vô thường như sự chết. Trong những dạng thức này, khi sự tương tục của đời sống con người đặc thù đi đến chấm dứt, điều này cho thấy sự vô thường của kiếp sống ấy. Tính thức về sự chết là thiết yếu bởi vì việc nhớ đến sự chết và tính vô thường làm trái ngược lại khuynh hướng thói quen của chúng ta là chấp trước vào tính thường hằng trong sự hiện hữu của chúng ta - và tất cả mọi hình thức rắc rối sinh khởi từ việc chấp trước vào tính thường hằng.

Quy Y Tam Bảo

Đã trau dồi sự tỉnh thức về sự chết và vô thường, rồi thì quý vị phản chiếu trên sự khổ đau của các cõi thấp (địa ngục, ngã quỷ, súc sanh). Nhưng những gì chúng ta thực tập để có thể tránh khỏi tái sanh vào cõi bất hạnh? Quý vị có thể quy y tam bảo và sau đó, trên căn bản ấy, hãy nghiên cứu để sống trong một cung cách đưa vào nghiệp báo nhân quả một cách lợi lạc. Quy y là quan trọng bởi vì giới luật tránh hành vi phi đạo đức tự nó không đặc trưng là Phật Giáo; nó chỉ trở thành sự thực tập Phật Giáo khi nó đi cùng với sự quy y tam bảo. Ở sự bắt đầu, và ngay cả sau này trong giới hạn của một vài trường hợp đặc thù, đức tin đóng một vai trò trong việc phát triển niềm tin vững chắc trong nghiệp báo nhân quả.

Tông Khách Ba (1:178) giải thích quy y tam bảo bằng việc nhận biết những điều kiện cho người tìm cầu sự quy y, bậc nào hay điều gì xứng đáng là đối tượng để quy y, phương cách của việc tìm cầu quy y, những giới điều mà quý vị phải quán chiếu khi quy y, và lợi lạc của việc quy y. Thật vậy, ngài dường như cho là đương nhiên rằng hành giả đã là một Phật tử. Quy y luôn luôn được trình bày trong cách này trong giáo huấn *Những Giai Tầng Của Con Đường Tiệm Tiến Lamrim*.

Tuy nhiên, có những cách tiếp cận khác. Chương thứ hai của *Luận Giải Nhận Thức Luận* của Phách Xứng đưa ra những tranh luận để thiết lập khả năng đạt đến giải thoát (7). Khả năng giải thoát cũng được nêu trong *Minh Cú Luận* của Nguyệt Xứng như nó bình luận trong 24 chương của *Căn Bản Trí Tuệ Trung Đạo* của Long Thọ (8). Long Thọ đã trình bày một phản bác từ một Phật tử duy thực, người ấy cảm thấy rằng nếu mọi thứ là trống rỗng sự tồn tại cố hữu, thế thì mối quan hệ nhân quả là không thể hiện hữu. Điều này làm giáo Pháp không vững, và không có giáo Pháp thì không thể có cộng đồng tâm linh và không có Phật. Người Phật tử duy thực nghĩ rằng nếu mọi thứ là trống không, tam bảo sẽ không đứng vững bởi vì mọi thứ liên hệ đến những mối quan hệ nhân quả sẽ tan vỡ.

Để đáp lại, Long Thọ xoay những chiếc bàn, tranh luận rằng nếu mọi thứ là sự tồn tại cố hữu, nếu mọi thứ là không trống rỗng, thế thì đúng là tình trạng ấy sẽ làm cho mối quan hệ nhân quả không biện hộ được. Nếu tánh không là không đứng vững, rồi thì lý duyên sanh trở thành không bảo vệ được, và nếu lý duyên sanh trở thành không đứng

vững, thế thì sự chấm dứt (diệt đế) và con đường đưa đến sự chấm dứt ấy sẽ trở thành không biện hộ được. Đây là bởi vì tánh không không chỉ đơn thuần là không có gì cả hay không tồn tại, mà đúng hơn là việc vắng mặt của sự tồn tại cố hữu, việc thiếu vắng sự tồn tại bởi cung cách của một đặc trưng thực chất nào đó. Không có tánh không, mọi thứ sẽ chỉ là tự cấu thành; sẽ không có khả năng của những mối quan hệ hỗ tương. Những sự nối kết như vậy giữa sự thực hành con đường tu tập và việc đạt đến sự chấm dứt khổ đau sẽ không hoạt động. Nguyệt Xứng trong *Minh Cú Luận* trình bày những sự tranh luận này một cách sáng chói. Đối với ai tìm cầu sự quy y, tôi nghĩ có thể sẽ rất hữu ích để thấu hiểu tối thiểu một số khía cạnh nào đó của việc này.

Vô Ngã Và Giải Thoát

Một câu hỏi thông thường là: nếu không có tự ngã tồn tại cố hữu, thì điều gì luân hồi? Một phần của vấn nạn này đến từ sự thấu hiểu phiến diện về giáo lý vô ngã. Đức Phật không phủ nhận sự tồn tại của bản ngã con người. Có một người hành động, tích lũy nghiệp. Có một người trải nghiệm những hậu quả của những hành động ấy. Đức Phật yêu cầu chúng ta phân tích bản chất tự ngã của chúng ta. Tự ngã, hay con người, tồn tại trong sự phụ thuộc vào những yếu tố tinh thần và vật lý nào đó. Tuy nhiên, trong nhận thức ngu ngơ của chúng ta về chính chúng ta, chúng ta có khuynh hướng cho rằng tự ngã là điều gì đó giống như một kẻ quản lý chế ngự thân thể và tâm thức chúng ta, rằng nó là một loại thực chất thể nào đó độc lập với thân thể và tâm thức. Nó là loại tự ngã ấy, một thứ mà chúng ta thừa nhận một cách sai lầm là tồn tại, mà Đức Phật phủ nhận. Điều mà những người Phật tử phản đối không phải là con người, nhưng là một nhận thức sai lầm về tự ngã.

Khi những người Phật tử chúng ta trình bày giáo lý tánh không, chúng ta dùng cơ sở lập luận rằng mọi thứ sinh khởi trong sự lệ thuộc trên những nhân tố khác, rằng mọi thứ được gọi tên một cách lệ thuộc, như chúng cứ rằng mọi thứ là trống rỗng sự tồn tại cố hữu của chính chúng. Chính sự kiện rằng chúng ta sử dụng lý duyên sanh để chứng minh tánh không cho thấy rằng chúng ta thật sự chấp nhận một loại tồn tại nào đấy.

Quy y tam bảo vì vậy đòi hỏi một sự thấu hiểu nào đó về khả năng của diệt đế - sự chấm dứt khổ đau chân thật - một cách tổng quát, và đặc thù cho tự chính một người. Có thể có khả năng cho những nhiệm ô tình thần, những phiền não liên hợp với tâm thức chúng ta, được tan biến và được tẩy sạch trong chính bản chất của tự tâm thức không? Nhằm để thấu hiểu vấn đề này có thể xảy ra như thế nào, thì rất cần thiết để có một sự thấu hiểu nào đấy về tánh không.

Hơn thế nữa, phiền não là nguồn gốc của khổ đau, nhưng nếu sự thấu hiểu của chúng ta là sâu sắc, thế thì chúng ta biết rằng có một căn bản si mê tại gốc rễ của phiền não. Và như tôi đã đề cập trước đây, quan điểm của quý vị về thực tại cứu kính quyết định vấn đề quý vị định nghĩa đặc điểm của tính si mê căn bản này như thế nào. Để có một sự thấu hiểu sâu hơn về phiền não, đến trình độ vi tế của si mê, đòi hỏi một sự thấu hiểu nào đó về cung cách mà mọi thứ thật sự tồn tại, bản chất của thực tại. Tương tự thế, khổ đau chân thật (khổ đế) có thể được thấu hiểu tại trình độ vi tế chỉ với một sự thấu hiểu nào đó về tánh không (9).



Tánh Không Và Quy Y

Một cách lý tưởng, thế thì một sự thấu hiểu về tánh không là quan trọng khi quy y tam bảo. Thí dụ, khi chúng ta nói, "Tôi quy y Phật", thuật ngữ Phật (Buddha) trong Phạn ngữ có hai ý nghĩa khác biệt. Nó có thể có nghĩa là tẩy sạch những sai lầm hay nhiễm ô, nhưng nó cũng gợi ý sự nảy nở, phát triển như những cánh hoa sen nở ra. Trong Tạng ngữ, hai khía cạnh này được phối hợp, và thuật ngữ kết hợp được đọc là *sang gyay* (*sangs rgyas*). *Sang* (*sangs*) có nghĩa là "tịnh thức" hay "được tẩy sạch", trong khi *gyay* (*rgyas*) có nghĩa là "nở ra" hay "phát triển". Giống như thế, Phạn ngữ cho Giác Ngộ, *bodhi* hay bồ đề, được dịch sang Tạng ngữ như *jang chup* (*byang chub*), một lần nữa lại có cả nghĩa của thuật ngữ được hình thành như một đơn ngữ kết hợp (10).

Ở trình độ của Quả Phật sự tẩy sạch hoàn toàn tất cả những nhiễm ô và sự toàn hảo tất cả những phẩm chất Giác Ngộ là đồng thời, nhưng cùng với cung cách, nó là một tiến trình của việc tẩy trừ những chướng ngại. Đây là bởi vì phẩm chất tinh thần Giác Ngộ của Đức Phật, cung cách lãnh hội của Đức Phật về thế gian, là - trong một ý nghĩa - được trình bày một cách tự nhiên trong tâm thức chúng ta. Nó không phải là điều gì mới mà chúng ta cần tạo lại lần nữa. Sự thực hành con đường tu tập liên hệ việc tẩy trừ những chướng ngại làm mờ mịt sự biểu hiện năng lực tự nhiên của chúng ta để biết mọi thứ như chúng là. Cho đến khi mà những chướng ngại vẫn còn, chúng làm vẩn đục tâm thức và ngăn ngừa sự nhận thức phẩm chất tự nhiên của nó. Do thế, trong *sang gyay*, Tạng ngữ cho Phật đà (Buddha), âm *sang* - "tẩy sạch" - được đặt trước và *gyay* - "phát triển" - đến tiếp thứ hai.

Vấn đề là để thật sự biết quy y có ý nghĩa gì, quý vị cần thấu hiểu đối tượng của quy y; điều xét cho cùng đòi hỏi sự thấu hiểu giáo lý tánh không. Quý vị phải thấu hiểu Quả Phật thật sự có ý nghĩa là gì và vấn đề nó được định nghĩa trong dạng thức tan biến tất cả nhiễm ô trong tự bản chất của tâm thức là thế nào. Không có điều này, quý vị sẽ không thấu hiểu Giác Ngộ và sự vắng mặt của niết bàn và luân

hồi, liên quan đến căn bản tự nhiên của chính tâm thức là như thế nào. Vì thế sự thấu hiểu tánh không là thiết yếu.

Giống như thế, khi chúng ta nói, "Tôi quy y Pháp", Phạn ngữ Pháp (dharma) có nghĩa là điều gì đẩy thủ hộ hay bảo hộ quý vị. Để thấu hiểu điều này một cách trọn vẹn, quý vị phải thấu hiểu tánh không. Và khi quý vị quy Tăng, cộng đồng tâm linh (sangha), Tạng ngữ của sangha có nghĩa là những ai hướng tới tinh hoa. Vì tinh hoa ở đây có nghĩa là sự ngừng dứt chân thật (diệt đế), cho nên quý vị phải thấu hiểu sự ngừng dứt chân thật và tánh không nhằm để lãnh hội trân bảo thứ ba như một đối tượng để quy y.

Trước khi quý vị thật sự quy y tam bảo, quý vị cũng phải thấu hiểu nghiệp chướng, mối quan hệ của hành động và hiệu quả. Vì mục đích này, quý vị phải thấu hiểu nhân quả bởi vì những hoạt động của nghiệp chướng là một thí dụ của nhân quả; nghiệp là bộ phận của một loại rất đặc thù của mối quan hệ nhân quả. Nghiệp theo nghĩa đen là "hành động", nhưng khi thuật ngữ được sử dụng trong Phật Giáo, hành động nghiệp phải là tác nhân với một khuynh hướng. Nhân quả nghiệp báo là một tiến trình mà trong ấy những hành vi được định trước sẽ tạo ra một chuỗi hiệu quả. Một cách chính yếu, ở đây chúng ta được liên kết với những hành vi làm sinh khởi những trải nghiệm của đau đớn và vui sướng, hạnh phúc và khổ não. Những trải nghiệm này là những hiện tượng tinh thần, thế nên những nguyên nhân chính của chúng cũng phải là tinh thần. Thuật ngữ "nghiệp" (karma), thế thì, một cách đặc thù liên hệ đến một nhân tố phối hợp với thể trạng tinh thần của một người đang hành động. Trong các trường phái Phật Giáo, Tỳ Bà Sa và Cú Duyên Tông đôi khi cũng xem chính những hành vi thân thể như nghiệp, nhưng những trường phái khác xem nghiệp một cách chính yếu như một nhân tố tinh thần.

Tuệ Uyển dịch

(Trích từ quyển "From Here to Enlightenment")

Ấn Tâm Lộ ngày Tuesday, June 17, 2014

Chú thích:

- (1) Tâm bồ đề quy ước liên hệ đến ngưỡng vọng đạt đến Quả Phật vì lợi ích của tất cả chúng sanh. Tâm bồ đề cứu kính là sự thực chứng tánh không của Bồ tát, thực tại cứu kính. 6 ba la mật xin xem chú thích 66
- (2) Xem chú thích 51
- (3) Xem Rinchen và Sonam
- (4) Ba hành vi bất thiện thuộc về tâm ý trong mười bất thiện nghiệp
- (5) *Ba Phương Diện Chính Của Con Đường Giác Ngộ đã được in chung trong 37 Phẩm Trợ Đạo Giác Ngộ Tây Tạng do Tuệ Uyển chuyển ngữ*
- (6) Theo phương cách của Atisha, Tông Khách Ba cho rằng sự thực tập của người có năng lực nhỏ không phải chỉ cho những người này mà cho cả những người có năng lực trung bình và siêu việt.
- (7) P 5709,86.5.2.
- (8) Phần này xuất hiện trong dịch phẩm của Mervyn Spring
- (9) Xem thảo luận về tánh không với Bốn Chân Lý Cao Quý ở chương 5
- (10) Byang có nghĩa là "tịnh hóa" và chub có nghĩa là "lĩnh hội" hay "sự thực chứng hoàn thiện"

Về những minh họa từ

THIỆN UỶÊN TẬP ANH

Tuệ Sỹ



Kể từ khi được Ông Trần văn Giáp tình cờ phát hiện từ đồng giấy vụn của một gánh hàng vụn phế thải, sau đó được công bố bởi trường Viễn đông Bác cổ, [1] *Thiền uyển tập anh* trở thành tư liệu cơ sở cho các khảo cứu về lịch sử Phật giáo Việt nam từ khởi nguyên cho đến thế kỷ 13, cũng như các sinh hoạt chính trị, xã hội, tôn giáo nước ta trong suốt thời gian Bắc thuộc. Công trình của ông Trần Văn Giáp dựa trên tập sử Thiền này được thực hiện khá công phu, nhưng do thiếu nhiều tư liệu tham khảo, đối chiếu để xử lý văn bản, do đó ông đã không tránh khỏi một số sai lầm. Những sai lầm ấy được lặp lại trong hầu hết các quyển sử Phật giáo Việt nam tiếp theo sau ông.

Trong năm 1973, Lê Mạnh Thát trong khi đi sưu khảo các tự viện ở miền Nam đã phát hiện thêm các di bản của *Thiền uyển tập anh*. [2] Y cứ trên các phát hiện mới, công tác xử lý văn bản được thực hiện với rất nhiều tư liệu liên hệ trong nền văn hiến đồ sộ của Phật giáo Trung quốc, cũng như trong kho tàng lịch sử Việt nam, từ đã sử đến chính sử, những truyền kỳ. Một bản dịch tương đối hoàn chỉnh của *Thiền uyển tập anh* được công bố, cung cấp nhiều dữ liệu quan trọng khả dĩ bổ sung, và đồng thời cải chính, những điều được ghi chép bởi các chính sử của Việt nam mà các tác giả của chúng phần lớn dựa trên những thông tin đầy thành kiến và xuyên tạc của sử liệu Trung quốc đối với sự hình thành ý thức dân tộc cũng như sự phát triển chính trị xã hội của nước ta. Bản dịch san định do Lê Mạnh Thát thực hiện này nhanh chóng trở thành văn bản cơ sở cho nhiều khảo cứu lịch sử theo sau nó. Một bản dịch Anh ngữ cũng đã được thực hiện bởi Cuong Tu Nguyen, *Zen in Medieval Vietnam. A Study and translation of the Thiền Uyển Tập Anh*, xuất bản năm 1997, bởi ban tu thư Viện Đại học Hawaii. Công trình nghiên cứu và dịch thuật này cũng thường xuyên tham chiếu bản dịch của Lê Mạnh Thát, như nhận xét của Giáo sư Philippe Langlet, trong phần thư mục của bản dịch Pháp mà chúng ta đang được giới thiệu hôm nay. [3]

Thiền uyển tập anh theo thể loại là một tác phẩm thiền sử. Về hình thức, nó tương tự cách viết *Cánh đức Truyền đăng lục* của Đạo Nguyên (Tống, 1004). Thế nhưng, *Truyền đăng lục* của Đạo Nguyên thuần túy là một thiền sử, ký tài sự phát triển của Thiền tông từ khởi thủy của Phật giáo; trong khi đó *Thiền uyển tập anh* ngoài sự ký tài các truyền thừa và phát triển các dòng thiền Việt nam, nó còn phản ánh khá rõ nét bối cảnh xã hội Việt nam mà trường độ thời gian kéo dài trên dưới mười thế kỷ. Bài kệ thị tịch của Khuông Việt (930-1011) sau đây có thể cho chúng ta thấy khá rõ nét về điều này. Trước khi chết, Sư truyền kệ lại cho Đa Bảo rằng:

*Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Hữu hỏa hỏa hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toàn tại hà do mạnh.* [4]

Bản dịch Pháp của Philippe Langlet:
*A l'origine, le feu est dans le bois,
Le feu originel renaît sans cesse.
S'il n'y a pas de feu dans le bois,
Comment pourrait-on en faire jaillir en le frottant?*

Rõ ràng đây là một bài thơ ngắn mang ẩn dụ siêu hình. Nhưng nếu chúng ta nhìn nó từ vị trí lịch sử của Khuông Việt trong liên hệ với các thế hệ đi trước kể từ Định Không trưởng lão (730-808); với các Thiền sư đồng thời như Pháp Thuận (925-990), cũng như thế hệ tiếp nối theo sau là Vạn Hạnh (?-1025), ngoài lớp vỏ tư duy siêu hình, bài thơ cho thấy sự tiếp nối dòng chảy liên tục và trường thành của ý thức dân tộc và một Nhà nước tự chủ. [5] Nó mang nội dung gần như đồng nhất với các dự ngôn hay sấm ký của Pháp Thuận và Vạn Hạnh về sự xuất hiện của một nhân vật mà, qua dự ngôn của Pháp Thuận

*Vô vi cư điện các,
Xử xử tức đao binh.* [6]

Theo đó, một thời thịnh trị sẽ đến với đất nước sau nhiều thế kỷ bị đô hộ và nô dịch.

Trong phần tiểu sử tác giả, Philippe Langlet không bỏ sót một chi tiết trong cuộc đời của Khuông Việt, mặc dù theo một cách nhìn đó chỉ là một câu chuyện hoang đường có vẻ không giúp gì cho sự lãnh hội bài thơ được dẫn dịch của Giáo sư Philippe Langlet, cũng như minh họa của Dominique De Miscault. *Thiền uyển tập anh* chép, có lần Khuông Việt chiêm bao thấy Tỳ-sa-môn Thiên vương (Vaiśravaṇa) xuất hiện và tự giới thiệu sứ mạng của mình rằng được Thiên đế (Śakra devendra) sai đến để bảo vệ quốc giới ngõ hầu khiến cho Phật pháp được thịnh hành. Sáng hôm sau, do theo giấc mộng, Sư vào núi tìm và thấy một cây to.

Từ cây bông gạo mà Trưởng lão La Quý (852-936) trồng trước chùa Châu minh, [7] qua cây cổ thụ của Khuông Việt vừa đề cập, cho đến cây bông gạo của Sư Vạn Hạnh bị sét đánh, [8] nó là chuỗi liên tục dự ngôn về sự xuất hiện của Lý Thái Tổ. Sự kiện đó hoặc là sự thật lịch sử, hay chỉ là hư cấu của ai đó muốn minh giải một biến cố xã hội hay một tín điều tôn giáo, thế nhưng ảnh hưởng quần chúng của nó vẫn có thể được tìm thấy rõ nét không chỉ trong *Thiền uyển tập anh*, mà còn trong các truyền kỳ và ký tài của các sử quan triều đình.

Chúng ta trở lại bài thơ của Khuông Việt với minh họa của De Miscault.

Mộc sinh hỏa, à l'origine, le feu est dans le bois, nguyên thủy, lửa vốn ẩn tàng trong gỗ. Ngọn lửa ấy vốn hiền hòa, hài hòa trong nguyên lý ngũ hành sanh khắc; nhưng khi nó bùng cháy để làm nên lịch sử văn minh nhân loại, thì nó cũng có cơ trở thành thảm họa. Qua ống kính của nghệ sĩ tạo hình, Dominique De Miscault, ngọn lửa ấy không bốc thẳng lên theo chiều thuận lý của Dịch lý phương Đông, mà nó quẩn quại trong từng sở gỗ dưới một góc nhìn minh họa; nó chợt được thấy như bùng cháy từ hỏa ngục, từ một mùa hỏa ngục của Rimbaud: *Une Saison en Enfer*. Nó bốc cháy từ tổ tiên người Gaulois, thiêu rụi những đồng cỏ, lột da dã thú, rồi lần bước lịch sử theo dấu chân của đoàn quân viễn chinh qua những ngã đường của châu Âu: *J'ai de mes ancêtres gaulois... Les Gaulois étaient les écorcheurs de bêtes, les brûleurs d'herbes les plus ineptes de leur temps...* [9]

Tuy dấu chân của Rimbaud tiếp nối tổ tiên Gaulois lần bước xuống tận châu Phi chứ không lần về phương Đông châu Á, nhưng người thường ngoạn ngôn ngữ và minh họa của các tác giả Pháp, từ di ngôn, mà cũng là dự ngôn, của Khuông Việt trước khi chết, muốn nhìn nó ngấm từ một dòng chảy thuần khiết trong nền văn học Pháp qua hình thái biểu hiện nhứt nhối của ngôn ngữ đang nói lên nỗi niềm khổ lụy hiện sinh. Đó cũng là góc nhìn mà chúng tôi mượn tạm của nhà thơ Bùi Giáng trong một bức thư gửi René Char, những dòng chữ được viết từ bảo tổ chiến tranh đang tàn phá một đất nước, sát hại một dân tộc: *Nous pensons ... à vous, Monsieur René Char, et aussi à un courant discernable de pureté dans la littérature française ... à travers l'expression déchirante du malheur, oui, nous pensons à tout cela, en un temps où l'ouragan s'abat sur notre pays et meurtrit notre peuple.* [10]

Người thường ngoạn như vậy có thể đang cố ý chọn một điểm đứng và một thời điểm để nhìn không theo cùng một hướng của nhà nghệ sĩ tạo hình, nhưng trong không gian và từ thể tính của tồn tại thì ưu tư khắc khoải về lẽ sống nhân sinh và chiêm nghiệm những điều kỳ diệu trong sự vận hành của thế giới vẫn âm vang một sự đồng cảm, mà chúng ta đọc thấy trong phần giới thiệu bởi De Miscault: *Le mélange d'angoisse et d'admiration devant le mystère du monde a été vécu par toutes les civilisations... Nous pensons en trouver un exemple dans les écrits des moines bouddhistes, notamment vietnamiens sous la dynastie des Lý.* [11]

Các tác giả của **Un livre des moines Bouddhistes** đang tìm vào các thơ văn của các Thiền sư đời Lý; không phải bằng những tư biện triết học, không phải bằng những tư duy siêu hình, mà bằng ngôn ngữ hình ảnh, tìm kiếm và chìm lắng trong một thế giới tĩnh lặng, vô ngôn, ở đó thực tại tối hậu là khoảng chân không thâm thẳm: *la vacuité fondamentale de toute chose et même de l'ultime réalité.* [12]

Thực tại tối hậu là gì? *Qu'est-ce que c'est?* Đó là một câu hỏi rất thông thường trong giao tiếp hằng

ngày; nhưng lại là câu hỏi muốn vén bức màn kỳ ảo của thời gian để nhìn sâu vào tính thể tồn tại. Vậy, yếu tính của tồn tại, của cái đang được ném ra đó, là cái gì? Thiền sư Ngô Ấn (1020-1088) nói: *Điều tính hư vô bất khả phân*. Yếu tính ấy, cái *l'essence de l'être* ấy, là cái trống không mà nhận thức không thể nắm bắt, mặc dù bản chất của ý thức là luôn luôn vươn đến nắm bắt đối tượng. Ở đây, Philippe Langlet không phiên giải *điều tính* trong bài thơ của Ngô Ấn như là yếu tính của tồn tại, mà hiểu nó là bản chất hay tự tính huyền nhiệm:

La mystérieuse nature du vide est inaccessible,

...

La mystérieuse nature đó có thể một thiên nhiên kỳ diệu, được sáng tạo từ huyền nhiệm của Thượng đế; mà Thượng đế thì siêu việt mọi tạo vật: *Dieu transcende toute créature* (Catéchisme). Vậy, câu hỏi về thần phận con người được nêu lên từ tư duy chiêm nghiệm về bản tính huyền nhiệm này, như De Miscault đã dẫn từ Pascal: *Qu'est-ce que l'homme dans la nature?* Ta là ai, con người là cái gì, trong thế giới này, trong bản tính huyền nhiệm của tồn tại này? Câu hỏi xuất phát từ hai hướng Đông Tây bất đồng, như trong cảm hứng để thử trả lời, ta có thể tìm thấy sự đồng cảm giữa Ngô Ấn và Pascal. Với Ngô Ấn, con người không là gì cả, vì tự tính của nó không là gì cả. Hình ảnh của cái không là gì cả ấy là đóa hoa sen còn thắm đượm sương mai trong lò lửa đang rực cháy. Trống không, vô nghĩa, nhưng ngời sáng: tồn tại chỉ có thể chiêm nghiệm trong mối quan hệ biện chứng được kết cấu bằng những



mâu thuẫn nội tại.

Trả lời của Pascal cũng âm vang đồng điệu. Ta không là gì cả. Tất cả mọi tạo vật đều từ hư vô mà ra, tồn tại bao la ngang tầm vô hạn: *Toutes choses sont sorties du néant et portées jusqu'à l'infini*. Con người là tồn tại vô thể, là hư vô nếu được nhìn từ vô hạn. Trong vô hạn, nó không là gì cả. Trong cái không là gì cả, nó là tất cả. Con người là một trung gian giữa không là gì cả và là tất cả: *Un néant à l'égard de l'infini, un tout à l'égard du néant, un milieu entre rien et tout*. Đồng điệu hay đồng cảm này cũng được chia sẻ bởi một Thiền sư khác: Từ Đạo Hạnh (?-1117), được chuyển tải qua ngôn ngữ Pháp:

Existence. Le moindre grain de poussière existe.

Vide. Tout est vide.

Existence et vide, c'est comme la lune dans l'eau.

Ne vous attachez pas à l'existence ni à l'idée du vide.

Tồn tại và không tồn tại, có và không, hữu thể và hư vô, chứa vô biên trong hạt cát, nắm vô hạn giữa lòng tay; thể tính hư vô bùng sáng thành họa sen trong biển lửa; đó là những tư duy và phát biểu mang tính phản lý; đồng thời đó cũng là sử tính của một dân tộc được hiện tượng hóa trong chuỗi mâu thuẫn biện chứng của hiện thực lịch sử.

Ở đây, sử gia và nhà nghệ sĩ tạo hình, bằng ngôn ngữ của mâu thuẫn biện chứng và bằng hình ảnh được thấy thường nhật để phản chiếu sinh hoạt



tâm thường mà luôn luôn biến động của đời sống thường nhật. Những cảm hứng từ các hình ảnh này trong nhiều trường hợp dẫn người thường ngoạn đến những ý tưởng đầy bất ngờ, vừa thống nhất vừa xung đột giữa những cái nhìn mà ta quen nói là khác biệt Đông Tây, khác biệt thời đại. Một trường hợp có thể dẫn ra ở đây là bài thơ của Không Lộ, và hình ảnh minh họa. Trong bài thơ này, ngôn ngữ Pháp đi rất gần với tiết nhịp của âm vận tiếng Việt, mặc dù dịch giả không cố diễn dịch nó theo tiết nhịp thơ của ngôn ngữ Pháp:

Sur dix mille lieues le fleuve limpide, sur dix mille lieues le ciel.

Un village avec des mûriers, un village avec des fumées.

Le vieux pêcheur s'est endormi, personne ne l'appelle.

Passé midi il se réveille, la neige a rempli sa barque.

Toàn thể bài dịch Pháp còn phảng phất phong vận bình dị của đồng quê Việt nam cũng như sinh hoạt của nó. Trong khi đó, trong nguyên văn Hán của bài thơ, do âm luật nghiêm túc của Đường thi, mọi thứ trở nên trang trọng. Ngư ông trong nguyên văn Hán mang phong thái tiêu dao của một ẩn sĩ. Ngư ông trong bản dịch Pháp là một người dân quê trong cảnh đồng quê bận rộn nhưng an nhàn. Ngư ông trong minh họa mang dáng vẻ của một con người sinh hoạt trong xã hội văn minh công nghiệp đến từ phương Tây, đang vẫy tay chào đón hoặc tiễn đưa, đứng giữa lòng sông trong lớp bụi mờ ẩn hiện hình ảnh được minh họa từ câu thơ của Ngộ Ân: liên phát lô trung thấp vị can, *La fleur de lotus eclose dans un four est éternellement fraîche*. Minh họa như thế là nối liền quá khứ với hiện tại, một quá khứ lịch sử đầy bi kịch đã hay đang đi vào quên lãng, với hiện tại của một xã hội đang biến chuyển để chào đón hoàng hôn rực rỡ của trời Tây, *La Crépuscule de l'Occident* (Spengler).

Hình ảnh ngư ông trong minh họa tình cờ khiến chúng ta nhớ lại bóng dáng của Bùi Giáng đang đi giữa phố phường hoa lệ Saigon mà như đi giữa hoang tàn sa mạc, điên loạn trong cơn điên loạn siêu hình của Nietzsche. Thế rồi, trong phút tỉnh táo, nhà thơ của chúng ta bất chợt thốt lên những lời trầm thống, vang vọng ưu tư khoắc khoải lan dài trong lịch sử. Đó là những lời mà Bùi Giáng đã viết cho René Char: *Voici la réponse que vous en donne le Viet nam: Weil (Simone Weil), c'est une de ces âmes assez rares qui sont venues en ce monde pour un temps bien bref, qui s'en sont allées brusquement, laissant derrière elles de regrets; des âmes qui se*

sont penchées sur la souffrance de siècles, qui nous ont apporté des promesses de fontaines sonores, qui nous ont parlé des peuples lointains et de leur pulsation blessée, qui ont posé le problème des déshérités de l'Asie.

Hình ảnh một Simone Weil nhỏ thó, gầy mòn, một tâm hồn nhạy bén trước khổn cùng của những con người khổn khổ, một ý chí ngoan cường, bướng bỉnh của một cô giáo trẻ; hình ảnh ấy không chỉ là biểu tượng cho sự trôi dạt của tầng lớp yếu ớt trong bối cảnh xã hội hùng cường, phú thịnh của phương Tây; hình ảnh ấy một thời đã làm xao xuyến tuổi trẻ Việt nam lớn lên giữa khói lửa, đang lắng nghe âm vang từ nhịp đập của trái tim mang chứng tích đầy thương tích của lịch sử văn minh, âm vang từ những suối nguồn xa xôi mang những ước nguyện nhân bản đến cho các dân tộc, đặt vấn đề cho những con người đang bị bứt lìa truyền thống.

Khi một tâm hồn bị bứt lìa truyền thống, nó như một con thuyền lơ lửng trôi xuôi theo định hướng mù khơi ngoài phương trời vô định; trôi ngang qua bà mẹ đang đứng sững quay lưng hồ hững với con thuyền, đang dõi mắt tìm vào bến bờ của quá khứ, của cây đa bến cũ, con đò năm xưa mà nay đã vắng, đã mất. Thế nhưng, trong thể tính uyên nguyên của dòng sông lịch sử, mảnh trăng treo từ trên đỉnh Lăng-già đang tỏa ánh sáng trầm tịch trong khoảng không vô tận, cho con thuyền định hướng ra biển khơi:

...
Dans le grand calme du clair de lune sur la montagne de Lanka,

Devant le vide pour un bateau qui s'avance en pleine mer,

...
Minh họa này từ bài thơ của Tăng thống Huệ Sinh (?- 1076), thế hệ tiếp nối Thiền sư Vạn Hạnh, vốn là minh giải triết học cho vua Lý Thái Tông, ngẫu nhiên phản chiếu tâm tình lịch sử trải dài suốt gần mười thế kỷ, qua những minh họa mà chúng ta biết được cảm hứng một phần từ tín điều Catéchisme như được nói rõ trong bài giới thiệu do Dominique De Miscalat.

Suy nghĩ từ những dòng ngôn ngữ Pháp chuyển tải những tư duy uẩn khúc của tư tưởng, như những mặt gương khi mờ khi tỏ, phản chiếu mấy đoạn đường quanh co khi thăng khi trầm của lịch sử; chiêm quan những hình ảnh minh họa cấu hình bằng phương tiện kỹ thuật hiện đại mà thể tính là những nguyên lý, những công thức cứng động, khô cứng của lý trí hướng ngoại và chinh phục; người đọc và người xem để cho tâm hồn mình di động bất thường giữa những cảm hứng ngẫu nhiên, hoặc trần thuật tiên cảm; từ đó quay nhìn lại những đoạn lịch sử đã qua, trải dài suốt trên hoặc dưới mười thế kỷ; những lộ trình riêng biệt, với những định hướng và định mệnh khác biệt, ở hai phương trời cách biệt; những con đường lịch sử ấy có khi được thấy song song, có khi đối nghịch dẫn đến sông núi ngựa nghiêng, đảo lộn, áp bức, họa đày, chiến tranh, giết chóc; có khi hòa quyền trong nỗi đau thương chung của thân phận con người. Nhưng dù ở bên này hải đảo, hay bên kia đại dương, mà trong cõi tịch mặc vô ngôn, trong thể giới mặc nhiên vô hạn, với những điều nói được và không nói được, những hình ảnh ký họa được hay không ký họa được, giữa người và người, giữa các dân tộc dị biệt, trong các truyền thống và văn minh tương phản, vẫn còn ẩn tàng trong tận đáy sâu, trong rung cảm đồng điệu của những trái tim nhân hậu. Chúng tôi muốn nói, từ những chuyển tải bằng

ngôn ngữ Pháp thực hiện bởi Giáo sư Philippe Langlet, từ những minh họa bằng kỹ xảo của lý trí tư biện phương Tây bởi nghệ sĩ tạo hình Dominique De Miscalult, chúng ta thử tìm lại dấu vết tâm tư của tiền nhân, thử nhìn lại chính mình từ đôi mắt của những người khác, để tự khẳng định chính mình trong những cơn lốc thời đại.

Xin cảm ơn các tác giả đã đến với chúng ta trong đồng cảm nhân loại, cùng chia sẻ những giá trị phổ quát giữa những truyền thống dị biệt.

T.S.

Chú thích:

[1] Trần Văn Giáp, *Le Bouddhisme en Annam, d'origines jusqu'au XIIIe siècle*. BEFEO XXXII, 1932. Bản dịch Việt, Tuệ Sỹ: *Phật giáo Việt nam*, từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII, Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh, Saigon, 1968.

[2] Lê Mạnh Thát, *Tổng tập Văn học Phật giáo Việt nam*, tập 3, NXB TP Hồ Chí Minh, 2002.

[3] Philippe Langlet, *Un livre des moines Bouddhistes*; Les Editions Aquilon, Paris, 2005.

[4] Lê Mạnh Thát, *Tổng tập 3*, tr. 203: Trong cây vốn có lửa/ Có lửa, lửa mới bùng/ Nếu bảo cây không lửa/ Có sát do đầu bùng.

[5] Tuệ Sỹ, *Những cuộc vận động của Phật giáo Việt nam dưới triều đại nhà Đường*, Tạp chí Tư tưởng, Viện Đại học Vạn Hạnh, 1972.

[6] Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt nam*, tập 2, tr. 498. NXB TP Hồ Chí Minh, 2001.

[7] Lê Mạnh Thát, *Tổng tập 3*, tr. 284: "(La Quý di chúc) Ở chùa Châu minh ta có trồng cây bông gạo để trấn chỗ, biết đời sau ắt có kẻ hưng vương ra đời..."

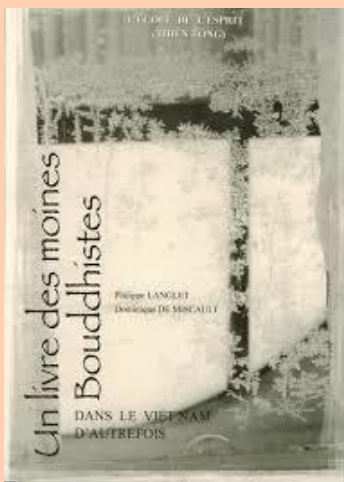
[8] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tờ 31a7: sét đánh cây bông gạo làng Diên uẩn, Cổ pháp, để lại hàng chữ: *Thọ căn niếu niếu, mộc biểu thanh thanh, hòa đao mộc lạc, thập bát tử thành*. Theo chiết tự, bài thơ tiên đoán nhà Lê mất, họ Lý lên thay.

[9] Arthur Rimbaud, *Oeuvres*, p. 196: Mauvais sang (*Une Saison en Enfer*). Pocket, Paris 2005.

[10] Bùi Giáng, *Lettre à René Char*, Dialogue, Lá bối, Saigon, 1965.

[11] *Un livre des moines Bouddhistes*: Introduction.

[12] Ibid.



Thiền Uyển Tập Anh, bản (tuyển) dịch Pháp, *Un Livre Des Moines Bouddhistes Dans Le Vietnam D'autrefois*, của Giáo sư Philippe LANGELET, minh họa Dominique De MISCAULT, nhà xb Aquilon, Paris, 2005.



RỪNG TRƯA

*Ta về
Thả giấc ngủ trưa
Non xa
Rừng trắng mây lùa qua non
Đường rêu
Phong dấu sương mòn
Tiếng chim vách núi xanh hồn cỏ hoa.*

RỪNG CHIỀU

*Vẫn con đường cũ hôm nào
Vẫn đàn bướm liệng
Xôn xao gió ngàn.
Lưng chiều
Chim hót mùa sang
Đèo nghiêng bóng nắng
Hoa vàng chiều nghiêng.*

RỪNG KHUYA

*Rừng khuya
Loáng ánh sương mờ
Nghe chìm nhịp cánh giang hồ đầu đây.
Ta ngồi nghĩ cuộc tình say
Đời rừng rúc mộng, vơi đây hợp tan.*

TRÀ KHUYA

*Mai đây
Cát bụi đi về
Bỏ sau lưng bước nẻo cỏi hoang
Đêm rừng
Bạt tiếng chim ngàn
Chung trà tâm sự rót tràn giọt khuya.*

MẶC PHƯƠNG TỬ

PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC

Nguyên tác: BUDDHISM IN A NUTSHELL

Tác giả: **NARADA THERA**

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**



(Tác phẩm gồm 11 chương, với các tiêu đề như sau: 1. Đức Phật; 2. Phật Giáo Phải Chẳng Là Một Triết Học? 3. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Tôn Giáo? 4. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Hệ Thống Đạo Đức? 5. Một Vài Đặc Điểm Của Phật Giáo; 6. Nghiệp Báo Hay Luật Nhân Quả; 7. Luân Hồi; 8. Lý Thập Nhị Nhân Duyên; 9. Vô Ngã Hay Không Có Linh Hồn; 10. Niết Bàn; 11. Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn)

PHẢI CHẴNG PHẬT GIÁO LÀ MỘT HỆ THỐNG ĐẠO ĐỨC?

Giáo lý của đức Phật bao hàm nguyên tắc đạo đức tuyệt hảo, toàn thiện vô song và vị tha vô hạn. Nó trình bày một phương thức sống dành cho người xuất gia lẫn hàng cư sĩ (tại gia). Tuy nhiên, Phật Giáo vượt trội hơn những lời giáo huấn luân lý thông thường. Luân lý (giới) chỉ là giai đoạn sơ khởi hướng đến Con Đường Thanh Tịnh, và là phương tiện đưa tới mục đích, chứ chính nó không phải là mục đích. Mặc dù giới là cần thiết, nhưng tự nó không đủ để giúp con người đạt được sự giải thoát. Mà cần phải có thêm Trí Tuệ (*Pannā*). Nền tảng của Phật Giáo là giới, và trí tuệ là đỉnh cao nhất.

Muốn thọ trì các điều răn của giới luật, người Phật tử không những chỉ chú ý đến riêng mình, mà còn phải lưu tâm tới mọi kẻ khác - kể cả loài vật. Luật giới trong Phật Giáo không đặt nền tảng trên các giáo điều thiên khai hồ nghi, nó cũng không phải là phát minh tài trí của một bộ óc đặc biệt, mà là những quy tắc hợp lý và thực tiễn được xây dựng trên những sự thật có thể chứng minh và kinh nghiệm cá nhân.

Tương cũng nên biết rằng, bất cứ một quyền lực siêu nhiên ngoại giới nào cũng không thể dự phần vào trong việc tạo nên cá tính của một Phật tử. Trong Phật Giáo, người ta không tin có người thưởng hay phạt. Sự khổ đau hay hạnh phúc là kết quả không thể tránh được của hành động riêng mình. Tâm trí người Phật tử không chấp nhận vấn đề Thượng Đế phải chịu thay (cho con người) về sự hạnh phúc hay đau khổ của họ. Không phải do hành

động mong được thưởng hay sợ bị trừng phạt đã thúc đẩy người Phật tử làm việc lành hoặc tránh điều ác. Người Phật tử biết rõ về những kết quả tương lai, nên họ tránh tạo điều ác, bởi vì nó gây chướng ngại cho sự giải thoát; và làm việc lành vì nó trợ giúp trong việc tiến đến sự Giác Ngộ (Bodhi). Cũng có những người họ làm

lành, vì biết đó là điều thiện, và tránh không làm ác vì thấy đó là điều xấu.

Để hiểu rõ nền luân lý cao siêu đặc biệt này, đức Phật khuyên các đệ tử thuần thành của Ngài nên đọc cẩn thận các kinh sách như Pháp Cú (*Dhammapada*), Thiện sanh (*Sigalovada*), Mangala, Karaniya, Parabhava, Vasala, và Dhammikka v.v...

Đó là những lời dạy đạo lý nó vượt cao hơn các hệ thống đạo đức khác, nhưng giữ giới chỉ là bước đầu, chứ không phải là mục tiêu của Phật Giáo.

Hiểu theo nghĩa này, Phật Giáo không phải là triết lý, nhưng theo nghĩa kia, Phật Giáo là triết lý của các triết lý. Theo một lối hiểu, Phật Giáo không phải là tôn giáo, theo cách hiểu khác, Phật Giáo là tôn giáo của các tôn giáo.

Phật Giáo không phải là cái đạo siêu hình, cũng không phải là cái đạo của nghi thức.

Phật Giáo không hoài nghi, cũng không vô đoán.

Phật Giáo không dạy lối sống khổ hạnh, cũng không chủ trương đam mê dục lạc.

Phật Giáo không bi quan, cũng không lạc quan.

Phật Giáo không chủ trương cuộc sống vĩnh cửu, cũng không phải là thuyết hư vô.

Phật Giáo không bảo rằng thế giới này hay thế giới khác là tuyệt đối.

Phật Giáo là Con Đường Giác Ngộ duy nhất.

Ngữ nguyên tiếng Pali gọi Phật Giáo là *Dhamma* (Giáo Pháp), có nghĩa là giữ gìn (duy trì). Không có một danh từ Anh văn nào có thể dịch đúng sát nghĩa của tiếng Pali này.

Giáo Pháp là cái gì đúng thật như vậy. Nó là Giáo Lý của Thực Tế. Giáo Pháp là phương tiện để Giải Thoát mọi khổ đau, và chính *Dhamma* (Giáo Pháp) là sự Giải Thoát. Dù Phật có ra đời hay không, Giáo Pháp vẫn tồn tại. Giáo Pháp bị che lấp trước cặp mắt vô minh của con người, cho đến khi một vị Phật, đấng Toàn Giác ra đời, chứng ngộ và từ bi truyền bá giáo pháp đó cho thế gian.

Giáo Pháp này không phải là cái gì ở ngoài, mà nó sát cánh gắn liền với chúng ta. Cho nên, đức Phật dạy: "Hãy ẩn trú chính nơi con như một hải đảo, như chỗ Nương Tựa. Hãy ẩn náu nơi Giáo Pháp (*Dhamma*) như một hải đảo, như chỗ Nương Tựa. Đừng tìm sự ẩn náu ở bên ngoài" (Kinh Bát Niết Bàn).

(còn tiếp)





NGUYỄN-XUÂN HOÀNG

Pháp danh **NGUYỄN TÂM**
Cựu Giáo Sư, Nhà Văn, Nhà Báo

sinh ngày 7 tháng 7 năm 1937 tại Nha Trang (Khánh Hòa) – Việt Nam

Theo học trường trung học Võ Tấn (Nha Trang) và Petrus Ký (Sài Gòn).
Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Đà Lạt, khoa Triết (1958-1961).
Nguyên cựu Giáo sư Triết tại các trường trung học Ngô Quyền ở Biên Hoà (1961-1962) và Petrus Ký ở Sài Gòn (1962-1975). Trường Sơn, Lê Bảo Tịnh, Huỳnh Thị Ngà, Thăng Long, Văn hoá, Nguyễn Thượng Hiền, Regina Pacis (1969-1975).
Tổng thư ký tòa soạn tạp chí Văn ở Sài Gòn (1972-1974).
Năm 1984, rời Việt Nam – định cư ở Hoa Kỳ từ 1985.
Năm 1986-1997, tổng thư ký báo Người Việt Daily News (California).
Năm 1989- 1994, kiêm tổng thư ký tạp chí Thế kỷ 21 (thuộc công ty Người Việt).
Năm 1994 – 1996, thuộc ban biên tập tạp chí Văn Học.
Tháng 9 năm 1996, chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Văn do Mai Thảo biên giao Tổng thư ký báo Việt Mercury trực thuộc nhật báo San Jose Mercury News của Hoa Kỳ từ tháng 11 năm 1996 đến tháng 11 năm 2005.
Chủ bút tuần báo **Việt Tribune** tại San Jose California 2006 – 2014.
Ngoài ra, ông cũng từng là giảng viên (lecturer) giảng dạy môn Văn học Việt Nam đương đại tại Đại học California-Berkeley.

Đã mệnh chung vào lúc 10:50 sáng,
ngày 13 tháng 9 năm 2014
Nhằm ngày 20 tháng 8 năm 2014 năm Giáp Ngọ tại San Jose, California
Hưởng thọ 77 tuổi.



**Ban Biên Tập Chánh Pháp
thành kính gửi lời chia
buồn đến gia quyến của
Nhà văn Nguyễn Xuân
Hoàng, pháp danh Nguyễn
Tâm.**

**Nguyễn cầu nhà văn
thong dong tự tại nơi
miền lạc cảnh.**

IS BUDDHISM AN ETHICAL SYSTEM?

It no doubt contains an excellent ethical code which is unparalleled in its perfection and altruistic attitude. It deals with one way of life for the monks and another for the laity. But Buddhism is much more than an ordinary moral teaching. Morality is only the preliminary stage on the Path of Purity, and is a means to an end, but not an end in itself. Conduct, though essential, is itself insufficient to gain one's emancipation. It should be coupled with wisdom or knowledge (*Panna*). The base of Buddhism is morality, and wisdom is its apex.

In observing the principles of morality a Buddhist should not only regard his own self but also should have a consideration for others as well animals not excluded. Morality in Buddhism is not founded on any doubtful revelation nor is it the ingenious invention of an exceptional mind, but it is a rational and practical code based on verifiable facts and individual experience.

It should be mentioned that any external supernatural agency plays no part whatever in the moulding of the character of a Buddhist. In Buddhism there is no one to reward or punish. Pain or happiness are the inevitable results of one's actions. The question of incurring the pleasure or displeasure of a God does not enter the mind of a Buddhist.

Neither hope of reward nor fear of punishment acts as an incentive to him to do good or to refrain from evil. A Buddhist is aware of future consequences, but he refrains from evil because it retards, does good because it aids, progress to Enlightenment (Bodhi). There are also some who do good because it is good, refrain from evil because it is bad.

To understand the exceptionally high standard of morality the Buddha expects from His ideal followers, one must carefully read the *Dhammapada*, *Sigalovada Sutta*, *Vyagghapajja Sutta*, *Mangala Sutta*,

ta, Karaniya Sutta, Parabhava Sutta, Vasala Sutta, Dhammika Sutta, etc.

As a moral teaching it excels all other ethical systems; but morality is only the beginning and not the end of Buddhism.

In one sense Buddhism is not a philosophy, in another sense it is the philosophy of philosophies. In one sense Buddhism is not a religion, in another sense it is the religion of religions.

Buddhism is neither a metaphysical path nor a ritualistic path.

It is neither sceptical nor dogmatic.

It is neither self-mortification nor self-indulgence.

It is neither pessimism nor optimism.

It is neither eternalism nor nihilism.

It is neither absolutely this-worldly nor other-worldly.

It is a unique Path of Enlightenment.

The original Pali term for Buddhism is *Dhamma*, which, literally, means that which upholds. There is no English equivalent that exactly conveys the meaning of the Pali term.

The *Dhamma* is that which really is. It is the Doctrine of Reality. It is a means of Deliverance from suffering, and Deliverance itself. Whether the Buddhas arise or not the *Dhamma* exists. It lies hidden from the ignorant eyes of men, till a Buddha, an Enlightened One, realizes and compassionately reveals it to the world.

This *Dhamma* is not something apart from oneself, but is closely associated with oneself. As such the Buddha exhorts: "*Abide with oneself as an island, with oneself as a Refuge. Abide with the Dhamma as an island, with the Dhamma as a Refuge. Seek no external refuge*". (Parinibbana Sutta).

(to be continued...)



VÌ SAO GỌI LÀ CHÙA

Ý NGHĨA CÁC TÊN GỌI CỦA NGÔI CHÙA DƯỚI GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ VĂN HÓA

Tạ Đức Tú
(nguồn: luylau.com)

Ngôi chùa từ lâu đã hiện hữu và gắn bó thiết thân trong mỗi chúng ta. Khắp nơi nơi trên cả nước, đâu đâu cũng có chùa, lớn có, nhỏ có, kim có, cổ có, tất cả đã trở thành một phần không thể tách rời trong cộng đồng làng xã Việt Nam.

Về tên gọi Chùa hầu như đều thống nhất từ trước tới nay và ai cũng hiểu rõ đó là một tập hợp kiến trúc nhà làm nơi thờ Phật. Đó là tài sản chung của một cụm người cư trú trên địa bàn nhất định. (Phải chăng cũng vì thế mà trong ngôn ngữ của chúng ta xuất hiện những từ rất "Việt" là... chùa, để chỉ tài sản hay sức lực không của riêng ai cả, muốn tiêu pha thế nào không ai cấm, không ai tiếc, như: của chùa, công chùa, tiền chùa?...).

Bên cạnh cái tên Chùa thuần Việt chất phác ấy thì còn nhiều mỹ từ gốc Hán khác như Tự, Già lam cũng thông dụng không kém để chỉ ngôi chùa trong tiếng Việt.

Dưới đây chúng ta lần lượt tìm hiểu vì sao những từ được dùng để chỉ kiến trúc nhà có chức năng thờ Phật.

Trước hết là **Tự (寺)**: Ngày nay chữ này được dùng đứng sau làm thành tố chính (trung tâm ngữ) để kết hợp với một từ định danh nào đó (định ngữ) tạo thành một cụm danh từ nêu tên gọi một ngôi chùa cụ thể, như Trấn Quốc Tự, Kim Liên tự, Bửu Lâm tự, Vĩnh Nghiêm Tự...

Và như vậy, ai cũng hiểu, Tự nghĩa là chùa. Nhưng trong ngôn ngữ Trung Quốc cổ đại thì nghĩa của Tự không phải là chùa. Vì Phật giáo mới tiến nhập Trung Quốc từ đầu Công Nguyên, trong khi chữ Hán thì đã có sớm hơn rất nhiều.

Tự vốn là từ để chỉ cơ quan làm việc cụ thể của bộ máy chính quyền phong kiến. Sách *Hán thư* chú: Phủ phủ đình sở tại giai vị chi tự (nói chung nơi làm việc của phủ đình đều gọi là Tự). Khang Hy tự điển chú khá rõ điều này: Hán dĩ Thái thường, Quang lộc, Huân vệ úy, Thái bộc, Đình úy, Đại hồng lô, Tổng chính, Tư nông, Thiều phủ vi cửu khanh. Hậu nguy dĩ lai danh tuy nhưng cửu nhi sở li chi cục vị chi tự. Nhân danh Cửu tự (đời Hán lấy Thái thường, Quang lộc, Huân vệ úy, Thái bộc, Đình úy, Đại hồng lô, Tổng chính, Tư nông, Thiều phủ làm Cửu khanh. Nguy trở về sau tuy vẫn để như cũ nhưng các sở cục thì gọi là Tự. Vì vậy mà thành tên Cửu tự [thay cho Cửu Khanh]).

Vậy tại sao từ Tự chỉ một sở cục cụ thể được chuyển hẳn sang nghĩa là chùa? Đây là nguyên nhân lịch sử, đánh dấu mốc đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc.

Hán Minh Đế Lưu Trang (25-75) là vị vua đầu tiên thừa nhận địa vị của Phật giáo ở Trung Quốc.

Tương truyền nhà vua năm mộng thấy "người vàng" bay qua sân điện, bèn sai sứ giả 12 người do Lang Trung Thái Âm dẫn đầu sang Tây Trúc cầu tìm đạo Phật. Đó là sự kiện năm Vĩnh Bình 7 (64).

Ba năm sau (67), sứ giả về với hai tăng nhân người Ấn Độ cùng rất nhiều kinh sách và tượng Phật được thờ trên lưng ngựa trắng.

Lúc các tăng nhân cùng kinh, tượng, về đến kinh đô, triều đình chưa chuẩn bị kịp chỗ ở riêng nên cho ở tạm trong Hồng lô tự (một cơ quan trong Cửu khanh).

Sau đó nhà vua mới cho xây dựng cái mà chúng ta gọi là chùa để thờ Phật và các tăng nhân tu tập. Kiến trúc xây dựng theo kiểu mẫu dinh thự của quý tộc đương thời.

Sau đó chùa được xây dựng ngày càng nhiều cũng theo kiểu mẫu nhà ở của địa phương. Chính vì vậy mà chùa ở Trung Quốc, và cả ở Việt Nam khi tiếp nhận Phật giáo theo hướng Trung Quốc, có kiểu chùa rất riêng, không theo quy chuẩn mái cong tháp nhọn như nơi Phật giáo phát nguyên.

Nhân vì kinh và tượng Phật được thờ về trên lưng ngựa trắng nên đặt tên chùa là Bạch Mã. Tự là chỗ đầu tiên tăng nhân tạm trú khi đến Trung Quốc nên được chuyển sang làm thành tố chính để gọi tên cho ngôi chùa: Bạch Mã Tự, ngôi chùa Phật giáo đầu tiên của Trung Quốc.

Già lam 伽藍: cũng là tên gọi của ngôi chùa. Đây không phải là tên có nguồn gốc biến đổi như Tự trên kia.

Già lam là tên gọi tắt của Tăng già lam ma (Sangharama). Tăng già là một nhóm tăng nhân đi Hoảng pháp, thường từ bốn người trở lên. Tăng già lam ma 僧伽藍: là nơi ở của các tăng nhân để tu





hành, sau chỉ chung kiến trúc ngôi chùa.

Như vậy, già lam ở đây nghĩa như Tự. Nhưng theo tài liệu bằng chữ Hán của Tuần phủ Hà Nam-hiệp biện đại học sĩ Mai Viên Đoàn Triển (1854-1919) trong An Nam phong tục sách thì Già lam chỉ là chùa nhỏ. Nguyên văn như sau: Tự dĩ Phụng phật, xã dân giai hữu chi (...). Hữu chung lâu, hữu cổ lâu, quy chế đa hữu hậu viện vi Tăng ni trụ trì sở. Sóc vọng hiến cung niệm Phật tụng kinh. Diệc hữu Tiểu tự, vô Tăng ni, hữu Thủ tự nhất nhân, hương hoa đăng cung lễ, vị chi già lam. (Chùa để thờ Phật, xã dân nào cũng có). Có lâu chuông, có lâu trống, quy chế (thờ tự, cúng tế) nhiều hơn đình, miếu; có tăng ni và tháp mộ, có hậu viện làm nơi ở cho trụ trì và Tăng ni. Ngày rằm mừng một cúng cúng hoa quả và niệm Phật tụng kinh.

Cũng có chùa nhỏ (tiểu tự), không có tăng ni có một người giữ chùa (Thủ tự, ông Tự) để dâng hương, thắp đèn lễ cúng, gọi là Già lam). Theo ý kiến của ông Đoàn Triển ở sách trên thì Già lam chỉ là ngôi chùa nhỏ, không có quy mô tổ chức và kiến trúc như chùa. Nhưng theo các tài liệu Phật giáo cũng có những ngôi chùa cụ thể được gọi là Già lam, như ngôi Già lam- Cổ tự ở Phụng Hiệp (Hậu Giang) thì quy mô tổ chức cũng như quần thể kiến trúc không nhỏ chút nào, nếu không muốn nói là có phần diễm lệ.

Thế nào gọi là Chùa? Vì sao nó chỉ kiến trúc ngôi nhà thờ Phật?

Điều chắc hẳn ai cũng thừa nhận chùa là tên gọi thuần của người Việt. Để tìm hiểu nghĩa của chữ Chùa chúng ta cần tìm hiểu chức năng của ngôi chùa. Chùa là nơi thờ Phật, chốn linh thiêng, thanh tịnh, là nơi mỗi tháng hai lần các Phật tử dâng

hương hoa trà quả để lễ Phật.

Lễ vật cúng Chùa thường là những sản địa phương, được đem lên tế lễ rồi chẩn phát, cứu tế luôn cho những người nghèo khó. Như vậy ý nghĩa nhân văn của ngôi chùa truyền thống rất lớn: là nơi để người giàu san sẻ, người khó tựa nương.

Đây cũng là một trong những tôn chỉ quan trọng mà nhà chùa hiện nay đang thực hiện.

Truy về nguồn gốc chữ Chùa không đâu hơn là dựa vào mã chữ Nôm. Trong chữ Nôm, Chùa được ghi bằng Trù. Ngữ âm lịch sử đã chứng minh: /ch/ là âm trước của /tr/ khi người Việt đọc chữ Hán.

Chùa là âm tiền Hán Việt của Trù, nó nằm trong hệ thống ch > tr, như chén > trăn, chém > trảm, chọn > trạch, chèo > trạo, chầy > trì, chay > trai, chứa > trữ... Trù có nghĩa là bếp, tiếng Hán hiện đại, trù phòng có nghĩa là nhà bếp, nơi ẩm áp, yên bình trong mỗi gia đình.

Suy rộng ra xã hội, nơi ẩm áp, yên bình nhất chính là ngôi chùa. Chùa là nơi người ta được san sẻ, được thỏa nguyện về cả vật chất lẫn tinh thần. Ý nghĩa từ ngữ thật cao đẹp biết bao!

Trong tiếng Việt ta còn có chữ chùa chiền để chỉ chung về những thắng cảnh Phật giáo. Vậy Chiền là gì? Nó là từ có yếu tố độc lập hay là yếu tố lấy của từ chùa? Thực ra nó xuất phát từ âm Triền: chỗ ở của người dân nói chung. Cũng như chùa, Chiền là âm tiếng Hán Việt của Triền Hán Việt.

Như vậy đây là một từ ghép đẳng lập của người Việt để chỉ thắng cảnh Phật giáo nói chung. Trong đó, Chùa là yếu tố trung tâm tương đương với nó chính là Tự. Còn tiếng Hán tương đương với chùa chiền không phải là Tự mà là Sát. Sát là âm được phiên âm từ tiếng Phạn, là chùa nói chung, từ Hán Việt có các từ như: Cổ sát: chùa cổ, Bảo sát danh sơn: thắng cảnh núi non có chùa...

Qua đây có thể thấy cha ông chúng ta đã biết tiếng Việt hóa cao độ các thuật ngữ Phật giáo để làm giàu cho tiếng Việt. Tuy là vay mượn nhưng dấu vết hầu như mất hẳn vì nó thấm nhuần tư duy nhân văn của người Việt.

Bên cạnh một số tên gọi đã ăn sâu vào ngôn ngữ Việt khi chỉ về ngôi chùa như trên, thì cũng còn nhiều từ khác dùng phổ biến ở Trung Quốc mà khi nhắc tới ta đều biết nó chỉ ngôi chùa, như: Phật sát, Phật điện, Phật đường, Phật khám, Phật sát, Phật tự, Tăng phòng, Tăng viện, Tăng xá, Thiền già, Thiền trai, Thiền xá, Tự môn, Tự quán, Tự viện... Đó là do quá trình tiếp xúc lâu dài, thường xuyên với tiếng Hán. Tất cả các từ trên đều có thể dịch là Chùa. Trong các từ trên, yếu tố đầu: Phật, Tăng, Thiền là thuật ngữ Phật giáo; Tự là chùa đã nói ở trên. Yếu tố sau là những kiến trúc nhà khác nhau trong tiếng Hán. Nó góp phần định danh tường minh hơn cho ngôi chùa cụ thể.

Tổng quan lại có thể thấy nghĩa của các từ chùa chỉ về ngôi chùa luôn gắn bó mật thiết với ngôi nhà của chúng ta. Chính vì vậy mà từ tên gọi đã toát lên vẻ ấm áp, thân thương và gần gũi, mang đậm tư duy Phật giáo Á Đông.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Ngọc San - Lý thuyết chữ Nôm - NXB ĐHSP Hà Nội, 2006
- Đoàn Triển - An Nam phong tục sách (tư liệu Hán Nôm).

TIẾN TRÌNH TẠO ĐAU KHỔ

Thích Nữ Liễu Pháp



Tiến trình tạo nên đau khổ

Tứ diệu đế không phải là cái gì cao siêu vượt khỏi đời sống thế tục mà là những pháp ta có thể thấy, quan sát và chiêm nghiệm ngay trong những sinh hoạt hàng ngày của mình. Những sinh hoạt đó biểu hiện qua mối quan hệ giữa các giác quan và các đối tượng bên ngoài. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, làm khởi sinh lên sáu thức. Sự gặp gỡ của căn, trần và thức gọi là xúc (phassa), và do có xúc mà có cảm thọ phát sinh (S. II.273).

Trong kinh Đức Phật nói đến cảm thọ thuộc về tâm (cetasika), và cảm thọ thuộc về thân (kāyika). Ngài cũng nói đến 3 loại cảm thọ: khổ (dukkha), lạc (sukha), và không khổ không lạc (adukkhamasukha). Đôi lúc ngài lại nói đến 5 loại cảm thọ: lạc (sukha), khổ (dukkha), hỷ (somanassa), ưu (domanassa) và xả (upekkhā) (S.IV. 231).

Mặc dù có cảm thọ lạc và xả, Đức Phật nói thêm rằng "Bất cứ cái gì được cảm nhận, cái đó đều có thuộc tánh đau khổ (yam kiñci vedayitam tam dukkhasmin - S.IV.216.). Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao khổ lại phát sinh từ cảm thọ.

Trước hết, tại sao cảm giác khó chịu làm phát sinh đau khổ? Ở đây chúng ta cần chú ý rằng Đức Phật và các bậc thánh vẫn có những cảm giác khó chịu, hay nói chính xác là các thọ khổ thuộc về thân. Chứng nào các ngài còn có thân ngũ uẩn thì chứng đó các ngài còn phải chịu các loại bệnh tật và còn có các cảm giác đau đớn, nhưng đối với các ngài các cảm giác đau đớn không đưa đến đau khổ. Đây là điểm khác biệt giữa một kẻ phàm phu và một bậc thánh. Kẻ phàm phu, khi có một cảm giác khó chịu, dưới ảnh hưởng của sân tuỷ miên (paṭighānusaya), liền cố gắng mọi cách để xua cảm giác đó đi càng sớm càng tốt. Trong kinh nói, "khi một người có cảm giác khó chịu thì buồn rầu, sầu muộn, rên rĩ, than

khóc, dấm ngực, và trở nên quẫn trí" (S.IV.207). Như vậy, người ấy đã chồng thêm một lớp khổ tâm lên trên cái khổ thuộc về thân, và kết quả người ấy phải chịu hai loại cảm thọ: khổ thân và khổ tâm. Trong trường hợp đó người ấy đang có khổ khổ (dukkha-dukkha).

Trong cuốn Sammohavinodanī, chú giải của Bộ Phân Tích, các nhà chú giải giải thích rằng khổ thân và khổ tâm được gọi là khổ khổ là do đặc tánh riêng của chúng vốn là khổ, bởi vì tên của nó là như vậy, và bởi vì sự đau đớn của nó (tattha kāyikacetasikā dukkhavedanā sabhāvato ca nāmato ca dukkhattā 'dukkhadukkham' nāma - Vibh.A.93.). Nhưng chúng ta có thể nói một cách đơn giản rằng nó được gọi là khổ khổ vì ở đây có tới hai lớp khổ chồng lên nhau, một là khổ thân và hai là khổ tâm. Trong hai lớp khổ này, theo chú giải, có tám yếu tố gây nên các cảm giác khổ thuộc về thân, đó là do sự rối loạn của mật, đàm, của yếu tố gió trong cơ thể, do sự mất cân bằng của các chất nội tiết, do sự thay đổi của thời tiết, do bất cẩn, do những sự tấn công từ bên ngoài hay do nghiệp đã làm trong quá khứ (S.IV.231). Trong khi đó, những thọ khổ của tâm là do sân hận gây nên. Sân hận này là gây nên bởi một dạng tham ái, gọi là phi hữu ái (vibhava-taṇhā). Ở đây, đó là sự tham ái mong muốn sự không hiện hữu của thọ khổ. Khi một người phàm phu có thọ khổ, người ấy không muốn có cảm thọ đó, mà muốn có một thọ lạc thay thế. Nguyên nhân của thứ tâm lý này, theo Đức Phật dạy, là do "người đó không biết một cách nào để thoát ly khổ thọ ngoại trừ dục lạc." (S.IV.208) Vậy thì đâu là lối thoát cho thứ khổ-khổ này? Trong Tương Ưng Bộ kinh, phần thọ tương ứng, Đức Phật đã chỉ cho chúng ta một phương thức để thoát ly khổ khổ. Nếu có thọ khổ khởi lên cho một người nào, người đó nên hiểu rằng "một thọ khổ đã khởi lên trong tôi". Người đó nên hiểu rằng thọ khổ này phụ thuộc vào xúc mà phát sanh, nên nó là vô thường, là do duyên mà sanh khởi, là phụ thuộc vào các pháp khác. Người đó biết rằng cảm thọ đó sinh lên và diệt đi, nó không tồn tại mãi. Bằng cách quán sự vô thường và sự biến mất của cảm thọ, người đó loại bỏ được sân tuỷ miên (paṭighānusaya) đối với thọ khổ (S.IV.213). Nhờ vậy, khi có một cảm giác khó chịu, người ấy cảm nhận nó một cách khách quan, và chỉ có chịu một thọ khổ duy nhất là thọ khổ về thân, chứ không bị khổ tâm.

Tiếp theo, làm thế nào mà thọ lạc cũng dẫn đến đau khổ? Khi người phàm phu cảm nhận một thọ lạc, người đó không dừng lại ở mức độ chỉ quan sát nó. Người đó thường có khuynh hướng bám víu lấy nó, do ảnh hưởng của dục ái tuỷ miên (kāmarāgānusaya). Người đó không biết rằng cái cảm giác dễ chịu này là vô thường, và chắc chắn sẽ phải diệt đi. Người đó vui thích trong thọ lạc, và muốn kéo dài nó. Trường hợp này chính là hữu ái (bhava-taṇhā), lòng tham muốn đối với sự hiện hữu của thọ lạc. Nhưng các pháp thì luôn luôn thay đổi,



và không có thọ lạc nào có thể kéo dài vô tận, và điều đó dẫn đến sự thất vọng và đau khổ. Loại đau khổ này gọi là hoại khổ (viparināmadukkha). Chú giải Bộ Phân Tích nói rằng "thọ lạc của thân và tâm được gọi là hoại khổ bởi vì nó là nguyên nhân của sự phát sanh đau khổ qua sự thay đổi vô thường của chúng (sukhavadanā viparināmena dukkhuppatti-hetuto 'viparināmadukkham' nāma - Vibh.A. 93.). Phương pháp để thoát khỏi loại khổ này là "hiếu được một cách như thực sự khởi sanh và hoại diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ này." (S.IV.209) Thấy được bản chất của sự sanh diệt, và tất cả những khía cạnh khác, thì khi một người cảm nhận một thọ lạc, người đó cảm nhận nó một cách khách quan, và do đó không còn bị đau khổ.

Cuối cùng, làm thế nào mà thọ xả cũng dẫn đến đau khổ? Khi người phàm phu, cảm nhận một thọ xả, do cảm thọ này quá nhẹ, quá vi tế, người đó cảm thấy chán, và muốn làm một cái gì đó để có một cảm giác mạnh hơn. Cái ý muốn làm cái gì đó để có lạc thú mạnh mẽ hơn cũng là một dạng tham ái, được gọi là dục ái (kāmatanhā), tức là tham ái đối với dục lạc. Loại tham ái này chịu ảnh hưởng của vô minh tùy miên (avijjānusaya), tức là không hiểu được sự sanh diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ này (Ibid.). Trong nỗ lực đi tìm cảm giác mạnh, người ấy tạo nên hành khổ (saṅkhāra dukkha). Chú giải của bộ Phân Tích giải thích rằng thọ xả và các hành còn lại trong tam giới được gọi là hành khổ bởi vì chúng bị áp bức bởi sự sanh diệt (upekkhāvedanā ceva avasesā ca te bhūmakā saṅkhārā udayabbayapīṭitattā 'saṅkhāradukkham' nāma - Vibh.A.93).

Như vậy khổ tâm được gây ra bởi tham ái đối với các cảm thọ. Vì vậy muốn thoát khỏi khổ tâm cần phải quan sát cảm thọ như chúng đang là, mà không nắm bắt hay loại bỏ chúng. Điều này có thể làm được bằng cách quán cảm thọ như đã được mô tả rất rõ ràng trong bài kinh Đại Niệm Xứ của Trường Bộ kinh, là một bài kinh rất quan trọng cho việc tu tập. Trong bài kinh này, Đức Phật đã chỉ ra con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh lý, chứng ngộ Niết bàn, đó chính là chánh niệm trên thân, thọ, tâm và pháp.

Liễu Pháp



TRÔI LÊN ĐỀNH

*Thơ như những cành củi mục
Trôi lên đênh trên những thác gềnh
Trôi ào ạt thành dòng mưa sấm sét
Trôi biệt mù về biển mông mênh.*

*Như một kẻ cùng đinh chân đất
Đứng giữa trời khát thực với cỏ cây
Đêm rừng rức cùng muôn sao trôi dạt
Đợi một ngày trở gót bước trong mây.*

*Đêm đã hết rừng nghiêng sương lấp lánh
Chợt ngời lên tinh huyết của thiên thu
Mở cánh cửa trần trụi cơn ảm lạnh
Gối đầu lên cùng đánh giấc phiêu du.*

*Nghe biển thở sóng chập chờn đứt nối
Mộng chia lìa mù tủa những giang sơn
Gió sẽ thổi tận cùng qua tim phổi
Một nụ cười rất nhẹ của nguồn cơn.*

QUA SÔNG

thơ

*Cơn mưa rào trắng xóa
Ngàn phương gió đổ về
Đất ngàn năm chưa tỏ
Những đồi núi đam mê.
Vỗ tay cùng biển hát
Bát nhả hê! mây bay
Sen hồng, hương ngào ngạt
Trôi đầy trên hai vai.*

*Qua sông hê! mưa bụi
Bay trắng những đêm rằm
Ta một đời như núi
Nợ mãi những mùa trăng.
Qua sông hê! Bồ Tát
Lũ bướm vàng tung tăng
Mênh mông hê! Phật pháp
Biển vẫn rên điệu âm.*

*Qua sông còn thảng thốt
Hư ảo còn lao xao
Cơn mưa nào sau chót
Vừa rơi xuống ngọt ngào.*

LÝ THỪA NGHIỆP

NGHĨ VỀ VĂN HÓA TÂM LINH VÀ TÍN NGƯỠNG NGÀY NAY

Tuệ Như

*"Chúng sanh chìm bần dục
Những kẻ không thấy đời..."
Subha*

Cho dù ngày nay với tốc độ chuyển biến của xã hội như thế nào đi nữa, con người có lao vút ào ạt vào quỹ đạo khát vọng nhiệt cuồng, thậm chí đánh mất phẩm chất nhân tính bởi những dục tính thế nào đi nữa! Thì lời dạy của Đức Phật, của những bậc giác ngộ, những bậc thức giả vẫn luôn được thắp sáng mỗi lúc, mọi thời và mọi nơi trong cuộc sinh tồn của con người và nhiều sinh loại khác.

Thế nhưng từ bao thuở xưa xa cho đến tận bây giờ, số đông con người vẫn miệt mài, nôn nã, ước vọng đi tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình, để rồi có được chẳng, chỉ là bao mơ hồ huyền hoặc của lớp khói sương phù phiếm mà thôi, bởi sự tham cầu vô vọng, do niềm tin được thông qua sự sợ hãi, do tầm cầu để được thỏa mãn các dục lạc. Và nếu như bao hình thức cả nội dung ấy vẫn còn duy trì một cách đăm đuối, thiết nghĩ cũng lắm nỗi mịt mù, mục nát cho hưởng nẻo tương lai trong cuộc tử sinh này. Mà tác nhân đứng phía sau đó là một vài đạo sư, đạo sĩ, đạo nhân, nhân danh, tư tách, thậm chí còn cho là bốn phận tử cõi này cõi kia đến để cứu đời với bao hình thức cầu nguyện, bùa chú, phép linh mầu nhiệm, v.v...

Ngày nay, đứng trước bao hiện cảnh trong cuộc sống, chúng ta thường cho rằng thời đại phát triển khoa học, tầm vóc vĩ đại và văn minh của nhân loại, thậm chí còn cho rằng: "*văn hóa, văn minh tâm linh*" hồ hào tuyên truyền những tính đặc thù vượt thoát siêu hóa đến cộng đồng loài người, thế nhưng thực chất, có việc lại đi lùi lại sự tiến bộ văn hóa, văn minh đạo lý tâm linh ấy một cách cực kỳ nguy hiểm đến mức đáng được báo động hơn bao giờ hết, đó là vấn đề tín ngưỡng. Đến đây, chúng ta cùng nghĩ và đề cập đến lĩnh vực tinh thần đạo lý của Đức Phật cũng như hiện tượng gọi là *văn hóa tâm linh tín ngưỡng* đang sinh hoạt trong tổ chức Phật giáo hiện nay (ở góc độ hẹp).

Từ xa xưa, tín ngưỡng được thổi vào loài người bằng niềm tin đa thần giáo, rồi kể đến nhất thần giáo... mãi về sau cho đến thời kỳ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện, thì được Ngài chủ xướng bằng một ý thức giác ngộ, nhận diện, minh triết qua mọi hiện tượng và các pháp sanh diệt, khám phá và tuyên bố chân lý thâm diệu sau khi chứng nhập quả vị tối thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là bốn chơn lý cao thượng **Tứ Thánh Đế** hay còn gọi là **Tứ Diệu Đế**, được Đức Phật mở đầu công bố vào thế gian tại vườn Lộc Uyển (Isipatana) và cũng chính nơi đây *giáo pháp* và *tăng già* được Đức Phật thành lập.

"Cửa bất tử đã mở, cho những ai chịu nghe..." (Kinh Thánh Cầu, Trung Bộ I).

Như đã được đề cập ngay từ đầu "*chúng sanh chìm bần dục, những kẻ không thấy đời...*" (Subha). Vì rằng: không thấy được hiện tượng *Sanh, Già, Bệnh, Chết* bị chi phối bởi *Vô thường, Khổ, Vô ngã...* đến với các loài hữu tình, và *Thành, Trụ, Hoại, Không...* đến với không gian và thời gian... Đồng thời, cũng không rõ biết được những *pháp thiện* và *pháp bất thiện*, không thấy sự nguy hại, tàn phá khốc liệt đưa đến nhiều khổ đau, đọa xứ ác thú địa ngục ngay trong hiện tại. Đó là vô minh, đó là "*không thấy đời*", vì họ đã chìm đắm trong những lạc thú thấp kém thường tình và đầy dẫy tội lỗi từ nơi *Thân, Khẩu, Ý* tạo tác từ hiện đời hay trải qua nhiều đời trong lộ trình sinh tử.

Một điều nữa, chúng ta có thể hiểu thêm rằng: "*không thấy đời...*" không chỉ riêng cho một ai, dù có hình thức tín ngưỡng hay không hình thức tín ngưỡng, dù người tu xuất gia hay người tu tại gia, mà là do hành xử trong cuộc sống không phù hợp với lý tính đạo đức, không có tâm xã ly, không khắc phục những ác hạnh dục tham nơi thân và tâm, hại mình và hại người, không cảm thông và thương tưởng đến mọi người, mọi tầng lớp, nhất là tầng lớp chịu nhiều bất hạnh trong gia đình, xã hội và kể cả trong một đất nước, chỉ biết phục vụ lợi dưỡng cho bản thân, cho người của mình, không biết chia sẻ sâu sắc từ những cảm thọ thuộc về *khổ thọ* của con người qua nạn đói nghèo, chiến tranh tàn phá cướp giựt, thiên tai đói rét và chết chóc, những bất công đàn áp, cậy thế lực quyền hành hay giàu có.v.v... Đồng thời, qua những điều đó nếu chính mình là một phần nhân tố, nếu chính mình đem đến hệ quả hay cộng sự với hệ quả..., không có sự thương tưởng tốt đẹp phù hợp với lý tính đạo đức, để có được an lạc lâu dài từ thân và tâm, không làm hại mình và người. Thời như vậy là kẻ "*không thấy đời...*" Chúng ta có dịp đọc những lời thơ tự nhận nơi chính mình, như:

*"Ta cứ chạy hoài
Qua những bước đời say men
Qua những ước mơ trắng màu kỷ ức
Qua những dấu hỏi trầm lên khuôn mặt
Ta chạy đuổi một đời
Không tới đích."*

Ta cứ chạy, rượt đuổi, tầm cầu vô vọng bởi những niềm tin được tẩm ướp bằng chất liệu *dục tưởng* thì biết bao giờ mới có sự yên vui đích thực ngay trong hiện tại, nơi mà chúng ta đang có mặt. Chúng ta hoàn toàn vượt khỏi tầm tay hay không với được do tầm tay, bởi những kỷ ức quá khứ lừa gạt, bởi những vị ngọt ảo huyền chứa đầy chất độc thời

gian hứa hẹn, để rồi từ đó *sân tường* và *hại tường* phát sinh, ác hận phát sinh sẽ đưa đến đau khổ đọa lạc tái sinh. Như vậy, không phải chỉ chạy đuổi một đời mà còn băng qua nhiều đời, không tìm đâu đích điểm để dừng cuộc phiêu bạt bao nẻo luân trầm. Từ đây, chúng ta mới thấy lời dạy tuyệt diệu nơi Đức Phật: "...*Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát...*" (Kinh Tương Ưng IV).

Như vậy, từ hình thức *tín ngưỡng* sẽ biến thành *niềm tin đúng pháp*, tin vào sự vẫn thân và thành tựu của Đức Phật, tin vào những năng lực Diệu Pháp mà Đức Phật đã trình bày, và tin vào những đệ tử của Đức Phật đã thực tập để được đặc nhập vào Thánh hạnh, đem lại sự tươi mát, an lạc hạnh phúc cho chúng sanh, chư thiên và loài người, niềm tin đó sẽ hóa giải khổ đau, sẽ đem lại lạc trú hiện tại. Đồng thời niềm tin phải luôn được nuôi dưỡng bởi có sự tu tập *Giới-Định-Tuệ*.

Ngày nay trong cũng như ngoài nước, chúng ta thấy có nhiều nơi vận động, kêu gọi tổ chức, thiết lập đàn tràng, lễ cầu nguyện, lễ chiêm bái khá phổ biến, nếu không nói đó là hình thức "*cảnh lá phàm hạnh*". Gần đây, lễ chiêm bái xá lợi, và lễ chiêm bái Phật Ngọc Thế giới cũng đã được diễn ra nhiều năm qua, có nhiều nơi đăng ký tổ chức như; tại các Tự viện, Tịnh xá... Xét thấy việc tổ chức chiêm bái nói trên nhằm để mọi người đệ tử Phật và mọi giới trong xã hội đến với lòng kính tin, đến do phát khởi tín tâm (thiện), đến để trường dưỡng Bồ đề tâm, tự mình rõ biết và hộ trì chánh pháp, giúp người rõ biết và hộ trì chánh pháp, điều ấy rất phù hợp tinh thần "**sứ giả Như Lai**". Nhưng nếu trái lại, nó sẽ có tác dụng ngược cho cả hai chúng đệ tử (xuất gia và tại gia), nhất là Ban tổ chức. Đối với người tổ chức nếu ngoài mục đích trên, sẽ bị lạc mất quỹ đạo, chệch hướng đi khi thực hiện việc làm **hiện hóa Đức Phật vào đời**, điều này (có lỗi với Tam Bảo), đối với người tại gia, số đông sẽ chỉ biết dựa dẫm vào niềm tin để cầu nguyện, không hiểu được ích lợi của sự tu tập để chuyển hóa tâm hồn, hướng cầu dứt trừ chướng nghiệp ác quấy về thân-khẩu-ý, tích tụ công đức lành ngay trong hiện tại.

Như vậy, sự phát triển đích thực về "*Văn hóa tâm linh*" là đồng nghĩa với hành động hướng vào một nếp sống có ý thức giác ngộ, có nhận chân được mọi sự vật hiện tượng, có chế ngự được khổ thọ và lạc thọ (dục lạc) không bị các lợi dưỡng chi phối, có sự tỉnh giác về Thân-Khẩu-Ý, có nhu nhuyển về sự tu tập, vượt thoát khuôn sáo bên ngoài, tự mình có tu tập, hướng dẫn người biết tu tập, tự mình an hòa, giúp người được pháp an hòa.

Có thể nói; đó là *kẻ thấy đời*, không bị chìm trong bùn dục. Mà cũng là sự cộng hưởng tịnh hóa vào nguồn mạch tâm linh của Chư Phật, của những bậc Thánh, và Chư Tổ, bậc giác ngộ tự ngàn xưa cho đến ngàn sau. Đến đây, để kết thúc bài viết này, chúng ta cùng đọc lại lời dạy của Bồ Tát Shantideva (Tịch Thiên) như sau: "*Nếu không biết tâm này, bí yếu của tất cả Phật Pháp, thì dù có mong muốn thoát khổ và được an vui, rồi cuộc vẫn phiêu bạt trong ba cõi một cách vô nghĩa*" (Trích: Nhập Bồ Tát Hạnh).

New Orleans, tháng 9. 2014
TUỆ NHƯ

DẤU CHÂN ĐÊM

*Đêm hôm qua dường như chưa tan
Bóng âm ướt trên đường sâu căn lá
Những lời dang dở nói không ra*

*Bướm thoát ra từ một loài sâu tối
Là ai. Động cỏ dấu chân đêm
Trong bóng tối ngập ngừng bóng sáng*

*Dấu chân đêm mọc lên hình nhân
Tìm vừa đập. Bàn tay vừa ấm
Vừa bên người, phút giây của mộng*

*Dấu chân đêm im lìm bóng đứng
Ẩn vào khuya bẽn rễn châu thân
Mỏi sớm mai đã rêu lên màu tượng*

*Tượng may ra còn nhịp tim pháp phóng
Dặm chân đi hình nhân của bóng
Nơi xum xuê hình ảnh một ban mai*

ĐÊM

*Đêm đang rực rỡ đi qua
giác mơ của hoa
bằng những bước kiêu hãnh
nuốt hết tinh túy sắc màu
phủ dụ khát vọng chồi non
Đêm mãi khai bóng tối.*

*Đêm kiêu hãnh
tô đậm hạt lệ
xé toạc giấc mơ
đêm tự mãi bóng mình
Bầu trời đen và ác mộng.*

*Khi đi ngang mặt hồ phẳng lặng
trong suốt ánh trăng
Đêm mới vỡ ra
Nó chỉ là ảo ảnh.*

thơ

NGUYỄN THỊ
KHÁNH MINH

Gom lại niềm tin

THU NGUYỆT

Có mặt trên cuộc đời này, ngay từ lúc bắt đầu biết suy nghĩ, chúng ta đã có niềm tin. Trước nhất, chúng ta tin vào cha mẹ, người thân, sau đó là thầy cô, những người dạy dỗ, những tấm gương thần tượng... Niềm tin thứ nhất của chúng ta là tin vào **con người**.

Niềm tin vào con người ảnh hưởng vô cùng to lớn và xuyên suốt cuộc đời chúng ta. Chúng ta đặt cược vào niềm tin này nhiều nhất và cũng trắng tay ở niềm tin này nhiều nhất. Nó đem đến cho chúng ta hy vọng, thành công, hạnh phúc và cũng mang lại thất vọng, đau khổ, ê chề.

Khi niềm tin vào con người của chúng ta sụp đổ bởi những phản trắc, những điều bất như ý... thì ta đau khổ dẫn vật, cay đắng lắm! Đứng trước điều ấy, một số người chấp nhận, vượt qua và vẫn duy trì được niềm tin; sau khi mất niềm tin ở người này, họ sẽ dời niềm tin sang người khác để tiếp tục tin và vui sống. Một số người khác thì bi quan bế tắc nhưng đa số còn lại sẽ thay đổi đối tượng niềm tin: không tin vào con người nữa mà quay qua tin vào **lẽ phải**.

Tin vào lẽ phải là tin vào những điều thiện, điều đúng, những điều mà pháp luật và công lý bảo vệ, những điều mà xã hội tôn vinh, đạo đức đồng tình, những điều mà đa số mọi người tin theo, ủng hộ. Nhưng đến một lúc nào đó, một ngày sáng bừng nào đó, chúng ta chợt nhận ra rằng con đường một chiều mà hăng ngày chúng ta rầm rập xuôi theo, thật ra ta có thể đi ngược lại nếu không có cái bảng cấm. Những qui định, lẽ luật mà chúng ta tin tưởng, suốt đời phấn đấu thực hành, bỗng một ngày kia được qui định lại, được thay đổi bởi thể chế mới, quan điểm mới. Thế là "lẽ phải" của chúng ta đi tong! Mất niềm tin vào lẽ phải tuy không làm ta vật vã đau đớn ầm ỉ

như khi mất niềm tin vào con người, nhưng nó sẽ để lại dư chấn âm thầm khủng khiếp trong tư tưởng chúng ta. Sự sụp đổ này tùy theo nhận thức của từng người mà đi đến những hậu quả khác nhau. Một trong những hậu quả đó sẽ làm chúng ta mất niềm tin vào tất cả và chỉ còn biết tin vào **chính mình**.



Thật ra niềm tin chính mình là niềm tin đã "nằm vùng" trong chúng ta từ sâu thẳm. Sở dĩ nó khiêm nhường nép sau những niềm tin khác là do những niềm tin kia đang được chúng ta cất nhắc vào vị trí bao trùm, nên chúng đành phải ẩn mình. Khi những niềm tin khác sụp đổ toàn bộ, ta không còn gì để bám víu chầm chút nữa, lúc ấy niềm tin chính mình mới nháy ra, và chúng ta rì rầm hô câu khẩu hiệu rất... huê vốn là: "Giờ tui chỉ còn biết tin ở chính mình thôi!". Chúng ta định ninh chắc cú rằng mình là thành trì cuối cùng vững chắc nhất. Nhưng sự thật thì sao? Mình thì cũng có lúc vui lúc buồn, lúc khôn lúc dại, lúc vững vàng lúc nhu nhược, lúc đúng lúc sai... Tóm lại: mình đâu có nhất quán! Cứ bình tĩnh, công bằng, sáng suốt tự đánh giá mình một cách không thiên vị, ta sẽ thấy mình thật ra cũng... chẳng đáng tin.

Tin ở **con người** thì đau khổ, tin ở **lẽ phải** thì có khi... hồng phãi, tin ở **chính mình** thì bấp bênh, vậy ta biết tin gì?

Có một điều ta có thể tin một cách chắc chắn nhất, không bao giờ sai đó là sự **vô thường**.

Chúng ta biết vô thường là sự thật vĩnh hằng nhất nhưng chúng ta vẫn cố vớt vát, trì hoãn chẳng muốn tin, bởi chúng ta không cam lòng chấp nhận sự thật phũ phàng. Chúng ta vẫn hy vọng người ta yêu sẽ yêu ta suốt đời, vẫn hy vọng thành công, hạnh phúc sẽ đồng hành với ta suốt đời...v.v... Nếu không có những hy vọng như thế thì chúng ta khổ sống. Con người là vậy, để duy trì sức khỏe, người ta thường chọn uống thuốc hơn là tập thể dục, dầu ai cũng biết là tập thể dục thì tốt hơn uống thuốc. Thật ra, muốn có một nền tảng sức khỏe tinh thần vững chắc, chúng ta cần kiên trì sáng suốt tập thể dục niềm tin hơn là ngồi nhâm nhi những viên hy vọng.

Nhưng chúng ta phải chọn niềm tin nào cho đúng nhất để luyện tập đây?

Hãy gom lại những niềm tin đã từng làm ta vui buồn quay quắt, rồi đặt từng niềm tin một lên cái nền móng **VÔ THƯỜNG**:

- Khi đặt niềm tin con người trên nền móng vô thường, ta sẽ không bị thất vọng khi thần tượng sụp đổ.

- Khi đặt niềm tin lẽ phải trên nền móng vô thường, ta sẽ không bị hụt hẫng khi nhận thức thay đổi.

- Khi đặt niềm tin chính mình trên nền móng vô thường, ta sẽ không bị đau khổ khi mình bất lực.

Tin vô thường, ta biết mọi điều không thể mãi mãi như thế này, để không hí hửng vênh vang với cái mình có được, hoặc đau khổ nhứt chí với những thất bại mất mát, hay vật vã hăn học với những bất như ý trên đời.

Hãy gom lại những niềm tin đã từng làm ta vui buồn quay quắt, rồi đặt từng niềm tin một lên cái nền móng **VÔ THƯỜNG**, ta sẽ có một ngôi nhà tư tưởng vững vàng, chắc chắn.

HIỂU và **CHẤP NHẬN** mọi thứ trên cuộc đời này luôn biến đổi, ta sẽ có được những hành xử đúng đắn sáng suốt trước mọi việc, đem lại cho chúng ta một cuộc sống thanh thản nhẹ nhàng hơn.

KHÔNG AI CHỊU LỖI!

Tập vô căn nhà cũ
Của anh,
Người bạn thời trai trẻ,
Mấy mươi năm rồi về thăm quê đôi ba bận
Có chạy xe ngang đôi lần nhưng không dành thời giờ để ghé.
Chủ mới, sáu bảy đời sang qua từng lại không ai biết tên anh.
Cây cổ thụ ngày xưa hai thằng quân quanh một thời xum xuê xanh lá
Người ta bắt lò nấu nướng dưới gốc, bán buôn cháo vịt cháo gà
Nước nóng dầu sôi tưới vào vô tội vạ
Bỗng thấy đau như bàn tay mình bị phỏng lột da.
Có em nhỏ tật nguyên nằm sát rạt trên thêm dơ lỏm chỏm đá,
“Lạy ông đi qua, lạy bà đi lợi, lạy ba lạy má, ...”
Vì đâu nên nỗi bé thơ phải sống bằng tình thương của người xa lạ
Bạn tôi chết vì chạy xe sụp ổ giữa Sài Gòn chập chùng phố xá đầy rẫy ổ gà.
Bởi lúc “thi công” người ta quên treo bảng báo cấm thận lúc chạy qua...
Cái chết tức tưởi nhưng quá đỗi bình thường ở xứ sở này.
Ai mắc mớ gì chịu lỗi vì rủi ro của người khác! Chuyện cù nhầy!
Riêng tôi chịu lỗi vì đã vô tâm không tới thăm bạn sớm! Bệnh thời đại: lười trây!
Em nhỏ chắc do phần số đọa đày,
Không được tung tăng đến trường hồn nhiên chân sáo
Ai đã ăn cắp tương lai em bỏ vô túi ‘số may’ gia đình mình?
Không ai khùng điên chịu lỗi vì ánh mắt trẻ thơ ngác ngơ bên lề đường gió bụi.
Mọi người bình thân chẳng để ý tới cây cổ thụ tàn rụi dần rồi sống chết ra sao
Em gái nhỏ cù bơ cù bất làm sao có thể lớn.
Mà khỏi mất thêm những thứ quý giá của đời em.
Và đất nước tôi gần bốn mươi năm qua
sống sau bức rèm dây che mắt.
Đen tối
Cũng không ai cúi đầu chịu lỗi.
Có rất ít dòng sông không bao giờ thoát ra biển lớn,
chết khô lằn trong sa mạc cát nóng ớn người,
Như đất nước tôi:
họa hoằn lắm mới thấy ai đó trên cao lo cho dân đen bên dưới.
còn thì giả ơn giả nghĩa để tư lợi- chớ thương gì đồng bào nếm ruột VN
Tại sao?
Tại sao trẻ thơ đi học hồn nhiên đón cái chết khi qua dòng thác bằng dây cáp, cầu treo?
Tại sao cô giáo với đồng lương đói meo phải qua sông chui trong túi nylon túm miệng?
Tại sao không ai chịu lỗi về những chuyện vô lý tràn đầy?

thơ

ĐẠT GIẢ



AI LÀ BẠC HIỀN TRÍ ĐÍCH THỰC?

Thích Hạnh Tuệ

Trong thời đại được gọi là văn minh như hiện nay vẫn xuất hiện không ít những người tự xưng là giáo chủ, thánh chủ, thượng sư hay đạo sư. Có người tự cho rằng được thánh nhập, chỉ cần theo họ tu bảy ngày mở bảy luân xa là đắc đạo thành tiên thánh rồi dùng nhiều cách thức mê hoặc, dẫn dụ người đi theo vì nhiều mục đích khác nhau. Điều này ảnh hưởng không tốt đến đời sống xã hội, trong đó có cả những Phật tử hiền lành chất phác.

Là người con của Đức Phật, chúng ta không thể làm ngơ, nên bài viết này với hy vọng góp phần chỉ rõ, ai mới là bậc thầy, bậc thiện tri thức đúng nghĩa để mọi người có thể nương tựa học hỏi, và tu hành theo đúng Chánh pháp.

Làm thế nào để mọi người có thể nhận diện được một con người giác ngộ, tịch tĩnh có đầy đủ trí tuệ và đức hạnh ở đời? “Trước hết, đó là một người đã buông bỏ hết tất cả những hận thù trong quá khứ, một người không còn mơ tưởng, vướng mắc gì vào tương lai. Và cả chính trong hiện tại người đó cũng không vướng vào hư danh và sự tôn kính của người đời. Người đó là một bậc Mâu Ni, một người toàn thiện” (Kính Cha con gặp nhau, Đại chánh tân tu 198, Thích Nhất Hạnh dịch).

Một người bình thường như tất cả những người khác, nhưng đã buông bỏ được tất cả những giận hờn, hận thù, lo lắng, phiền muộn, ân oán trong quá khứ; không dính mắc, chấp trước hay mơ mộng hão huyền vào những mong cầu ở tương lai; cũng không vướng mắc vào những gì trong giây phút hiện tại. Bởi người đó đã thấu rõ quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa đến, hiện tại đang luân chuyển đồng thời nhìn thấu danh lợi, địa vị vốn không thật có, nên không vướng mắc vào hư danh, tâm của vị ấy không bị dao động bởi sự tôn kính hay bất kính của người đời. Người như vậy chính là bậc trọn lành, tịch tĩnh, đức hạnh đầy đủ, hoàn toàn ung dung và tự tại ở đời.

Theo lời Phật dạy, trong tám con đường chân chính đưa mọi người đến nơi an vui hạnh phúc thì chánh kiến, tức là cái thấy biết chân chính đứng đầu, muốn có chánh kiến trước hết phải buông bỏ tất cả các tà kiến kể cả tư kiến.

Vì không ưu sầu về quá khứ, không vướng mắc vào tương lai, lại buông bỏ được mọi sự tham cầu, không còn chấp vào cái ta và cái của ta, nên vị ấy đã nhìn thấu thực tính của các pháp và vượt qua mọi nỗi sợ hãi, lòng tin chân chính được củng cố vững chắc, tâm không còn dao động trước ngoại cảnh. Như vậy, những nghi nan trong lòng của vị ấy tự nhiên tiêu trừ, xa lìa lòng ganh tỵ, an trụ trong hiện tại nhiệm mầu, tâm luôn an vui với cuộc sống hiện tại. Nhất là nếp sống của vị ấy vô cùng đơn giản, thanh thoi và tự tại.

Vị ấy có khả năng làm chủ chính mình, làm chủ cuộc đời mình, không bị lòng tham dục bên

trong hay những lạc thú bên ngoài kéo đi. Đi đứng nằm ngồi, vị ấy luôn tỉnh giác, luôn tự tiết chế, điều độ trong ăn uống ngủ nghỉ, không bị nô lệ cho đam mê, tập khí hay thói quen. Rất nhiều người thường tự hào về những thành tựu trong sự nghiệp tiền tài, danh vọng, địa vị, nhưng suốt đời họ sống nô lệ cho lòng tham dục, si mê của mình mà họ không biết. Thật đáng thương thay!

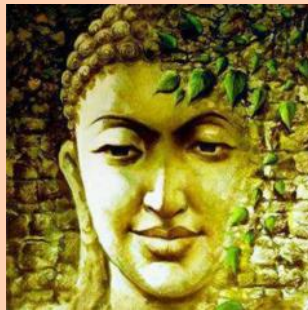
Tu tập để ngày càng làm chủ bản thân mình nhiều hơn là một việc rất quan trọng và cần thiết. Với trí tuệ tịch tĩnh, vị ấy đã nhìn rõ thật tướng các pháp nên đã hoàn toàn xa lìa được lòng ganh ghét, đố kỵ; xa lìa sự nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, không nói lời trau chuốt giả tạo; buông bỏ mọi hỷ luận không có lợi ích thật sự cho sự giác ngộ giải thoát; tâm không còn hoài nghi, ngờ vực về con đường tu hành.

Vị ấy biết rõ, nguyên nhân của khổ đau là tham vọng quá nhiều, nên xa lìa được dục vọng. Tâm ý của vị ấy không còn bị trói buộc vào bất kỳ thứ gì, được tự do một cách trọn vẹn. Những sợi dây phiền não không còn nơi để phát huy tác dụng được nữa. Không còn vướng mắc, chấp trước vào những cái thấy của riêng mình. Miệng không còn nói những lời thô tục, hư vọng. Bước chân của vị ấy chậm rãi, thành thoi, vững chắc, an lành. Tâm vị ấy không còn mọi ý tưởng tham dục, ham muốn. Vị ấy luôn tỉnh táo và nhẩn nại, có khả năng hóa giải mọi sự cãi cọ, tranh chấp, hơn thua bằng trí tuệ và từ bi.

Vị ấy nhận rõ rằng, mọi dục tưởng là do tri giác sai lầm đưa tới ham muốn. Nếu không có dục tưởng thì sẽ không có ham muốn. Do chúng ta tham muốn tìm cầu nhiều thứ, nào là tiền tài, danh vọng, quyền hành, nữ sắc..., vì cứ nghĩ chúng sẽ đem lại cho mình an lạc và hạnh phúc, cho nên chúng ta khổ đau nhiều. Còn vị ấy biết rõ, một khi bị vướng vào những thứ đó rồi mình sẽ mất hết hạnh phúc, thanh thoi, an lạc mà chỉ còn lại toàn là đau khổ.

Lòng vị ấy đã trong sạch và sáng suốt, nên không còn mưu toan hay thủ đoạn để thỏa mãn sự ham muốn bản thân - ngay cả việc thành tựu được một mức độ nào đó trong tu học - cho nên không buồn phiền, lo lắng hay oán giận khi không có được hay mất mát thứ gì. Nhất là vị ấy đã đoạn trừ được sự luyến ái, không còn bị nô lệ cho ái dục. Đây là một điều rất khó làm được, vì sở dĩ chúng ta có mặt trong cuộc đời này là do ái dục; chúng ta trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, chịu đủ mọi đau khổ triền miên cũng là do ái dục. Ái dục chính là nguồn gốc của sinh tử luân hồi, là nguyên nhân của khổ đau, nên xa lìa được ái dục tức là an vui giải thoát.

Vị ấy quán chiếu sâu và thấy rõ tất cả mọi chúng sinh đều có thật tánh bình đẳng, tất cả các pháp thật sự bình đẳng, đạt đến cái thấy vô ngã, nên xa lìa được hai trạng thái tự cao và tự ti, không còn mặc cảm hay tự mãn, không còn ý tranh luận hơn thua với người. Vị ấy luôn kiểm soát tâm ý không để



buông lung theo cảnh vật bên ngoài, nhìn thấu, hiểu rành các pháp thiện và pháp ác, cũng không kẹt vào thiện ác, suy nghĩ không còn dấu vết và sai lầm.

Người nào chưa đạt đến cái nhìn vô ngã, chưa thấu rõ thật tánh bình đẳng của các pháp, thì chưa thể xem là bậc đạo sư được. Đây chính là cơ sở quan trọng nhất để nhìn nhận ai là đạo sư chân thật.

Vị ấy dùng trí tuệ quán chiếu, thấu rõ tự tánh của các pháp, bản chất của mọi sự vật hiện tượng, nên không còn bị trói buộc hay vướng mắc vào bất kỳ pháp nào, cũng không còn kẹt vào hai đầu đối đãi có và không, do đó không có gì là không vượt thoát được.

Tâm vị ấy đã tịch tĩnh, lòng tham ái cũng không còn, những vô minh, những ham muốn, những căm giận, lạc thú trong cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc không còn làm cho tâm vị ấy dao động. Vị ấy thực sự là một người tự tại đối với các pháp, tâm đã hoàn toàn buông xả, không còn bị cái gọi là sở đắc trói buộc.

Đó là người đã vượt qua biển sầu khổ đến nơi không còn bất kỳ âu lo, phiền muộn gì nữa.

Bậc đại trí tuệ chỉ rõ cho chúng ta thấy được, người mà còn muốn có con trai để nối dõi tông đường, kế thừa sản nghiệp, lòng muốn tích trữ tiền bạc của cải cho nhiều, cái mình không thích thì chán ghét, thứ mình thích thì bo bo gìn giữ, thì chắc chắn người ấy không phải là người thanh tịnh, không phải là chân tu, cũng không phải là đạo sư đích thực.

Một bậc đạo sư đích thực là tâm vị ấy thực sự xa lìa được cả hai thái cực ham muốn và ghét bỏ, tức là không còn ham muốn bất cứ cái gì, cũng không chán ghét bất kỳ cái gì.

Vị ấy là người thấy đạo, đã xác định rõ con đường cần phải đi, tâm ý đã hoàn toàn an tịnh sáng suốt, vượt ra ngoài tác động của những sự khen ngợi hay chê bai, tôn kính hay xúc phạm. Tức là khi bị chê bai, xúc phạm, vị ấy không còn khởi ý nóng giận; khi được khen ngợi, tôn kính, vị ấy không cảm thấy tự cao tự mãn, kể cả khi bị vu oan vị ấy cũng không còn muốn bào chữa, minh oan cho mình.

Những ý niệm tham lam, keo kiệt, ganh ghét hoàn toàn không còn hiện hữu trong tâm vị ấy, ý niệm tự cao tự mãn hay mặc cảm tự ti cũng hoàn toàn được tịnh trừ không còn dấu vết. Tâm vị ấy đã được kiên định, lời nói, việc làm và suy nghĩ không còn mảy may sai lầm.

Vị ấy đã thấu rõ tính Không, liễu ngộ thực tính của vạn pháp, hiểu hết bản chất của mọi sự vật, hiện tượng, không còn mong cầu bất kỳ cái gì, cũng không thấy mình có bất kỳ sở đắc nào, vượt ra ngoài những ham muốn phàm tục của thế gian.

Tâm vị ấy hoàn toàn tĩnh lặng, sáng suốt và an ổn, ý của vị ấy đã không còn buông lung. Vị ấy thật sự đã vượt ra ngoài mọi sự ràng buộc, giải thoát ra khỏi mọi khổ đau trong sinh tử luân hồi, sạch hết mê lầm và sợ hãi, là con người tịch tĩnh, sáng suốt, chứng ngộ Niết-bàn.

Như vậy, con người trí tuệ tịch tĩnh của dòng họ Thích Ca đã đích thân minh chứng cho tất cả mọi người trên thế gian này thấy rõ một chân lý lớn: Từ một con người bình thường sống trong khổ đau triền miên, bị trói buộc trong vòng sinh tử luân hồi như bao người khác, nhờ vào sự nỗ lực cố gắng tu tâm dưỡng tính đúng phương pháp của tự thân, hoàn toàn có khả năng giải thoát bản thân ra khỏi mọi sự ràng buộc, đạt đến an vui, tự do, tự tại với ý nghĩa toàn vẹn nhất.

Thích Hạnh Tuệ

thơ

Rổ Rau Của Mẹ

*Vườn xanh mơn mơn
Rổ rau đông đầy
Thấy cả đám mây
Nụ cười thanh thân*

Đôi Mắt Thần Tiên

*Đôi mắt ấy long lanh
Như sao đêm sâu thẳm
Bờ môi người thâm lặng
Nụ cười hiền trăm năm.*

*Cõi phù du người đến
Hiện hữu giữa hư không
Bao triệu người thương mến
Tròn khuyết một tấm lòng.*

*Vẫn im lặng sấm sét
Vẫn hiền ngang nhẹ nhàng
Vẫn từ bi rõ nét
Bỏ Tát Địa thành thang.*

*Đôi mắt ấy long lanh
Niềm vui và hy vọng
Hạt sương gầy vừa đọng
Mặn ngọt cõi yêu thương!*

Và Em...

*Em từ lục bát bước ra
Từ bi hỷ xả buông xa muộn phiền
Lục hoà nếp sống dịu hiền
Bát Chánh là đạo,
thiên liêng con người
Bước đi chánh niệm thêm tươi
Vào ra
hơi thở
nụ cười
từ tâm.*

BẠCH XUÂN PHÊ





NHÂN QUẢ BÁO ỨNG

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa ACE Huỳnh Trưởng bốn phương,
Chúng ta nghe câu nói này trong nhân gian rất
thường:

*"Phật Pháp nhiệm mầu,
Nhân quả đối đầu trong hiện kiếp"*

Nhưng khi có sự ứng nghiệm của nhân quả, mọi
người đều giật mình, ngưỡng mộ hay âu lo tùy hoàn
cảnh diễn tiến của câu chuyện.

Hôm nay, nhận được một câu chuyện thật
100% xin kể lại ACE nghe để chúng ta được mở mắt
về sự bố thí ba la mật và sự vận hành nhiệm mầu
của định luật nhân quả.

Có một cậu học sinh 18 tuổi đang gặp khó khăn
trong việc trả tiền học vì cậu là một đứa trẻ mồ côi,
không biết đi nơi đâu để kiếm ra tiền. Thế rồi cậu
này ra một sáng kiến. Cậu rủ một người bạn nghèo
khác quyết định tổ chức một buổi nhạc hội ngay
trong khuôn viên trường đại học để gây quỹ.

Họ tìm đến người nghệ sĩ dương cầm đại tài
Ignacy J. Paderewski. Người quản lý của Paderewski
yêu cầu một khoản phí bảo đảm \$2000 mới để cho
ông ấy được biểu diễn. Sau khi thỏa thuận xong, hai
người sinh viên ấy bắt tay ngay vào công việc chuẩn
bị để cho buổi trình diễn được thành công.

Ngày trọng đại ấy cuối cùng đã đến. Nhạc sĩ
dương cầm Paderewski đã trình diễn tại Stanford.
Thế nhưng không may là vé vẫn chưa được bán hết.
Sau khi tổng kết, họ chỉ có được \$1600. Quá thất
vọng, họ đến chỗ của Paderewski để trình bày hoàn
cảnh của mình. Hai người sinh viên ấy đưa Paderew-
ski toàn bộ số tiền bán vé, cùng với 1 check nợ
\$400, và hứa sẽ trả số nợ ấy sớm nhất có thể.

"KHÔNG," Paderewski nói. "Cái này không thể
nào chấp nhận được." Ông ta xé tờ check, trả lại
\$1,600 cho hai chàng thanh niên và nói: "Đây là
1600 đô, sau khi trừ hết tất cả các chi phí cho buổi
biểu diễn thì còn bao nhiêu các cậu cứ giữ lấy cho
việc học. Còn dư bao nhiêu thì hãy đưa cho tôi." Hai
cậu sinh viên ấy vô cùng bất ngờ, xúc động cảm ơn
Paderewski..

Thưa Anh Chị Em,

Đây tuy là một chuyện nhỏ nhưng nó chứng
minh được nhân cách vĩ đại của Paderewski.

Thật vậy, tại sao ông ấy có thể giúp hai người
mà ông ấy không hề quen biết. Ai trong chúng ta
cũng có thể đã gặp những tình huống như vậy trong
cuộc sống. Nhưng hầu hết chúng ta đều nghĩ: "Nếu
chúng ta giúp họ, chúng ta sẽ được gì?" Còn những
người "vĩ đại" (bồ tát) họ lại nghĩ khác: "Giả sử
chúng ta không giúp họ, điều gì sẽ xảy ra với những
con người đang gặp khó khăn ấy?" Bồ tát không
mong đợi sự đền đáp, Họ làm chỉ vì họ nghĩ đó là
việc nên làm, vậy thôi. Đó không phải là bố thí ba la
mật sao? "Cho" mà không thấy mình cho, không
thấy người nhận cũng không thấy vật gì đem cho?

Người nghệ sĩ dương cầm tốt bụng Paderewski

ấy, sau này trở thành Thủ Tướng của Ba Lan. Ông ta
là một vị lãnh đạo tài năng. Nhưng không may chiến
tranh thế giới nổ ra, và đất nước của ông bị tàn phá
nặng nề. Có hơn một triệu rưỡi người Ba Lan đang bị
chết đói, và chính phủ của ông không còn tiền để có
thể nuôi sống dân chúng được nữa. Trong lúc khẩn
cấp Paderewski bèn tìm đến Cơ Quan Cứu Trợ
Lương Thực Hoa Kỳ để nhờ sự trợ giúp.

Người đứng đầu cơ quan đó chính là Herbert
Hoover—sau này trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ. Ông
Hoover đồng ý giúp đỡ và nhanh chóng gửi hàng tấn
lương thực để cứu giúp những người Ba Lan đang bị
nguy cơ chết đói ấy. Nhờ vậy, thảm họa cuối cùng
cũng đã được ngăn chặn. Thủ Tướng Paderewski bèn
quyết định đi sang Mỹ để cảm ơn ông Hoover vì cử
chỉ cao quý của ông ấy đã cứu người dân Ba Lan
khỏi chết đói. Thế nhưng khi Paderewski chuẩn bị nói
câu cảm ơn thì ông Hoover vội cắt ngang và nói:
*"Ngài không cần phải cảm ơn tôi đâu, thưa ngài Thủ
Tướng. Có lẽ ngài không còn nhớ, nhưng vài năm
trước, ngài có giúp đỡ hai sinh viên trẻ người Mỹ
được tiếp tục đi học, và tôi là một trong hai người
sinh viên đó."*

Thưa Anh Chị Em,

Nhân quả là một định luật tự nhiên nhưng thật
là mầu nhiệm.

Thân kính chúc ACE tận hưởng những đêm
trăng trong gió mát của mùa Thu đang đến quanh
ta.

Trân trọng,
BBT



Paderewski



KINH TRONG LÒNG TA

(**Phật Pháp Thứ Năm** — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Huynh trưởng bốn phương,
Tháng 9 lại về, nhắc nhớ chúng ta nhiều kỷ niệm...

Chúng ta hẳn không quên câu chuyện thời sự đã một thời nóng bỏng ở Hoa Kỳ và lan khắp thế giới trong mấy tuần liền, đó là chuyện nhóm Hồi giáo muốn xây một đền thờ Hồi Giáo ở gần vùng bình địa (ground zero) nơi mà hai toà nhà cao nhất nước Mỹ đã bị khủng bố phá hủy ngày 11 tháng 9 năm 2001—gây ra tang thương chết chóc cho bao nhiêu gia đình, mà người công dân Mỹ khó quên được—và có lẽ bất bình trước chuyện này, một vị Mục sư của một Hội thánh Tin Lành ở Florida tuyên bố sẽ đốt kinh Koran (Quran) trong ngày 9/11/2010!

Cả hai sự việc đều ngoài vòng kiểm soát của chính phủ Mỹ, cả Tổng thống Obama cũng không có khả năng khuyên can 2 bên “dẫn cơn bất bình.” Rồi cả thế giới cũng khuyên ông Mục sư hãy ngưng và ở Afganistan cũng đã có 11 người thể hy sinh bảo vệ kinh Koran không cho ai được phép đốt! Chắc ông Mục sư cũng đòi điều kiện trao đổi là không được xây nhà thờ Hồi giáo ở vùng ground zero! — Thế gian lắm chuyện tranh chấp, hơn thua ... gần như không ngày nào là không có chuyện; hơn thế nữa, có rất nhiều người thích xem biến động như vậy cho vui!

Thưa Anh Chị Em,
Chúng ta không dám nói ai phải ai trái, càng không dám phê bình khen chê thái độ của những người Hồi giáo cũng như của ông Mục sư Tin Lành... vì mỗi người có cách tư duy theo truyền thống tôn giáo của họ, mỗi người có hành động tùy theo trình độ tâm thức riêng mà chúng ta khác tôn giáo, khác tầng tâm thức với họ, không hiểu được, nên không phê phán mà chỉ nói lên suy nghĩ của mình, đặt trường hợp nếu mình lâm vào tình trạng đó, mình sẽ suy nghĩ như thế nào, hành động làm sao, nghĩa là coi như đây là vấn đề mình dùng để quán chiếu, suy gẫm.

Trước hết, nếu chúng ta bị ai đó thù hằn, ghét bỏ mà đem Kinh Pháp Hoa hay Hoa Nghiêm ra đốt chúng ta có phản ứng bằng cách giết hại người đó không? – Xin thưa nhất định là không vì sát sanh là giới thứ nhất của người Phật Tử (chính vì vậy, người Phật tử không bao giờ là thành phần khủng bố nhận lệnh đi giết hại ai trong bất cứ tình huống nào); ngoài ra, đối với Kinh sách, hình tượng, v.v... chúng ta không phải đã nghe Kinh Kim Cang dạy rồi sao?

**Phàm sở hữu tướng
Giai thị hư vọng**
(Tất cả các pháp hữu hình đều là hư dối)

hay:
**Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào
ảnh**

**Như lộ diệt như điện
Ứng tác như thị quán**
(Tất cả các pháp hữu vi Như mộng huyễn, như bọt nước

Như sương, như điện chớp
Nên quán chiếu như vậy)
Chúng ta là Phật tử, tất nhiên chúng ta quý Kinh của mình—vì đó là những lời dạy của chư Phật và Bồ tát, chư Tổ v.v... Chúng ta quý lạy trước những tượng Phật, tượng bồ tát v.v... nhưng chúng ta không nghĩ rằng

tất cả mọi người đều phải quý lạy, cung kính đấng giáo chủ của chúng ta... Bằng chứng là đã có một thời kỳ người Hồi giáo rồi Ấn Độ giáo, khi cai trị đất nước Ấn Độ, đã đập phá chùa chiền, thánh tích của Phật Giáo v.v... và mới đây cũng có những người đập phá tượng Phật... nhưng tín đồ Phật giáo đâu có đòi chém đòi giết những người vô ý thức đó đâu? và Phật giáo cũng không vì vậy mà suy tàn! Đời sau lại có vua A Dục xây dựng lại những thánh tích đó, còn xây dựng những trụ đá ghi lại những bài Kinh, lời dạy của đức Phật nữa. Do vậy, Kinh ở trong lòng mình, không ai có thể đụng tới, không ai có thể đốt được! Chừng nào đức Tin của người Phật tử còn thì cho dù Tần Thủy Hoàng tái thế đem đốt hết Kinh Phật đi nữa, Kinh cũng không bao giờ mất. Chỉ khi nào Tăng đoàn bị hủy hoại, Phật tử mất niềm tin vào Chánh Pháp thì lúc đó dù không ai đốt Kinh, Kinh cũng trở thành vô dụng vì không được 4 Chúng đệ tử Phật đem ra thực hành.

Thân kính chúc Anh Chị Em một tuần vui, tinh tấn trong tu học và hỷ xả trong giao tiếp để có được những giây phút an lạc và thanh thoi.

Trân trọng,
NAL





HÃY LÀM CON PHẬT, ĐỪNG LÀM CON MA

Thưa Anh Chị Em Áo Lam bốn phương,

Mặc dù kho tàng kinh điển Phật giáo rất đồ sộ, các vị học giả nghiên cứu Phật học đều nói rằng “Phật pháp cao siêu mầu nhiệm” nhưng khi đức Phật còn tại thế, hằng ngày sống trong Tăng đoàn, ngài không quên uốn nắn cho đệ tử của mình những cử chỉ nhỏ nhặt, tầm thường, sao cho những hành động của thân, miệng, ý được thanh tịnh, trang nghiêm. Thật vậy, xin kể ACE nghe câu chuyện “**Sáu vị tỳ kheo mang quốc**” để chúng ta thấy rõ sự quan trọng của việc giữ gìn chánh niệm trong giáo dục Phật giáo.

Lúc ấy đức Phật đang ở Tinh xá Trúc Lâm gần thành Vương Xá, trong Tăng đoàn có 6 vị tỳ kheo thường mang quốc đi qua lại trên sân chùa làm bằng đá, làm kinh động những vị tỳ kheo khác đang ngồi thiền. Tiếng quốc vang đến chỗ của đức Phật, khiến ngài phải gọi tôn giả A nan vào để hỏi xem cho biết tiếng động gì mà vang lên mãi như thế. Khi biết được đó là do 6 vị tỳ kheo mang quốc đi lại trong sân đức Phật bèn chỉ thị cho đại chúng, cấm tỳ kheo mang quốc. Ngài còn dạy thêm rằng, tỳ kheo phải biết giữ gìn ba nghiệp cho thật trong sạch: **giữ thân chẳng hành động sai quấy, giữ miệng chẳng nói lời cộc cằn, giữ tâm ý chẳng nghĩ những điều đen tối.** Rồi đức Phật nói lên các bài Kệ sau đây:

**Đừng hờn giận, giữ thân mình
Chớ vì cau có, thân sanh làm xằng
Hành vi xấu, thân hằng dứt bỏ
Cử chỉ lành, thân cố giữ gìn**
(Kinh Pháp Cú - kệ số 231)

**Đừng hờn giận, giữ miệng mình,
Chớ vì cau có miệng sanh cộc cằn
Lời thô ác miệng hằng dứt bỏ
Tiếng dụ hiền miệng cố giữ gìn**
(KPC - kệ số 232)

**Đừng hờn giận, giữ ý mình
Chớ vì cau có ý sanh dữ dẫn
Tà kiến ác, ý hằng dứt bỏ
Chánh tư duy ý cố giữ gìn**
(KPC - kệ số 233)

**Bậc hiền trí chế phục thân
Giữ gìn cửa miệng, giữ an tâm mình
Giữ ba nghiệp : thân miệng ý
Thanh tịnh hoàn toàn: điều phục xong**
(KPC - kệ số 234)

Đó là những bài Việt dịch của cư sĩ Thiện Nhựt, sau đây là những bài dịch của thi sĩ Phạm Thiên Thư – thi hoá tư tưởng Pháp Cú thành “Suối Nguồn Vì Diệu”:

**Giữ thân sạch phiền não
Như tia lá ươm hoa
Hương thơm thoảng gió mát
Dâng khắp cõi trần sa** (231)

**Giữ lời sạch tham giận
Nói lời cho chánh chân**

**Lìa xa thói thô ác
Nói theo gương hiền nhân** (232)

**Gìn ý khỏi nóng giận
Điều phục ý tinh thuần
Thoát lìa mê vọng nghiệp
Thoắt ngộ lời chính chân** (233)

**Bậc trí huệ điều ngự
Thân, Khẩu, Ý trọn lành
Ba nguồn công đức nghiệp
Cứu độ khắp quần sanh.** (234)

Thưa Anh Chị Em thân kính,

Chỉ mới có 6 vị tỳ kheo đi quốc làm trở ngại việc ngồi thiền mà đức Phật đã nói lên đến 4 bài kệ để cảnh giác; nếu đức Thế Tôn còn tại thế hôm nay, không biết ngài phải nói bao nhiêu lời giáo huấn cho đàn hậu duệ “sư tử trùng” quá ngang bướng của ngài! Họ đánh phá người tốt để câu nói của ngài đã ứng hiện “chỉ có sư tử trùng mới ăn thịt được sư tử.”

Chúng ta còn nhớ rõ lời của ma Ba Tuần “tiên tri” với đức Phật, Ma Ba Tuần nói: “Bây giờ ngài đạo cao đức trọng, tôi không thể quấy phá ngài được nhưng sau này khi con cháu của ngài đã thoái hoá, đạo của Ngài sẽ suy tàn, vì tôi sẽ cho con cháu của tôi hiện thân làm Tăng, Ni, Phật tử... để phá Đạo của ngài.”

Thật vậy, nếu người Phật tử không tự cảnh giác mình, không giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh, không sợ nhân quả báo ứng, ăn nói bậy bạ, hỗn hào vô phép, hùa theo người ngoài, không biết gì cả mà cứ viết loạn xạ, nói vung vút... thậm chí dám vu oan giá họa cho quý Thầy quý Ông của mình những điều động trời, không thể tưởng tượng được, v.v... thì những người ấy sẽ trở thành con cháu của ma Ba Tuần đó, không còn xứng đáng mang danh Phật Tử nữa. Không chỉ đối với những bậc tôn túc chúng ta phải giữ lễ độ mà cả đối với Huynh trưởng lớn hơn hay cùng trang lứa, hay thậm chí trẻ hơn mình, chúng ta cũng phải sử dụng ngôn từ thích hợp, lịch sự, ngay cả khi có điều bất mãn trong lòng. Các em của chúng ta tuy nhỏ nhưng lời ăn tiếng nói của Anh Chị Trưởng cũng rất ảnh hưởng đến các em và các em có thể đánh giá chúng ta qua cử chỉ, lời nói... Đó là những “vị thanh tra” khó bảnh nhất chúng ta không nên coi thường “con nít” chứ đừng nói là trong hàng Huynh trưởng với nhau.

Mỗi người đều có Phật tánh, mỗi ACE chúng ta đều có ngọn đuốc trong lòng... Hãy cẩn trọng thắp đuốc lên mà đi, đừng nghe “ma quỷ” xúi giục đi trên đường xấu, làm những điều xằng bậy, tổn hại phước báo của mình, gây thù chuốc oán với tha nhân, để một ngày kia hối hận, muốn quay lại cũng không kịp nữa rồi!!

Trân trọng,
BBT

ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ SỨC KHỎE, BỆNH TẬT, VÀ TRỊ LIỆU

PINIT RATANAKUL, Ph. D.

Huỳnh Kim Quang dịch

(Lời giới thiệu: Bài viết này là của Tiệp Sĩ Pinit Ratanakul. Ông tốt nghiệp Cao Học tại Đại Học Chulalongkorn, Thái Lan và lấy bằng Tiến Sĩ tại Đại Học Yale, Tiểu Bang, Connecticut, Hoa Kỳ. Ông là giáo sư triết và là giám đốc Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo tại Đại Học Mahidol, Thái Lan. Ông là tác giả của cuốn sách "Bioethics: An Introduction to the Ethics of Medicine and Life Science," và là đồng chủ bút của tạp chí A Cross-Cultural Dialogue on Health Care Ethics. Ông đã viết nhiều về vấn đề đạo đức y học theo quan điểm của Phật Giáo Nguyên Thủy. Ông cũng là học giả Phật Giáo có công khởi động việc nghiên cứu về đạo đức y học tại Thái Lan và Đông Nam Á từ 30 năm trước. Hiện nay ông đang thúc đẩy việc nghiên cứu trong lãnh vực tương quan/đối thoại giữa Phật Giáo và Khoa Học. Sau đây là bản dịch Việt từ bài viết "Health, Disease, and Healing: The Buddhist Contribution," của Tiệp Sĩ Pinit Ratanakul, được đăng trong tạp chí Dharma World số tháng 10 và 12 năm 2008.)



Sức khỏe và bệnh tật là những kinh nghiệm thông thường của đời người, và vì vậy cũng là điều được tôn giáo quan tâm đặc biệt. Tôn giáo, trong mọi xã hội, mọi giai đoạn lịch sử, gìn giữ giá trị của cuộc sống khỏe mạnh như là điều cần thiết cho đời sống ý nghĩa và cung cấp những hậu thuẫn với các phương thức và phương tiện để thắng tiến sức khỏe và làm cho con người có thể ứng phó được với bệnh tật, đau đớn và khổ não khó tránh được.

Điều rõ ràng là khi có sức khỏe và cuộc sống lành mạnh thì không có nghĩa là chỉ có chừng ấy hay sẽ không có đau khổ, bệnh tật, bất toàn, khuyết điểm, và cái chết nhưng cũng còn có một ý nghĩa tích cực hơn. Ngày nay, có nhiều tranh luận về ý nghĩa tích cực là gì và những áp dụng của nó là gì trong vấn đề sống chết trong vai trò và chức năng của các chuyên gia chăm sóc sức khỏe phục vụ như là những người thắng tiến sức khỏe để điều trị bệnh tật. Những vấn đề đó liên quan tới các cuộc thảo luận từ các bộ môn y khoa, tâm lý, xã hội, nhân chủng, triết học, và tôn giáo. Mỗi bộ môn có sự chiếu rọi làm sáng tỏ những vấn nạn về sức khỏe và tiến trình điều trị bệnh tật của con người. Tôn giáo cung cấp những khung sườn niềm tin và các bức tranh thực tại của

sức khỏe phô diễn, và cho thấy cách nó nên được hiểu biết như thế nào và loại động thái nào làm thăng tiến nó.

Đức Phật được biết như là Vị Lương Y Có Một Không Hai bởi vì sự quan tâm sâu sắc của ngài đối với sức khỏe tinh thần, sự giác ngộ của ngài về căn nguyên của bệnh tật, và chánh pháp mà ngài dạy để chữa trị, giống như lương dược để phòng hộ, ngăn ngừa, và phục hồi. Bài viết này đề bàn về sự đóng góp của Phật Giáo đối với quan điểm về sức khỏe, bệnh tật, và trị liệu và nó tạo ra sự thay đổi khi chúng ta trực diện với các vấn đề gây dựng sức khỏe ra sao và làm sao để có được việc trị liệu chính xác. Bài viết này chỉ giới hạn trong giáo lý và sự thực hành thông thường của Phật Giáo Nguyên Thủy tại nhiều quốc gia ở Đông Nam Á, như Thái Lan, Tích Lan, và Miến Điện.

Thế Giới Quan Phật Giáo, Duyên Khởi, và Nghiệp

Thế giới quan Phật Giáo là mối quan hệ hữu cơ và dựa trên sự liễu giải về mối tương quan tương duyên chẳng chịt của tất cả các pháp và sự quan hệ nhân quả hỗ tương. Sự liễu giải này được hình thành bởi nguyên lý duyên khởi, cũng được biết như là luật tắc duyên sinh, mối quan hệ tự nhiên điều hành tất cả pháp—vật lý, tâm lý, và đạo đức. Theo thế giới tự nhiên, và cả vũ trụ, hay xã hội loài người, hay trong mỗi chúng sinh, không có gì hiện hữu như là một đơn vị tách biệt mà chỉ như là một phần tương quan tương duyên của toàn thể. Thế giới quan Phật Giáo cũng bao hàm sự liễu giải về nghiệp, nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa tác nhân và hệ quả. Mối quan hệ được hiểu trong thuật ngữ sự tương quan tương duyên từ giai đoạn đầu đến giai đoạn cuối của một tiến trình. Điều này ngụ ý rằng nghiệp của Phật Giáo không phải là thuyết tiền định hay định mệnh, như nó thường được hiểu sai lầm như thế. Nếu [nghiệp] được chấp nhận như là quan điểm về tiền định, thì sẽ không có khả năng để có thể giải thoát tận gốc đau khổ. Một người luôn luôn là xấu, vì nghiệp lực của họ là xấu. Nghiệp chỉ nhấn mạnh đến tính tương quan tương duyên giữa nhân và quả và không thống trị bằng bàn tay sắt. Nghiệp quả có thể được giảm thiểu không chỉ trong một đời mà còn nhiều đời, vì vậy, theo Phật Giáo, cuộc sống không chỉ giới hạn ở sự hiện hữu của một cá nhân, một đời người.

Đời sống hiện tại chỉ là một phần của vòng luân hồi nối dài khắp không gian và thời gian. Một sự hiện hữu là tương quan tương duyên bởi những hiện hữu khác trước đó và đến lượt nó làm mối tương quan tương duyên cho một hay nhiều hiện hữu khác tồn tại. Hiện hữu như thế là cùng lúc vừa là quả vừa là nhân cho chính nó và những các khác.

Sự trôi buột trong vòng sinh tử này là kết quả của hành động tạo tác [nghiệp], tốt hay xấu, của chính nó. Người ta gặt hái những gì họ đã gieo trồng trong quá khứ. Mỗi tương quan tương duyên bởi hành động tạo tác, hình thái hiện hữu hiện tại có thể được thay đổi hay giải thoát cũng bằng hành động tạo tác. Điều này có thể bởi vì hiện tại không gì ngoài hệ quả của quá khứ. Đó là nhân và quả đồng thời hỗ tương.

Là kết quả, chúng ta được sinh ra bởi những nhân duyên hình thành sự tương tục mang tính xã hội và sinh học của chính các đời sống trong quá khứ và đó là những hành nghiệp quá khứ của chúng ta. Những gì chúng ta có hiện tại là kết quả mà chúng ta đã tạo ra trước đây. Nhưng, là nhân, chúng ta là chủ thể tuyệt đối của số phận của mình. Hiện tại là vật liệu xây dựng của tương lai. Những gì chúng ta sẽ là tùy thuộc vào điều chúng ta đang là và làm với chính chọn lựa của mình.

Duyên Khởi, Sức Khỏe, và Nghiệp

Trong thế giới quan này, sức khỏe và bệnh tật bao hàm toàn bộ tình trạng của con người và tương quan tương duyên với nhiều yếu tố không liên quan tới y tế, như môi trường kinh tế, giáo dục, xã hội, và văn hóa, và đạo đức hay luân lý. Tất cả những duyên tố này cần được nghiêm túc tính vào trong sự hiểu biết về sức khỏe và bệnh tật. Do đó, sức khỏe được hiểu trong tổng thể của nó. Đây là biểu thị của sự cân đối—trong chính con người, trong mối quan hệ xã hội của họ, và trong tương quan với môi trường thiên nhiên. Quan tâm đến sức khỏe con người có nghĩa là quan tâm đến tổng thể con người: những khía cạnh vật lý, tâm lý, và tinh thần của họ; những mối quan hệ xã hội, gia đình, và cộng đồng; cũng như môi trường mà con người sống và hoạt động.

Do vậy, khuynh hướng hiểu biết về sức khỏe chỉ trong mối tương quan với những bộ phận cá biệt nào đó của cơ thể con người, như những nhược điểm, là không được chấp nhận đối với Phật Giáo. Trong quan điểm tương duyên của Phật Giáo, bệnh tật là biểu thị của sự mất cân đối trong cuộc sống như là tổng thể của chúng ta. Qua những triệu chứng vật lý, bệnh tật làm cho chúng ta lưu ý đến sự mất cân đối này. Vì thế, việc trị liệu trong Phật Giáo không chỉ là sự điều trị những triệu chứng có thể đo lường, mà còn là biểu thị những nỗ lực kết hợp của tâm và thân để vượt qua bệnh tật nhiều hơn là sự chiến đấu giữa thuốc men và bệnh tật. Mục tiêu đích thực là người bệnh có thể mang lại sự cân đối trong chính họ và trong những mối tương quan tương duyên với những người khác và với môi trường tự nhiên. Trong ý nghĩa này, trị liệu không chấm dứt ở đó, mà nó còn có nghĩa là qua sự trợ giúp của thuốc men để cung ứng giá trị sức khỏe con người và cuộc sống tốt đẹp.

Sự giải quyết của Phật Giáo đối với vấn đề sức khỏe và bệnh tật cũng bao hàm nghiệp như là yếu tố đóng góp quan trọng. Trong quan điểm Phật Giáo, sức khỏe lành mạnh là kết quả tương quan tương duyên với nghiệp thiện trong quá khứ và ngược lại. Điều này nhấn mạnh rằng có mối liên hệ giữa đạo đức và sức khỏe. Sức khỏe tùy thuộc vào

lối sống của chúng ta, có nghĩa là, cách mà chúng ta suy nghĩ, cảm nhận, và sống. Bệnh tật là hệ quả của lối sống không lành mạnh, chẳng hạn, như một người truy lạc sắc dục. Yếu tố đạo đức này của quan điểm Phật Giáo về sức khỏe đóng vai trò quan trọng đối với những hoạt động tinh thần và thực hành tôn giáo trong việc thăng tiến sức khỏe và trị liệu.

Có lẽ chúng ta sẽ hiểu vai trò của nghiệp trong sức khỏe và bệnh tật khi chúng ta chiêm nghiệm những trường hợp sau đây. Thí dụ, có những trường hợp mà trong đó, dù việc trị liệu đã được cung ứng thành công, bệnh nhân cũng đã chết, và những trường hợp khác mà trong đó, bất kể việc điều trị không hiệu quả, bệnh nhân vẫn sống. Cũng có các trường hợp hồi phục một cách đặc biệt và không ngờ khi y được hiện đại đã không còn chút hy vọng nào thuyên giảm. Những trường hợp như thế làm gia tăng niềm tin rằng ngoài nguyên nhân vật lý của bệnh tật, đau yếu cũng có thể là kết quả của nghiệp xấu trong những đời trước. Một chứng bệnh do nghiệp tạo ra không thể được chữa trị lành cho đến khi kết quả của nghiệp đó đã chấm dứt. Nhưng nghiệp của mọi người là cái gì bí ẩn đối với chính họ và đối với những người khác. Do vậy, không một người bình thường nào có thể biết chắc bệnh nào gây ra do nghiệp. Bởi lẽ đó, con người phải thận trọng trong việc đổ tội cho nghiệp, đặc biệt đối với bệnh tật, bởi vì nó có thể dẫn tới thái độ cổ chấp không tìm kiếm bất cứ sự chữa trị nào cả hay từ bỏ việc trị liệu. Phật Giáo khuyên chúng ta nhắm đến những mục đích thực tiễn rằng chúng ta phải quan tâm đến tất cả bệnh tật dù chúng được gây ra bởi chỉ những nguyên nhân vật lý. Sở dĩ chúng ta phải làm điều đó là bởi vì cho dù bệnh tật có được tạo ra bởi nghiệp dĩ chẳng nữa thì cũng nên được điều trị.

Vì không một pháp nào thường hằng và vì mối liên hệ nhân quả giữa hành động và hệ quả của nó là duyên sinh chứ không phải tiền định, bệnh tật có thể được chữa trị cho đến bao lâu mà cuộc sống còn tiếp tục. Nói cách khác, chúng ta không thể nói chắc tới lúc nào thì kết quả của nghiệp ác sẽ được chấm dứt. Do vậy, chúng ta cần thực hiện bất cứ phương tiện nào có thể để chữa bệnh. Việc điều trị như thế, dù nó không đưa tới lành bệnh, vẫn hữu ích bởi vì những điều kiện vật lý và tâm lý thích đáng là cần để chuyển hóa nghiệp quả.

Sự hiện hữu của yếu tố nghiệp dĩ đối với một số bệnh thông qua nghiệp quá khứ và điều kiện vật lý để tạo ra bệnh sẽ cung cấp cơ hội cho bệnh tật phát sinh. Nhưng có một số trị liệu sẽ ngăn chặn kết quả của ác nghiệp bộc phát ra hoàn toàn. Loại trị liệu này không xen vào công việc của nghiệp cá nhân mà giảm bớt sự trầm trọng. Phật Giáo khuyên một người mang bệnh trầm kha hãy kiên nhẫn với việc chữa trị và thực hiện nhiều việc thiện để giảm bớt nghiệp quả quá khứ. Với nỗ lực cá nhân thì ít nhất cũng duy trì hay phục hồi được thiện nghiệp, mà sẽ mang lại những thiện quả.

Tầm quan trọng của nghiệp trong mối tương quan tương duyên với sức khỏe và bệnh tật không dẫn tới thuyết định mệnh hay chủ nghĩa bi quan. Luật tắc của nghiệp không cai trị với bàn tay sắt hay mang đến tai họa. Luật này chỉ nhấn mạnh để mối quan hệ giữa nhân và quả. Nó không dẫn đến quyết



đoán cục bộ. Tin vào nghiệp là gánh lấy trách nhiệm cá nhân đối với sức khỏe. Sức khỏe không ai cho mình. Nó phải được đạt tới bằng chính nỗ lực của con người, và con người không nên trách móc người khác vì sự đau khổ mà mình phải gánh chịu bởi vì bệnh tật. Ngược lại, người bệnh nên suy nghĩ rằng bệnh hoạn không phải là lỗi lầm của cuộc sống hiện tại mà là di sản của quá khứ lâu xa còn sót lại và qua chính động thái và nỗ lực của chúng ta hướng tới bệnh tật thì nghiệp quả thiện có thể khởi sinh. Tin vào nghiệp cũng có thể giúp chúng ta ứng phó được những khía cạnh khổ đau của cuộc đời, chẳng hạn, khổ đau từ bệnh trầm kha như bệnh bạch cầu hay hình thức hiểm ác hơn của bệnh ung thư với sự trầm tĩnh, không vùng vẫy vô vọng, không có trạng thái tinh thần tiêu cực và trầm cảm. Sự chấp nhận như thế cũng sẽ giúp chúng ta vượt qua tuyệt vọng, chịu đựng điều kiện cho tới những ngày cuối cùng, và chết một cách bình an.

Chúng ta có thể kết luận rằng vai trò quan trọng của nghiệp nhân đối với sức khỏe và bệnh tật cho thấy trách nhiệm cá nhân đối với sức khỏe và bệnh hoạn, vì nghiệp (hành động và kết quả) được tạo ra bởi những chọn lựa mà chúng ta làm trong đời trước. Sức khỏe có được là nhờ những nỗ lực liên tục của cá nhân trong đời này. Nghiệp tốt (như tập thể dục đều đặn, dinh dưỡng đúng, v.v...) đưa tới sức khỏe tốt, trái lại, nghiệp xấu (như tập quán xấu, hành hạ thể xác và tinh thần) trong đời này và đời trước đem lại bệnh tật. Ý nghĩa trách nhiệm cá nhân này rất cần thiết cho việc chăm sóc sức khỏe. Hiện nay, với sự phát minh của “những thứ thuốc thần kỳ” và sự phát triển các kỹ thuật tân tiến, nhiều người có khuynh hướng ảo tưởng rằng tất cả đau đớn và đau khổ trong đời sống có thể được loại bỏ và tất cả khổ đau đều xấu, dù là vật lý, tinh thần, cảm xúc, đạo đức, hay tâm linh. Và qua việc đổ tội cho những thể lực ngoại tại, con người đi tìm những phương tiện bên ngoài (như thuốc uống, thuốc chích, các cách trị liệu, v.v...) để giảm bớt khổ đau thay vì tự trách nhiệm chính họ và đời sống của họ và tìm cách thay đổi điều gì đó trong chính họ đã đưa tới kết quả bệnh tật. Ngược lại, quan điểm về nghiệp của Phật Giáo đối với sức khỏe và bệnh tật nhận thức thực tại của bệnh tật do chính mình gây ra mà có thể do chính lối sống và tập quán của chính con người và khuyến khích con người tìm nguyên nhân bệnh tật, đau đớn, và khổ não trong chính con người, đó là, trong mối tương quan tương duyên với lối sống, quyết định, thái độ, và những mối quan hệ của chính con người mà phải được thay đổi. Nó cũng nhận thức vai trò tích cực của bệnh tật và khổ đau trong việc làm tinh thần chúng ta tinh tế hơn và tăng cường phẩm tính đạo đức, can đảm, tự giác, và cảm thông người khác.

Tuy nhiên, sự nhấn mạnh của Phật Giáo đối với nghiệp hay trách nhiệm cá nhân đối với sức khỏe không có nghĩa là Phật Giáo trút tất cả bệnh tật cho trách nhiệm cá nhân. Trong quan điểm của Phật Giáo, nghiệp có cả phạm vi cá nhân và xã hội. Yếu tố thứ hai này là điều mà có thể được định nghĩa là nghiệp xã hội, mà trong đó việc chăm sóc sức khỏe, quy cho các yếu tố môi trường có thể làm trầm trọng thêm hay làm giảm bớt nghiệp cá nhân. Những yếu tố này, như yếu tố kinh tế xã hội—chẳng hạn, các điều kiện làm việc không khỏe mạnh/nguy hiểm và khỏe mạnh/an toàn—có thể đóng vai trò như là môi trường làm hại/hậu thuẫn đối với bệnh tật/sức khỏe của cá nhân. Và xã hội có thể buộc các công ty và cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm nếu



họ không giữ gìn môi trường sức khỏe cho công nhân của họ hay đưa ra những luật lệ an toàn. Quan điểm nghiệp xã hội này cũng ngụ ý rằng trách nhiệm một phần của chính quyền cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đầy đủ cho tất cả công dân của họ trong mục tiêu đối với các nhu cầu cần thiết cho sức khỏe và những điều kiện y tế.

Cơ Thể và Sức Khỏe Thể Chất

Trong quan điểm của Phật Giáo, cơ thể của mỗi người chúng ta, cả hình dạng và cấu trúc, là kết quả của nghiệp quả khứ của chúng ta. Cơ thể con người vừa là phương tiện để chúng ta tiếp xúc với thế giới, vừa là sự biểu lộ vật lý của tâm thức chúng ta. Với một phương tiện quan trọng như thế, cơ thể phải được chăm sóc đúng đắn – nghĩa là, con người không được hành hạ nó bằng thực phẩm, rượu, thuốc, hay đè nặng nó với sự truy lạc quá đáng và sự mất mát. Ngay dù giác ngộ, mục đích cao nhất của Phật Giáo, cũng không thể đạt được bằng sự hành xác, như đã được chứng kiến trong kinh nghiệm cá nhân của Đức Phật. Điều này là bởi vì sự tương quan, tương duyên, tương tức, tương nhập của tâm và thân. Trí tuệ sáng suốt chỉ có thể thành đạt khi thân thể khỏe mạnh và mọi chức năng của cơ phận trong người đều đầy đủ.

Theo Phật Giáo, bất cứ đời sống nào mà chỉ biết mưu cầu lợi ích cho chính mình là đời sống không giá trị. Do đó, Phật Giáo khuyến khích chúng ta dùng thân thể này cho những mục đích cao cả hơn, đặc biệt cho việc thành đạt mục đích tối thượng niết bàn, giải thoát khỏi vòng sanh tử vô tận. Việc thực tập liên tục nền đạo đức và thiền định sẽ giúp chúng ta tự chế với ham muốn, cảm giác, và vị kỷ.

Sức khỏe thể lực được Phật Giáo xem như là được tạo thành bởi chức năng bình thường của thân thể và các cơ phận tương quan tương duyên của nó. Khi một cơ phận không làm tròn chức năng, thì sự suy nhược và bệnh tật phát sinh. Chức năng bình thường của các cơ phận trong thân thể là kết quả của sự hài hòa và thăng bằng của tứ đại (4 yếu tố) trong thân thể: đất, nước, gió, và lửa. Nếu sự quân bình bị đánh mất, chức năng bình thường bị đổ vỡ và tình trạng bệnh tật xuất hiện.

Việc chữa trị là phục hồi lại sự quân bình này, đó là, làm cho toàn bộ cơ thể khỏe mạnh, mà không chỉ có một bộ phận đau khổ vì bệnh, trong điều kiện tốt. Vì mỗi bộ phận của cơ thể con người liên kết với những bộ phận khác, cho nên để có sức khỏe thì cả cơ thể phải ở trong điều kiện tốt. Trong quan điểm thực tế rằng cơ thể, giống như tất cả mọi hiện tượng, luôn luôn trong tình trạng thay đổi, sa sút, suy sụp, thì sức khỏe thể chất không thể kéo dài lâu. Không thể có một cơ thể khỏe mạnh hoàn toàn và không bệnh tật cả đời. Đời sống con người không thể tránh được bệnh tật ở mọi giai đoạn. Bệnh



nhắc nhở sự mỏng manh của con người. Điều này cho thấy rằng sức khỏe hoàn hảo là tình trạng hoàn toàn không thể đạt được. Do vậy, con người hoàn hảo hay sống khỏe không có nghĩa là không có tất cả đau đớn và khổ sở trong đời sống mà phải biết cách ứng phó với đau đớn và khổ sở và biết khám phá cách dùng nó và vượt qua nó vì mục đích phát triển cá nhân và thông cảm những người khác.

Tâm và Sức Khỏe Tinh Thần

Sức khỏe thể chất là quan trọng bởi vì Phật Giáo xem nó như phương tiện để giác ngộ. Phật Giáo không muốn con người phải sống lâu dài trong sức khỏe yếu kém, bởi vì như vậy họ sẽ không thể cống hiến cuộc đời cho những mục đích cao cả. Dù Phật Giáo xem tâm và thân hiện hữu trong tương duyên tương tức, giáo lý Phật Giáo dạy để ý đặc biệt đến tâm và sức mạnh của nó. Điều này được dạy trong bài kệ đầu tiên của Kinh Pháp Cú rằng những gì chúng ta có là kết quả của tâm thức chúng ta. Nguồn của đời sống chúng ta và do đó hạnh phúc hay khổ đau của chúng ta nằm trong ta – trong sức mạnh của chúng ta. Không ai có thể hại mình ngoài chính mình. Đó là loại tư tưởng mà chúng ta nuôi dưỡng để cải thiện hay làm suy yếu cuộc sống tốt đẹp về thể chất và nó cũng làm cho chúng ta thăng hoa hay thoái hóa. Đây là lý do tại sao Phật Giáo chỉ rõ tâm như là nguyên nhân của hành động thân và miệng với các nghiệp quả, xem sức khỏe tinh thần là quan trọng nhất, và nhấn mạnh đến sự rèn luyện tâm để đạt giai đoạn cao nhất của sức khỏe như là quan tâm nền tảng. Mỗi ưu tư đến sức khỏe tinh thần này cũng được coi là thiên hướng thực sự của những tu sĩ Phật Giáo. Sự rèn luyện dựa vào niềm tin rằng cả thân và tâm đều nghiêng về sự bệnh tật. Nhưng bởi vì tâm có thể tách rời khỏi cơ thể, có thể có một tâm khỏe mạnh trong một cơ thể bệnh hoạn. Lời dạy từ đức Phật cho các đệ tử của Ngài đang bị đau khổ vì tuổi già là giữ tâm lạnh mạnh trong thân bệnh.

Theo Phật Giáo, để tâm lạnh mạnh, thì trước hết nó cần chúng ta phát triển chánh kiến (sammaditthi) về thế giới và chính mình, tức là, chấp nhận tính hiện thực của Tam Pháp Ấn: Vô thường, vô ngã, và khổ. Thiên kiến làm cho chúng ta nhìn thấy vô thường như là thường, đau khổ như là hạnh phúc, ô nhiễm như là thanh tịnh, và vô ngã như là hữu ngã.

Kết quả là chúng ta thường khao khát và tranh thủ để được điều gì đó thường hằng, tức là, thường hằng ảo tưởng và ngã và đối tượng thường hằng của lòng tham – và chúng ta luôn luôn đau khổ vì thất vọng. Bằng việc chấp nhận các pháp như chúng là, ngã được quán sát như là chẳng có gì ngoài các tên gọi đối với sự phức hợp của những yếu tố tâm vật lý (danh, sắc), chúng là vô thường, khổ,

và vô ngã, cũng như các hiện hữu khác, và như thế tâm chúng ta không còn khao khát thỏa mãn lòng tham lam vị ngã, không còn bám víu vào bất cứ đối tượng nào. Giải thoát khỏi những tham lam vị ngã và cố chấp này đối với thế giới vật chất, tâm chúng ta sẽ được an tịnh, và do đó, khổ đau tâm vật lý sẽ được giải trừ, dẫn đến sự lạnh mạnh tâm thức.

Ngoài việc chuyển hóa tư duy thiên kiến bằng việc thực hành chánh kiến này và qua việc phát triển thái độ xả chấp đối với thế giới và tự ngã, sự lạnh mạnh tâm thức của chúng ta tùy thuộc vào năng lực kiềm chế những tham dục và hạn chế và/hoặc tiêu diệt các trạng thái tâm lý tiêu cực như tham lam, sân hận, và si mê, cũng như các xu hướng chiếm hữu và thủ đắc. Ba độc này có thể hoạt động như là nguyên nhân đưa tới bệnh hoạn tâm lý và vật lý. Sự kiềm chế như thế có thể đạt được qua sự thực hành giới và thiền định. Tất cả giới luật và các loại thiền định của Phật Giáo đều nhằm đến mục đích kiềm chế cảm xúc, động loạn, và bản năng, để giảm thiểu căng thẳng, và diệt trừ những ý tưởng độc hại làm cho tâm thức bệnh hoạn.

Thiền và Sức Khỏe

Để thực hiện quan điểm về sức khỏe của Phật Giáo, Phật Giáo đưa ra phương thức thiền định và cầu nguyện như là những phương tiện quan trọng cho các hành giả. Ngoài Phật Giáo ra, truyền thống thiền định và cầu nguyện có mặt trong nhiều tôn giáo, như Ấn Độ Giáo, Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo, và Hồi Giáo. Các tín đồ của những tôn giáo này đã thực hành thiền và cầu nguyện cho cả mục đích tôn giáo và lợi lạc sức khỏe.

Trong tương quan tương duyên với sức khỏe, mục đích của thiền Phật Giáo là để đạt tới sức khỏe tâm linh và tinh thần, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất. Có 3 loại thiền được thực hành thông thường tại các quốc gia Phật Giáo Nguyên Thủy như Thái Lan, Tích Lan, và Miến Điện, và 3 loại thiền này được đặt tên sau khi có hiệu quả. Đó là thiền chỉ, thiền quán, và thiền từ bi.

Thiền quán chú trọng đến việc phát triển chánh niệm và thiền chỉ để làm cho tâm định tĩnh và lắng đọng, như hồ nước trong, sạch và yên lặng. Chánh niệm gồm cả tỉnh giác và nhận biết điều gì đang khởi sinh, từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác, mà không bị dính mắc vào đó. Nó chỉ đơn giản quán sát một đối tượng mà không có bất cứ phán đoán hay suy nghĩ nào về đối tượng đó. Sự tập chú đơn thuần này làm cho chúng ta nhìn thấy đối tượng như nó đang là. Tập chú vào một đối tượng đơn thuần để loại bỏ những thứ khác dẫn tâm thức đến sự nhất tâm, là nền tảng của thiền minh sát. Thiền minh sát là loại thiền đặc biệt của Phật Giáo mà không thể nào tìm thấy trong các tôn giáo khác. Trí tuệ đạt được từ thiền minh sát là liễu ngộ trong thể tánh của thực tại, nghĩa là, vô thường, khổ, và vô ngã trong chính tự thân và thế giới chung quanh. Sự liễu ngộ này có năng lực giải thoát tâm khỏi những thiên kiến, để giúp cho nó chấp nhận các pháp như chúng là và hoạt động theo, mà không có sự cố chấp và tham ái.

Trong khi thiền chỉ làm tâm thức lắng yên bằng năng lực của chánh niệm tập chú, thiền từ bi làm trung hòa và thay thế các trạng thái độc hại như giận dữ, thù hận, oán hận, và ganh tị bằng việc tu tập lòng từ bi và các trạng thái vi tế khác được biết như là thương yêu, cảm thông, và bình tĩnh. Từ bi, thương yêu, và cảm thông là thuốc giải độc đối với giận dữ, thù ghét, và ganh tị, trong khi sự bình tĩnh

là điều được đối với khổ đau gây ra bởi cố chấp. Nó có khả năng giúp tâm thức giải thoát khỏi thân xác và những hiện tượng khác, vật lý hay tâm lý, và bình thản trước bất cứ sự kiện nào bên trong hay bên ngoài. Với trí tuệ và thanh thản, tâm thức có thể buông xả tất cả các pháp khi cần, gồm bệnh nan y và ngay cả đời sống ở giai đoạn cuối cùng. Trong việc hành trì thiền chỉ và minh sát, hành giả có thể tập trung tâm thức vào bất cứ đối tượng nào và chú tâm vào đó. Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu giác ngộ tôn giáo và để đạt được lợi lạc sức khỏe, hành giả cần chọn đối tượng thiền định cẩn thận. Trong Kinh Phật có 40 đối tượng được cung cấp để chọn lựa theo cá tính của mỗi hành giả. Trong Kinh Satipatthana Sutta (Kinh Niệm Xứ), đức Phật dạy 4 đối tượng căn bản của thiền định (Tứ niệm xứ) cho tất cả hàng đệ tử rèn luyện tâm ở bất cứ đâu và bất cứ khi nào. Thiền định trên những đối tượng này được gọi là bốn niệm xứ, được đặt tên theo đối tượng hay cơ bản của nó. Niệm xứ gồm sự quán sát (1) thân thể, theo dõi hơi thở ra vô, 4 đại, 32 vật thể trong thân, thì thể trải qua nhiều trạng thái; (2) cảm thọ, tình giác đối với các xúc cảm, ưa thích, chán ghét, trung dung, và cách chúng sinh khởi từ các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân) và cách chúng diệt mất; (3) tâm, quán sát tiến trình tư duy, tiêu cực và tích cực, giữ tình giác đối với các ý tưởng, thiện và ác, nguồn gốc của chúng, và các cách trưởng dưỡng và giải quyết chúng; và (4) pháp (đối tượng của thức), giữ chánh niệm về pháp như năm triền cái chướng ngại niết bàn, bản chất của ngũ uẩn cấu thành ngã, mười kiết sử trói buộc chúng sinh trong vòng luân hồi sinh tử, và bảy chi phần giác ngộ (thất giác chi). Bằng sự thực hành quán niệm này trong thiền chỉ và quán, hành giả có thể đạt được chánh niệm, định tĩnh, và trí tuệ cùng lúc. Bốn niệm xứ này là phương thức đơn giản và hiệu quả để rèn luyện tâm vững mạnh. Tâm được tôi luyện sẽ mang lại an lạc và hạnh phúc.

Kết luận, sức khỏe tâm linh và sức khỏe tinh thần đạt được qua thiền định bằng năng lực của chánh niệm, định tĩnh, và trí tuệ, và cũng bằng sự tu tập bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả). Nghiêm trì giới luật cũng là yếu tố đóng góp khác. Trong Bát Thánh Đạo, giới được đặt trước thiền định và trí tuệ bởi vì giới cung cấp nền tảng để phát triển thiền định và trí tuệ. Do đó, giới là yếu tố hậu thuẫn cho thiền định cũng giống như mặt đất là nền tảng cho sự phát triển của cây cối. Đây là lý do tại sao người Phật tử thường thực hành thiền định trong khi giữ gìn giới như ngũ giới hay bát quan trai giới đối với các Phật tử tại gia, và thập giới đối với Sa di và hai trăm năm mươi giới đối với Tỷ kheo, ba trăm bốn mươi tám giới đối với Tỷ kheo ni.

Cầu Nguyện và Điều Trị

Cầu nguyện, hay trong thuật ngữ Phật Giáo, tụng niệm, thường là bằng tiếng Nam Phạn (Pali) và chủ đích là để bày tỏ sự tôn kính đối với Tam Bảo,

The Story of the Question Raised by Thera Ananda

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (183), (184) and (185) of this book, with reference to the question raised by Thera Ananda regarding Fundamental Instructions to Bhikkhus by the preceding Buddhas.

On one occasion, Thera Ananda asked the Buddha whether the Fundamental Instructions to Bhikkhus given by the preceding Buddhas were the same as those of the Buddha himself. To him the Buddha replied that the instructions given by all the Buddhas are the same as given in the following verses:

Verse 183: Not to do evil, to cultivate merit, to purify one's mind - this is the Teaching of the Buddhas.

Verse 184: The best moral practice is patience and forbearance; "Nibbana is Supreme", says the Buddhas. A Bhikkhu does not harm others; one who harms others is not a Bhikkhu.

Verse 185: Not to revile, not to do any harm, to practice restraint according to the Fundamental Instructions for the Bhikkhus, to be moderate in taking food, to dwell in a secluded place, to devote oneself to higher Concentration - this is the Teaching of the Buddhas.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Phật, Pháp, và Tăng, và để nhắc nhở con người về phẩm đức thánh thiện của đức Phật và giáo pháp của ngài, cũng như để xác tín sự an lạc và bảo hộ. Những bài kinh được tụng trong Phật Giáo là những kinh văn được kết tập bởi chư vị tỷ kheo trưởng lão uyên thâm dựa trên sự suy nghiệm của họ đối với sự giác ngộ viên mãn của đức Phật, về cuộc đời và giáo pháp của Ngài trong nhiều kinh khác nhau.

Trong số những bài kinh tụng để bảo hộ và lợi lạc, có một bài kinh được nhiều người biết vì có hiệu quả điều trị là bài bojjangha paritta -- sự bảo hộ của bảy điều giác ngộ (thất giác chi). Paritta có nghĩa là "bảo hộ" và bojjangha là bảy yếu tố giác ngộ. Bài kinh này đặc biệt được tụng để giải bệnh và điều trị. Niềm tin vào năng lực hồi phục của bảy yếu tố giác ngộ trở về lại thời kỳ đức Phật khi Ngài và hai vị đại đệ tử, Đại Ca Diếp và Đại Mục Kiền Liên, được hồi phục từ cơn bệnh nặng sau khi lắng nghe tụng bài kinh bảy yếu tố giác ngộ. Từ đó bài kinh trở thành truyền thống trong các quốc gia Phật Giáo Nguyên Thủy đối với chư vị tăng sĩ và cư sĩ để tụng bài kinh này cho người bệnh. Người ta tin rằng chân lý của Giáo Pháp và lòng từ bi vô lượng của đức Phật hàm tàng trong kinh văn được trì tụng có năng lực vĩ đại cho việc điều trị bệnh. Hiệu quả của sự trì tụng được gia tăng đặc biệt khi bảy điều giác ngộ được trì tụng chính xác và trong âm điệu đúng với lòng thành thật và sự xác tín. Lắng lòng nghe việc trì tụng với sự hiểu biết sâu sắc Phật Pháp và lòng từ bi vô biên của đức Phật, và với niềm tin kiên cố vào Tam Bảo, tâm của người nghe trở nên trầm lắng và hỷ lạc. Một số Phật tử, trong khi lắng nghe lời tụng kinh, quán hình tượng đức Phật đang đứng trước họ với Giáo

Pháp trị liệu rút từ kim khẩu của Ngài vào toàn thân người bệnh để giảm thiểu sự đau khổ và đỡ bệnh.

Quán hình tượng là một trong những sự thực hành thiền định trong Phật Giáo có thể được sử dụng cho việc điều trị và phát triển tâm linh. Ngay cả không hiểu nghĩa chữ Pali, nhưng bằng việc lắng lòng nghe và/hay quán hình tượng trong cách này, sự rung động của âm thanh và hình ảnh sống động của đức Phật sẽ làm thuần thực tâm và làm cho tâm lập động. Điều này có những hiệu quả kỳ diệu trên hệ miễn nhiễm và giúp chức năng toàn thân tốt hơn. Việc lắng tâm nghe Giáo Pháp và quán hình tượng Phật cũng được xem như là hành nghiệp phước báo sẽ đem lại những nghiệp quả thiện trong tương lai. Năng lực điều trị của bảy điều giác ngộ có thể không hiệu quả bởi vì (1) nghiệp nặng của người nghe, lẫn át các hiệu quả của thiện nghiệp được thực hiện; (2) sự hiện diện của những ô nhiễm trong tâm người nghe, như sân hận, tham lam, và si mê; và (3) người nghe không có tín tâm đối với Tam Bảo.

Bổ Thí và Điều Trị

Phương thức điều trị khác được thực hiện bởi các Phật tử tại Đông Nam Á là sự thực hành bổ thí. Điều này gồm bổ thí tài vật cho từng vị Tăng sĩ, cho tập thể Tăng, hay cho người nghèo và vô gia cư; bổ thí Chánh pháp cho những ai cần; và chia xẻ thì giờ, năng lực, kiến thức, và kinh nghiệm để đem lại lợi lạc cho người khác. Ngoài việc hành thiền, giữ gìn giới luật, và thực hành các nghi lễ, các phương thức tâm linh trong Phật Giáo còn gồm việc bổ thí. Các Phật tử Thái Lan thích sử dụng tất cả hay một trong những phương thức này cho việc điều trị bệnh song song với thuốc men hiện đại.

Có trường hợp một người phụ nữ mắc bệnh ung thư phổi, bà ấy đã tận sức cống hiến cho những việc từ thiện trong một nhà hàng chay và khuyến khích những người bị ung thư khác giữ niềm hy vọng và tìm sức mạnh trong Phật Pháp và sự thực hành. Bà ấy giúp nâng cao tâm linh và nhắc nhở họ rằng cuộc đời đẹp để lắm, bất luận là họ mang bệnh trầm kha. Bà quyết chí bổ thí dịch vụ tình thương này sau khi được chẩn đoán mắc bệnh ung thư đến giai đoạn phát triển và được bác sĩ cho biết bà không còn sống bao lâu nữa. Hiện nay, bà đã sống hơn mức tiền đoán được 7 năm! Hình chụp quang tuyến mới nhất cho thấy đã chặn được sự lan ra của ung thư. Cũng có trường hợp một người đàn ông liệt chân tay đã cống hiến đời ông để giúp người tàn tật, khuyến khích họ đừng cam chịu tàn tật mà hãy tìm cách và phương tiện để làm cho cuộc đời họ có ý nghĩa. Ông lấy mình làm điển hình bằng cách vẽ các bức hình đẹp với cây cọ được ngâm trong miệng. Tấm gương làm việc của ông ấy giúp những người tàn tật khác phát triển niềm tự tin và tự trọng. Hiện ông ấy được bầu làm chủ tịch Hội Người Tàn Tật Thái Lan. Một trường hợp khác có giá trị để chú ý là những người mắc bệnh AIDS tại một ngôi chùa Phật Giáo biến thành bệnh viện cho những bệnh nhân AIDS để sống qua những ngày cuối đời. Họ tự thành lập nhóm ủng hộ cho các bệnh nhân AIDS khác. Ngay dù họ không thể trốn khỏi cái chết, tất cả đều chết trong bình an và với cảm giác đầy đủ.

Tất cả những trường hợp này cho thấy rằng thực hành bổ thí đã mang lại hiệu quả điều trị bệnh, chuyển hóa tâm thức người được yên tịnh và bình an. Ngay dù bổ thí không chữa lành bệnh nan y thì cũng có thể điều trị tâm giúp giải thoát khỏi những ý nghĩ tiêu cực. Đây là cách thực hành theo lời dạy của đức Phật làm cho tâm khỏe mạnh cho dù

thân thể bệnh tật. Vì tâm có thể ảnh hưởng thân thể, sức khỏe thể chất sẽ được cải thiện khi tâm khỏe mạnh. Điều này sẽ xảy ra khi bổ thí được thực hiện trong tình thương chân thật và không có bất cứ tự lợi nào. Bộ thí trong ý nghĩa này có thể giải thoát tâm khỏi vị ngã và làm cho nó có thể sử dụng toàn diện năng lực vô ngã để làm lợi ích cho tha nhân. Qua việc làm vị tha như thế, cuối cùng người ta có thể đạt được niết bàn, mục đích tối hậu của Phật Giáo.

Kết Luận

Mọi tôn giáo đều xem sức khỏe như là giá trị cao nhất và cung cấp cho tín đồ của họ nhận thức và phương cách thực hành để nâng cao sức khỏe và trị liệu cũng như ứng phó với bệnh tật và khổ đau không thể tránh khỏi của con người. Trong vấn đề này, sự hiểu biết có tính cách tôn giáo về sức khỏe và trị liệu vượt ngoài quan điểm thể tục để tới lãnh địa tâm linh. Mỗi quan tâm này đối với chiều kích tâm linh con người là sự đóng góp thuần nhất của tôn giáo giúp mở rộng các quan điểm thể tục. Nó khuyến khích chúng ta chăm sóc sức khỏe tâm linh song song với sức khỏe thể chất và tinh thần, vốn được nhấn mạnh trong quan điểm thể tục. Phương cách tôn giáo này nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của năng lực tâm linh trong việc trị liệu tâm, làm cho nó bình lặng, an lạc, và buông xả những cảm giác thuộc xúc cảm và thể xác.

Trong mỗi tương quan tương duyên này, sự đóng góp của Phật Giáo là quan niệm về nghiệp đối với sức khỏe, bệnh tật, và trị liệu, cũng như cơ bản của mỗi tương liên tâm linh, và các phương thức thiền quán hình tượng và quán niệm để đạt tới sức khỏe tinh thần và thể chất. Ứng dụng các phương thức này trong đời sống thường nhật qua nhiều người thuộc các tôn giáo khác nhau để mang lại sự lắng dịu, bình lặng nội tâm, và an lạc giữa đời sống náo động là đóng góp quan trọng của Phật Giáo cho cuộc sống khỏe mạnh của nhân loại trong thế giới bất an này. Cũng vậy, trong y học, các kỹ thuật thiền Phật Giáo được dùng song song với việc điều trị thuốc men đối với bệnh cao máu, bệnh tim, và bệnh kinh niên. Trong tâm lý trị liệu, những kỹ thuật này được dùng để làm cho bệnh nhân có thể ý thức về các tiêu cực, hay những trạng thái tinh thần không lành mạnh như giận dữ, buồn rầu, trầm cảm, và lo lắng, và để biết cách chuyển hóa các tiêu cực này cũng như cách nâng cao những tích cực bằng chính nỗ lực của bệnh nhân. Đây là chứng cứ của việc khoa học hiện đại sử dụng trí tuệ người xưa để giúp y học có được hiệu quả trọn vẹn và để bổ sung vào chỗ nào mà y học không thể đạt được mục đích của nó. Sức khỏe như được nhìn thấy bởi Phật Giáo và được thừa nhận bởi các chuyên gia chăm sóc sức khỏe không thể cung cấp được nếu chỉ có các chuyên gia bởi vì nó tương quan tương duyên với các yếu tố tâm lý, tinh thần, văn hóa xã hội, môi trường, và, như Phật Giáo nhấn mạnh, nghiệp. Sức khỏe như mỗi quan hệ hữu cơ toàn diện thì tuyệt vời hơn cả lý tưởng. Nhưng nó phải được quan tâm và nỗ lực thực hiện thì mới có. Có lẽ qua những nỗ lực kết hợp của y học và tôn giáo, cũng như của cá nhân và các cơ quan xã hội quan tâm, lý tưởng về sức khỏe này có thể đạt được trong một ngày nào đó.



Lại nhớ về Ôn Già Lam

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



Cuối tuần qua, tại Trại Huấn luyện Huyền Trang V ở Hayward, CA. Vừa lắng nghe và thông dịch lại cho các Trại sinh không hiểu tiếng Việt qua đề tài “Thấu đáo về Hiện tình Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.” Hoà thượng Thích Nguyên Siêu, với tình thương sâu đậm cho tổ chức GĐPT và đầy lòng vị tha, nhắc lại lịch sử của Giáo hội. Đến giai đoạn khó khăn của Giáo hội, một lần nữa Thầy kể lại chuyện của Ôn Già Lam—người đã âm thầm chọn một lối đi cô quạnh độc hành nhưng đầy biết bao tình thương, trung dung và trí tuệ.

Trong giai đoạn nhiễu nhương và phức tạp nhất, Ôn Già Lam đã giữ vững tay chèo đưa con thuyền của Giáo hội qua những cơn bão tố phong ba của thời đại. Bằng sự sáng suốt của tuệ giác, bằng tâm từ bi vô lượng và bằng hạnh nguyện vô úy thí Ba la mật, Ôn đã nói với Thầy Tuệ Sỹ: “Tôi già rồi, tôi chịu nhục cho quý Thầy làm việc” (1).

Thầy Nguyên Siêu lại nhắc đến câu nói bất hủ đó. Thế rồi, chỉ vài năm sau, Ôn Già Lam đã mất tại bệnh viện của chế độ

Cộng Sản. Nói đến đây, nhìn lên hàng Huỳnh trưởng thâm niên và cao niên của tổ chức, ai cũng đỏ hoe đôi mắt. Giọng Thầy cũng đã nghèn nghẹn, Thầy ngừng lại để hít một hơi thở sâu và cá nhân chúng tôi cũng không có cách nào hơn là lau đi những giọt nước mắt đầy tình thương và kính phục đến với Giác linh cố Hoà thượng thượng Trí hạ Thủ. Có lẽ con đường Ngài đi là con đường “Thiên Lý Độc Hành” nhất trong thời điểm Phật giáo cận đại.

Xin được mở ngoặc, nói lại chuyện xưa, cá nhân chúng tôi nhớ lại một câu chuyện khoảng hơn 10 năm trước khi chờ Hòa thượng Thích Minh Đạt (2), nguyên là Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Thanh Niên đầu tiên tại Hoa Kỳ, từ San Jose về lại Stockton. Trong khi hầu chuyện với Thầy về vận mệnh của Giáo Hội xưa và nay, Thầy kể rằng thuở đó khi chính quyền Việt Nam ép quý Thầy quý Ôn trong Giáo Hội trực thuộc nhà nước dưới quyền kiểm soát của Mặt Trận Tổ Quốc. Ôn Già Lam đây có chịu, quan điểm của Ôn là “Không chống mà cũng không theo,” rồi nhân duyên đưa đẩy... và cuối cùng Ôn chấp nhận cụm từ “Giáo hội CỐ thành viên trong Mặt Trận Tổ Quốc” và sau đó Chính quyền tráo trở biến chữ “CỐ” thành chữ “LA”... thành ra “Giáo hội LA thành viên trong Mặt Trận Tổ Quốc” (1) (Xin xem tham khảo số 1 để biết thêm chi tiết).

Thầy Minh Đạt (2), kể chuyện này là để nhấn mạnh rằng Ôn Già Lam là một vị Cao tăng thực đức, tâm Từ của Ôn mệnh mông như dải ngân hà; Ôn hiền lành và trung trực, luôn nghĩ về đại cuộc cho Phật giáo Việt Nam, mà không có một khái niệm gì về chính trị, vì chính trị vốn rất thủ đoạn như chuyện kể ở trên. Ôn đã một lòng nghĩ đến vận mệnh Phật giáo và đất nước trong tình cảnh hiện tại lúc bấy giờ cho tương lai của Phật giáo

Việt Nam.

Để kết thúc, nói đến Ôn Già Lam là nói đến sự hy sinh tận tụy, nói đến Ngài là nói đến chuỗi thời gian khó quên của Phật Giáo, nói đến Ngài là nói đến sự truyền thừa Chánh Pháp, và nói đến Ngài là nói đến biểu tượng của Từ Bi, Khoan Dung và Nhẫn Nhục. Và giờ đây, xin mượn lời thơ của Quách Tấn nói về Ôn...

*"Mười phương cây lặng gió
Năm sắc hồ trôi mây
Làn nước lên đầu núi
Ánh vàng tràn đổ đây." (3)*

Tâm Thường Định

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ Kể Lại Một Vài Chi Tiết Về Giai Đoạn Thành Lập GHPGVN và Hoà Thượng Thích Trí Thủ
<http://thuvienhoasen.org/a8191/thuong-toa-thich-tue-sy-ke-lai-mot-vai-chi-tiet-ve-giai-doan-thanh-lap-ghpgvn-va-ht-thich-tri-thu>
2. Cuộc đàm thoại cá nhân (personal communication) với Thầy Thích Minh Đạt
3. Hoài Niệm Hòa Thượng Thích Trí Thủ Quách Tấn
<http://thuvienhoasen.org/p60a14866/1/hoai-niem-hoa-thuong-thich-tri-thu-quach-tan>



Một thời để chớm

THÍCH NỮ AN TRÍ

Hôm nay soạn lại chồng tập cũ, bỗng rút ra tấm hình trắng ngò nghĩnh dễ thương, khiến tôi nhớ lại ngày ấy, cái ngày mà trên đầu còn để chớm tóc, lúc đó tôi mới chừng ở tuổi 15, cái tuổi lắm mộng mơ và nhiều vùng đại, mà cuộc sống trong chùa thì lúc nào cũng... kỷ luật và ... kỷ luật, đôi lúc cũng làm cho tôi khó chịu. Bởi lẽ tuổi thơ tôi không thích gò bó và hay nghịch phá. Lúc mới vào chùa thì tôi còn nhút nhát sợ sệt. Theo thời gian, công việc hằng ngày của tôi cứ trôi qua, tôi dần dần dạn dĩ hơn trước, và lúc ấy, bản tính nghịch phá của tôi mới thật sự bộc phát.

Chùa tôi ở thuộc vùng ngoại ô thành phố, chung quanh chùa có cây ăn trái rất nhiều, nào là xoài, dứa, thanh long, mít v.v..., nhưng thầy tôi thì chẳng bao giờ cho ăn trái chín trên cây. Thầy bảo:

- Dứa để khô nấu kiểng, thanh long và xoài chín thì bẻ bán lấy tiền mua dầu ăn hoặc bột ngọt. Mít thì bẻ kho.

Ngày ngày thấy chúng lung lẳng trên cây nhìn tôi đùa cợt, tôi tức lắm. Thế là vào một buổi trưa ngày nọ, khi thầy tôi và mọi người đang an giấc, tôi liền trèo lên cây xoài, tay cầm theo cây liềm. Vì sợ bẻ nguyên trái chín thì thầy phát hiện, nên tôi nghĩ ra sáng kiến, lấy cây liềm mổ vào, rồi đổ thừa những trái ấy bị chim ăn hoặc chuột gặm. Nhờ vậy huynh đệ chúng tôi mới có dịp mở hội bàn đào ăn một bữa no say.

Đó là những trò nghịch phá, còn cay đắng thì... ôi thôi ! Cứ 3 giờ 30 sáng là tôi phải thức dậy đóng chuông, quét dọn chánh điện, sắp kinh kệ chuẩn bị cho thời công phu khuya, vì công việc của tôi là hương đăng; 5 giờ sáng là tập thể dục, 5 giờ 30 ăn sáng, 6 giờ là phải ra đồng nhổ cỏ lúa, hoặc tưới cà, tưới bắp, tưới dứa.

Vì chùa quê ruộng đất nhiều nên chúng tôi cực lắm, có khi 2 giờ sáng là phải dậy đốt đèn dầu hái đậu que cho kịp buổi chợ sáng, nhiều khi tưới đậu phộng tới 2, 3 giờ sáng vì giếng không đủ nước tưới. Vừa làm vừa phải đem chú Lăng Nghiêm ra tụng học. Chú gì mà khó thế ? Vừa khó học lại vừa buồn ngủ, nên khi nghe sư huynh bảo chép ra rồi đốt bỏ vào trong nước uống thì học mau thuộc lắm, tôi liền làm theo, nhưng học hoài cũng vô không nổi. Bây giờ nghĩ lại tôi tự cười mình ngày đó sao mà khờ thế.

Công việc đồng áng tất bật suốt ngày đầu có thời gian mà học bài, nên có một hôm tôi bị mọi người cười quá trời vì cái tội không thuộc bài.

Số là ngày ấy kinh sách thì hiếm hoi, trường lớp thì không có nhiều như bây giờ. Huynh đệ chúng tôi được thầy cho qua chùa Huệ Quang theo Thượng tọa viên chủ bấy giờ học Sa Di Luật Giải bằng Hán văn, mà gặp chữ Bắc, nên về chùa tôi cứ mãi cầm đầu vẽ chữ Nho cho kịp bài học ngày mai. Đã thế thì chớ, mỗi khi thầy giảng bài thì cứ gật đầu khen hay (*ngũ gục*). Hôm đó bất chợt thầy khảo bài, tên tôi được gọi đầu tiên.

- Con cho thầy biết "Hạ phong" là gì?

Chưa kịp định thần, tôi vội vàng đứng lên đáp nhanh:

- Mồ Phật thưa thầy, "hạ phong" là dưới gió (*hạ là dưới, phong là gió*).

Cả lớp cười ồ mà tôi thì không hiểu vì sao. Khi về chùa huynh đệ thấy tôi họ lại tiếp tục cười. Tức quá tôi mới bắt đầu học lại bài cũ và mới hiểu rằng vì sao hôm ấy mọi người lại cười mình. Thế là từ đó tôi bắt đầu chăm học Hán văn, càng học tôi càng thích thú bộ môn này.

Thế xác thì cực thế mà tinh thần nào có yên đâu. Đệ tử của

Thầy đông quá nên Thầy không lo được cho mình. Nhiều khi muốn một vật thường thường cũng không có tiền để sắm, thêm một gói mì cũng không có tiền để mua. Vì có tiền là phải để dành đóng tiền trường học bổ túc tiếp chương trình bỏ dở. Thế là tôi phải tự lo cho mình tất cả. Đầu phải chỉ có vậy thôi! Còn chuyện oan ức thị phi, sao mà cứ ngày càng dồn dập. Mỗi lần nghĩ tới là tôi muốn chạy về nhà ở với mẹ cho xong.

Giờ đây tôi đã trưởng thành, mới chợt hiểu ra rằng: Chính sự quyết tâm vượt qua những khó khăn của thời ấu thơ khi mới vào chùa, đã xây dựng cho tôi một tòa nhà nội tâm vững chắc khiến tôi còn ở lại với ngôi chùa làng cho đến ngày nay. Tâm tôi cởi mở hơn đối với những việc không vừa ý trong cuộc sống, và mỗi lần thấy người nào không đủ kham nhẫn chịu đựng những thử thách đến với mình trong cuộc đời tu, tôi đều thương và tìm cách trợ duyên, thăm cầu nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho những ai đã có đủ thiện duyên xuất gia tu học, luôn giữ gìn được tâm Bồ-đề khởi phát từ buổi đầu, để vững bước tiến trên con đường giải thoát.



Con thần lẩn chọn nghiệp

HỒ HỮU TƯỜNG (1910 – 1980)



Lời Tòa Soạn:

Truyện ngắn “Con Thần Lẩn Chọn Nghiệp” của nhà văn Hồ Hữu Tường viết từ năm 1953. Đến năm 1965, truyện này được nhà xuất bản Lá Bối tuyển đăng chung trong tập “Áo Tượng,” gồm nhiều tác giả. Qua năm 1966, ông viết thêm một đoạn dài kể thêm chuyện con thần lẩn được tái sanh làm chuột, có tên là Long Thử (theo Thụy Khuê trong bài “Hồ Hữu Tường (1910-1980)”). Long Thử bày mưu cho bảy chuột chống lại một con mèo nhưng thất bại, cuối cùng lại bị xử tội lẩn nữa với tội “thử gian.” Phần viết thêm này phản ánh thái độ bi quan, bất lực của tác giả trước thời cuộc và hoàn cảnh. Nỗi bi quan này chẳng phải vô tình, mà có thể chính là điều tiên liệu cho thân phận tác giả: một cá nhân không thể chống lại thế lực Tham, Sân, Si. Cuối cùng, sự nghiệp chính trị của ông không vượt qua nổi thời cuộc: ở tù mấy chế độ, và mất khi vừa ra khỏi tù cộng sản vài ngày. Nhưng sự nghiệp văn hóa của ông thì còn ở lại với đời.

“Con thần lẩn chọn nghiệp” có thể được xem như là một trong vài truyện ngắn luận đề xuất sắc nhất của nền văn học Việt Nam trong thế kỷ qua; ở đó, tác giả gửi gắm tư tưởng canh tân xã hội thông qua triết học Phật giáo. Tương lai Phật giáo, cũng là tương lai đất nước, được biểu trưng bằng hình ảnh Phật Di Lặc. Theo ông, Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa xã hội và thích hợp thời đại, ít nhất là mang hình thức dân thân tích cực như giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật Giáo Hòa Hảo mà bản thân tác giả chịu ảnh hưởng. Người đọc cũng dễ dàng nhận ra thông điệp “văn trị” – dùng văn hóa để giáo dục, chuyển hóa con người và xã hội – mà tác giả đưa ra

qua hình ảnh hai văn nhân và con thần lẩn trong truyện.

Do tính cách hư cấu, truyện này được lấy bối cảnh của truyện cổ dân gian, không tránh khỏi những tình tiết xa rời thực tế và không đúng tinh thần Phật giáo (chẳng hạn, sau khi chết có linh hồn vất vưởng và bị xét xử bởi Ngọc Hoàng, Diêm vương, hay Phật Tổ; và lại được cho phép chọn lựa nghiệp tái sanh của mình để chuộc tội hoặc thực hiện ý nguyện chưa thành). Cho nên người đọc cần được ý quên lời, quên đi những chi tiết huyền hoặc, phi lý.

Ở đây, được tác giả nêu rõ nơi đoạn kết: con thần lẩn đã chọn cái “nghiệp” làm nhà văn có văn tâm (trí tuệ giác ngộ và đức từ bi), dùng văn hóa để giáo dục con người, chuyển hóa xã hội. Dùng chính trị để cải cách xã hội, chỉ một thời, một giai đoạn. Chỉ có văn hóa mới là con đường dài lâu của trăm năm, ngàn năm. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật thì đó là hoàng pháp. Như thế, việc “chọn nghiệp” của con thần lẩn ở đây, chính là phát nguyện cứu đời bằng con đường văn hóa, cụ thể là làm một nhà văn, để “văn người tung ra là cội rễ cảm hóa triệu triệu người.” Mà theo lý thuyết nhà Phật, chỉ có bồ-tát kiểm soát được nghiệp nhân hiện tại của mình mới có thể thực hiện được hạnh nguyện của mình trong tương lai.

Truyện được tuyển đăng nơi đây là truyện nguyên thủy do nhà văn Hồ Hữu Tường viết từ năm 1953, không có việc thần lẩn tái sanh làm chuột, rùm rả, mất hay. (Vĩnh Hảo)

1.

Giữa một đường trường thăm thẳm, vắng vẻ và âm u, không một xóm nhà, ít người qua lại, có một cái am nhỏ. Am ấy mới cất, độ non ba năm thôi. Trong am, chỉ có một sư cụ già, thui thủi một mình, quanh năm chẳng được ai thăm viếng. Trước am, nơi giữa sân, chất sẵn một đồng củi, vừa lớn, vừa cao ngất, củi sắp vuông vắn, thẳng thần, dường như được sắp sọc chẳng khác một vườn kiếng do một vị lão trưởng giả chăm nom.

Một hôm, trời đã tối rồi, nhà sư vừa lên đèn được một chập,

thì có hai người khách đến trước ngưỡng cửa, vái mà thưa rằng:

- Bạch sư cụ, nhờ ngọn đèn dặt dắn, chúng tôi mới dõng đến đây. Mong nhờ sư cụ cho tá túc một đêm, sáng mai chúng tôi sẽ lên đường.

Nhà sư ung dung, chấp tay đáp:

- Mô Phật, cửa thiền bao giờ cũng mở rộng cho người lỡ bước.

Rồi dừng một phút, dường như để trấn tĩnh nỗi vui đương sôi nổi trong lòng, nhà sư tiếp:

- Ngót ba năm nay, tôi mở am nơi này, không được một ai đến viếng. Ngày nay là ngày ước

nguyện, may được hai ngài quá bước, ghé nghỉ chân. Âu cũng là duyên trước....

Nói xong, nhà sư dọn cơm chay cho khách dùng, và câu chuyện không đề, vô tình dẫn khách đến câu hỏi:

- Bạch sư cụ, chẳng hay sư cụ thích tụng kinh nào?

Vui sướng, vì như gặp bạn tri âm, nhà sư đáp:

- Tôi quy y Phật pháp từ thuở bé, rừng thiền có thể nói rằng đã viếng khắp nơi. Cách ba năm nay, lòng huệ được mở ra.... Và từ ấy, tôi chỉ tụng kinh Di Lặc.

Một người khách hỏi:



- Sư cụ có thể cho tôi biết duyên cớ vì sao chăng?

- Mô Phật. Chỉ có lời nói mà độ được người, tôi sao dám tiếc lời? Vậy tôi xin vui lòng nói cho hai ngài rõ. Bởi tôi đọc qua các kinh sách, thấy rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo, có dạy: Hai ngàn năm trăm năm về sau, Phật pháp sẽ đến chỗ chi ly, ấy là hồi mạt pháp. Di Lặc sẽ xuống trần mà cứu độ chúng sanh và chinh đạo lại. Nay cũng đã gần đến kỳ hạn. Chắc là Phật Di Lặc đã xuống trần mà độ kẻ thành tâm tu hành. Bởi lẽ ấy tôi có nguyện tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc. Nếu lời nguyện được y, ấy là tôi sẽ đắc đạo.

Người khách thứ hai hỏi:

- Sư cụ đã tụng được bao nhiêu lần rồi?

- Đã được chín trăm chín mươi chín lần rồi. Bây giờ, chỉ còn lần thứ một nghìn; lần tụng của đêm nay. Chắc hai ngài trước có duyên lành, đêm nay đến mà chứng kiến tôi tụng lần thứ một nghìn ấy....

Đến đây, bữa cơm chay đã mãn. Khách mệt mỏi, xin ngả lưng. Nhà sư dọn dẹp trong am cho thanh khiết, rồi bước tới trước bàn Phật, khêu bắc đèn dầu, mở kinh ra mà khởi sự tụng. Tiếng tụng kinh chậm rãi, như nện vào không gian. Thình thoảng một tiếng chuông ngân lên, đánh dấu chuỗi tiếng mõ dài đằng đằng...

2.

Trước khi nhắm mắt ngủ, hai người khách còn trao đổi vài câu:

- Tội nghiệp thay cho sư cụ già, quá mê tín, mất sáng suốt, mà không giác ngộ. Phật pháp lập ra đã hai nghìn năm trăm năm về trước, tránh sao cho chẳng có chỗ

lỗi thời. Nhận thấy chỗ lỗi thời, các môn đệ ắt phải lo tài bồi, phát triển mỗi đạo. Thế là có tư tưởng này, học thuyết nọ; rồi sanh ra môn ra phái. Ấy là nguồn gốc của sự chi ly. Nay rừng thiên đã hơn tám mươi bốn ngàn cội khác nhau, ấy là lẽ dĩ nhiên vậy.

- Tôi cũng đồng ý với anh về chỗ đó, và nghĩ thêm rằng: Nếu bây giờ có một vị Di Lặc xuống trần, thì vị ấy có trọng trách cất nhắc Phật pháp cho kịp với mọi sự tiến hóa của mọi sự việc từ hơn hai nghìn năm nay. Và trách nhiệm của mỗi tín đồ của Phật là dọn mình cho sẵn, để đón rước cái Pháp mới sắp ra đời. Chớ mê mải trong việc gõ mõ tụng kinh, há chẳng phải là phụ lòng mong của Thích Ca chăng?

Lời nói của hai người khách giữa cái am vắng vẻ, không hề có kẻ trộm nghe. Kẻ nghe trộm này là một con thần lẩn, đến ở am khi am vừa mới dựng lên, và đã từng nghe 999 lần kinh, nên có linh giác, nghe được tiếng người, biết suy nghĩ và phán đoán. Câu phê bình của hai người khách đã giúp cho con thần lẩn giác ngộ. Nó vốn biết nguyện vọng của nhà sư: là hề tụng xong lần thứ một nghìn, thì nhà sư sẽ lên giàn hỏa mà tự thiêu... Rồi nó nghĩ: nhà sư lòng còn mê tín, chưa được giác, phỏng có thiêu thân, thì làm sao nhập được Niết Bàn? Hay là ta tìm thể ngăn người, đừng để cho người thiêu thân, đợi chừng nào người được giác rồi sẽ hay?

Rồi con thần lẩn quyết định: Phải ngăn ngừa, đừng để nhà sư tụng xong lần thứ một nghìn. Nó nghĩ được một kế: Ấy là bỏ lên bàn Phật, đến đĩa đèn dầu, rán sức mà uống cạn đĩa dầu. Bắc sẽ lụn, đèn tắt, nhà sư không thấy chữ mà tụng nữa.

Một sức màu nhiệm đã giúp cho con thần lẩn đạt được ý nguyện: chỉ trong một hơi mà đĩa dầu đã cạn: bộ kinh chỉ tụng được quá nửa mà thôi. Đèn tắt, nhà sư ngạc nhiên, nhưng nghĩ: hai người khách là kẻ phạm tục, không được duyên lành chứng giám việc đắc đạo của mình. Ấu là xếp kinh, nghỉ, chờ ngày mai khách lên đường, sẽ tụng lần thứ một nghìn ấy.

Nhưng, sau đó đêm nào cũng vậy, buổi đọc kinh chưa xong mà đèn lại tắt đi. Nhà sư có lúc tỉnh tụng kinh lần này vào khoảng ban ngày, nhưng nhớ lại khi xưa đã có lời nguyện tụng kinh vào lúc khuya, tỉnh mịch, nên không dám đổi.

Và một đêm kia, dẫn lòng không được, tuy tụng kinh mà mắt chốc chốc nhìn lên đĩa dầu để xem sự thể do đâu, nhà sư bắt gặp con thần lẩn kẻ mỗ mà uống dầu. Nổi giận xung lên, nhà sư dùng gỗ mõ, và mắng rằng:

- Loài nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

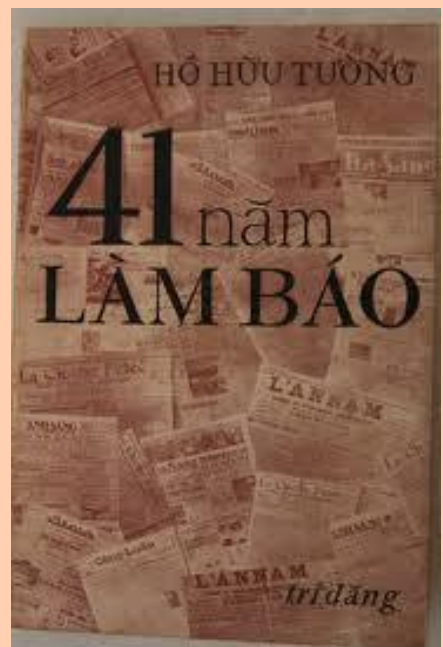
Rồi tay cầm dùi mõ, nhà sư nhắm ngay đầu con thần lẩn mà đập mạnh. Con thần lẩn bị đánh vỡ đầu, chết ngay. Hôm ấy, nhà sư tụng xong lần kinh, bước lên giàn hỏa, tự châm lửa mà thiêu mình.

3.

Và cũng đêm ấy, hai cái linh hồn được đưa đến trước tòa sen của Phật. Uy nghiêm, ngài gọi nhà sư mà dạy:

- Nhà ngươi theo cửa thiên từ thuở bé, mà chẳng hiểu bài học vỡ lòng của pháp ta là thế nào! Pháp ta đã dạy phải trừ hết dục vọng thì mới đắc đạo, mà ngươi dục vọng lại quá nhiều: bởi việc muốn đắc đạo, để được thành Phật kia cũng là một cái dục vọng. Có dục vọng ấy là Tham; bởi tham nên giận mắng con thần lẩn, ấy là Sân; bởi sân nên tưởng rằng trừ được con thần lẩn thì tha hồ tụng kinh, rồi đắc đạo, ấy là Si. Có đủ Tham Sân Si tất phải phạm tội sát sanh, thì dầu ăn chay trường trọn đời, cũng chưa bù được.

Tội người lớn lắm, phải răn tu luyện thật nhiều mới mong chuộc được. Vậy ta truyền cho Kim Cang, La Hán hốt cho hết đồng tro do xác người thiêu mà hóa ra, rồi



đem tro ấy tung khắp bốn phương trời. Mỗi một hột tro đó sẽ biến sanh thành một người. Chừng nào mọi người ấy đắc đạo, đám chúng sanh ấy sẽ được quy nguyên, trở hiệp lại thành một, thì nhà người sẽ đến đây mà thành chánh quả.

Rồi Phật cho gọi hồn con thần lẫn mà dạy:

- Nhà sư chưa được giác mà làm tội, tội ấy đáng giá là một mà thôi. Còn nhà người, được giác một phần rồi, mà làm tội, thì tội đáng kể là mười.

Con thần lẫn lạy mà thưa rằng:

- Bạch Phật tổ, lòng của đệ tử vốn là muốn độ nhà sư, dầu nát thân cũng không tiếc. Chẳng hay đệ tử có tội chi?

Phật phán:

- Muốn độ người, kể thiếu chi cách, sao người ngăn đón việc tụng kinh của người? Đã đành rằng việc tụng của nhà sư là một việc mê tín, nhưng dầu là mê tín, song vẫn là một tín ngưỡng. Cõi Phật vốn là cõi tự tại. Nếu phạm đến tự do tín ngưỡng, gọi là để dấy người vào, thì làm sao cho được. Bởi người không dùng phương pháp tự do, người là kẻ mất tự do, thì cả hai làm sao được vào cõi tự tại?

Một lần nữa, con thần lẫn được giác, quì lạy mà xin tội:

- Xin Phật tổ mở lòng từ bi, cho đệ tử hóa sanh một kiếp nữa, để dùng phương pháp tự do mà độ vô số chúng sanh do những hột tro, mà các vị Kim Cang, La Hán vừa tung ra đó.

Phật đáp:

- Ta cho người được toại nguyện.

Hồn con thần lẫn vừa muốn lạy Phật mà đi đầu thai, thì sức nhớ lại, nên bạch rằng:

- Xin Phật tổ dạy đệ tử phải hóa sanh làm kiếp chi?

Phật đáp:

- Nhà người đã gần bến giác, phải tự mình chọn hình thể mà hóa sanh. Tự do chọn lựa mới có thể luyện mình để bước vào cõi tự tại.

4.

Hồn con thần lẫn từ ấy trôi theo mây gió, không biết trụ vào đâu, để có thể vừa dùng phương pháp tự do mà độ người, vừa có thể độ được đông người, số người đông như số hột tro do một cái xác thiêu ra. Thật chưa hề có lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế...

Một hôm trong hồi xiêu bạt, hồn con thần lẫn thấy bóng của một trong hai người khách đã đến

am thuở nọ, mà câu chuyện nghe lóm đã làm duyên cho mình mấy năm đau khổ.

Thần lẫn vội vã bay theo vái chào và kể nỗi niềm đau đớn:

- Ngài đã giúp cho tôi giác ngộ được một ít, có hay đâu tôi phải mang cái nghiệp vô định này. Đã trót làm ơn, xin độ cho tôi đến bờ bến.

Hai ông khách đáp:

- Chúng tôi đâu dám lên mặt thầy đời mà dạy người, huống chi lại dám đèo bồng mang lại một giải pháp cho một vấn đề nan giải. Nhưng đã lỡ gieo trong trí người một ý nghĩ làm cho người phải khổ như bây giờ, thì phải góp ý kiến để cho người suy xét mà gỡ rối. Ấy gọi là chuộc lỗi.

Hồn con thần lẫn gật đầu, cảm ơn trước. Một người khách nói:

- Chúng tôi đây là bọn chơi văn giỡn chữ, quanh năm chỉ lấy việc đem ý hay lời đẹp mà làm cho vui lòng kẻ đọc mình, rồi lấy sự vui của người làm khổ như vậy, thì phải góp ý kiến để cho người suy xét mà gỡ rối. Ấy gọi là chuộc lỗi.

được thì tốt, bằng không thì thôi, chớ chẳng hề khi nào phạm đến tự do của người...

Nghe đến đó, thì một điểm linh quang bắt đầu hiện trong trí con thần lẫn. Người khách thứ hai nói tiếp:

- Xưa nay, trong bọn chúng tôi cũng được một vài tay lỗi lạc, kể một chuyện lý thú, hát một bài thơ hay, chuyện ấy thơ này được truyền ở hàng triệu miệng. Vậy, nếu người có lòng muốn độ hằng hà sa số chúng sanh, thì cố gắng trau dồi văn tài cho tương xứng, văn người tung ra là có thể cảm hoá triệu triệu người... Rồi, cũng phải luyện văn tâm, để cho văn người có thể nhen nhúm được trong lòng mỗi người một điểm lửa thiêng. Lửa bắt cháy, văn của người như dầu rót thêm vào, làm cho ngọn lửa sáng lên...

Hồn con thần lẫn gật đầu ba cái để tạ ơn và nói rằng:

- Con đường ấy khó đi cho đến hết được, song chắc chắn là đi cùng đường, ắt có thể đến trước tòa sen mà chào Phật tổ. Vậy tôi xin cố gắng.

Hồ Hữu Tường

Mắt Phật

PHẠM QUỐC BẢO



"Sắc tức thị Không.
Không tức thị Sắc"
(Tâm Kinh)

Ồ. Duyên có nào ba chúng tôi lại được gặp anh ở đây nhỉ?

- Chúng ta tình cờ đều có mặt trong một buổi lễ cầu siêu cả.

- Sao anh biết vậy?

- Thì lúc nãy khi đến, tôi đã thấy ba anh cùng ngồi một dãy phía trên. Tôi đến sau, ngồi hàng dưới cùng...

- Ba chúng tôi họ hàng thân quyến chung với bà T... Còn anh?

- Ấy! Tôi đi đám khác: Trưa nay một lúc chùa cầu siêu cho cả ba vị khác nhau đều mới qua đời.

- Như thế thì quả thật là hôm nay chúng mình có duyên mà gặp đây. Lâu quá, cũng phải vài năm rồi ba anh em chúng tôi mới được dịp gặp mặt lại anh.

- Đúng rồi. Hồi nhỏ chúng mình cùng học một vài lớp xen kẽ với nhau, lớn lên mỗi người một ngành nghề: Người vào

lính sớm, kẻ công chức, người dạy học, kẻ buôn bán kinh doanh. Sau đó tổng động viên, cả lũ chúng ta lần lượt thành lính tráng cả... Các anh vốn là anh em con chú con bác với nhau thì dù bận bịu gì lắm, vẫn có cơ hội gặp nhau thường. Chứ tôi chỉ là kẻ học chung hồi nhỏ với các anh, thế mà nhầm tính theo trí nhớ thì cứ cách vài năm mới lại có dịp gặp. Như vậy tôi đã là hữu duyên với quý anh trong kiếp này rồi. Quý anh cứ thử nghĩ xem: Năm 1975 xảy ra, bằng đi cả trên chục năm, lớp chúng ta còn sống sót mà được gặp lại ngoài này

Hồi tưởng thì thấy là không biết bao nhiêu bạn hữu chúng ta đã vắng mặt, vắng mặt vì chết trận, vì còn ở lại trong nước, vì chết bệnh, chết già... Quý anh thấy không: Ngay như chúng ta đây may mắn cùng tái định cư ở miền Nam Cali này, thế mà cũng cả năm may ra mới tình cờ được gặp nhau, tôi cho là vạn hạnh rồi. Phải không, ba anh?

- Quả vậy. Thật là "...Duyên

may run rủi khách ba sinh..."(1)
- Hay "...Phong trần xuôi gặp bước lưu lạc..."(2)

*

- Thế mùa Vu Lan năm nay, anh đã đi dự ở chùa nào chưa?

- Lễ Vu Lan mỗi năm, nhất là mấy năm trở lại đây, càng lúc càng rộn ràng...

- Rộn ràng? Ý anh muốn nói là phần đông các chùa ở đây đua nhau phô trương hay sao?

- Nếu nội dung của rộn ràng chỉ với ý ấy thì phải nói là nhờ vậy mà thêm nhiều số lượng phật tử năng đến chùa trong dịp lễ hơn. Như vậy là phong trào tổ chức lễ Vu Lan càng lúc càng đáp ứng đúng với nhiệm vụ 'hoảng gương đạo pháp' đấy.

- Vâng... Nhưng riêng anh đi chùa nào?

- Vu Lan năm nay tôi không đến chùa nào trong vùng cả.

- Giả dụ nếu thuận tiện, thì anh thích đến chùa nào?

- Chùa này.

- Tại sao?

- Chùa này luôn luôn có được một bầu không gian sâu lắng, ứng hợp với tâm tính hiện giờ của tôi...

- Như vậy anh cho là chùa không nên phô trương náo nhiệt quá?

- Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng chùa thì không được náo nhiệt.

- Thế thì theo anh, chùa hiện diện có mục đích gì?

- Tôi vốn không có ý muốn định nghĩa cho chùa. Nhưng theo tôi, từ căn bản truyền thống của ý niệm cái chùa trong ngôi làng Việt Nam ta từ xưa đến nay thì chùa là một đơn vị sinh hoạt của dân làng: Chùa là nơi cung cấp thêm điều kiện sống cho những ai trong làng muốn chuyên chú vào việc tu tâm dưỡng tính. Ngoài đình miếu nhà thờ, thì Chùa cũng là nơi dân làng tụ tập vào những dịp lễ Tết... , mà đồng thời, sân chùa cũng sẵn sàng cho dân mượn để phơi thóc lúa khi cần đến, và chùa cũng là

để trẻ trong làng tùy tiện đến chơi. Trong khi đó, người nhà chùa cũng vẫn hằng ngày sinh hoạt đồng ruộng vườn tược, như bất cứ ai đấy là dân sống trong làng vậy...

- Còn chùa hiện diện cụ thể ở cộng đồng chúng ta tại đây?

- Chẳng có gì sai khác so với nội dung ý nghĩa truyền thống. Nếu có chăng là khác ở cái hình thức sinh hoạt mà thôi. Nhưng đồng thời tôi còn thấy nếp sinh hoạt của xã hội ngoài này (mà ngay ở trong nước bây giờ cũng không khác), là khiến hầu hết những ngôi chùa đang bị nghiêng nặng về hai yếu tố: Một là chiều hướng hoằng giáo đạo pháp theo kiểu phát triển mạnh về hình thức hơn hẳn thực chất. Hai là vai trò chủ nhân địa ốc luôn luôn muốn lấn chiếm ngôi vị độc tôn quan trọng cho giới tu trì của chùa. Thậm chí, người ta thấy như chùa là một đơn vị kinh doanh về tôn giáo, hơn là nơi chú trọng về tu tâm dưỡng tính...

- Nghĩa là anh muốn chê trách?

- Xin phép. Ở đây chúng ta không chủ ý đặt vấn đề phê phán, mà chỉ là nhận định cho chính danh bắt nguồn từ hình thức sinh hoạt cụ thể: Trên mặt phát triển sức sống, hiện tượng tôi vừa đưa ra để có nhận xét nêu trên, chỉ với mục đích đặt ra vấn đề thử thách và điều chỉnh. Biết đâu vẫn sống trong hình thức kinh doanh như vậy mà các vị tu hành lại có thể thực chứng được, nếu quả thật như vậy thì lại càng đáng kính phục hơn nữa. Chứ sao!

- Anh dựa vào đâu để có nhận định như thế?

- Xã hội Hoa Kỳ hiện nay đang áp dụng chế độ trợ cấp xã hội kết hợp mật thiết với sức phát triển và tồn tại của các hệ thống thực thi tôn giáo: Chẳng hạn như giáo hội Ky-Tô giáo với hệ thống hoạt động thiện nguyện USCC, Tin Lành với những chương trình như the World Relief, the Lutheran Immigration & Refugee Services, trong kế hoạch tái định cư người

ty nạn, mà người gốc Việt chúng ta đến đây trong thời gian trên ba mươi năm vừa qua đều đã được những cơ quan này bảo trợ ở bước ban đầu.

- Xin lỗi. Có thể cho tôi đổi đề tài một chút chăng?

- Anh cứ tự nhiên. Chúng ta nhân gặp gỡ mà bàn luận trao đổi với nhau, tùy hứng mà.

- Vâng. Cảm ơn anh cho phép bày tỏ. Tôi muốn nói đến chuyện thời sự... Nhưng anh có thông thạo thì giờ không đấy?

- Lâu chẳng được hàn huyên với ba anh. Với lại mình vừa làm lễ xong, đang đợi chờ để được dùng cơm chay với nhau...

- Tôi sốt nóng với những tin thời sự nóng hổi, muốn chia sẻ với các anh đây?

- Anh cứ việc...

- Thứ nhất là độ gần tháng nay, dân cư Hồi giáo ở New York vận động xây một ngôi đền gần khu Ground Zero, đã khiến bùng lên phong trào chống đối; và ngay sau đó, ông Terry Jones, một mục sư Tin Lành ở Florida, tuyên bố là ông ấy dự tính sẽ đốt một cuốn kinh Koran (QuRan) vào đúng ngày 11 tháng Chín năm nay (2010), nhân kỷ niệm 9 năm bọn khủng bố quốc tế tấn công Tháp Đôi, người ta quen gọi đây là vụ 9/11 năm 2001. Thế là tại Hoa Kỳ lẫn khắp nơi trên thế giới cứ vậy ồn lên, cả bên lẫn chống lời tuyên bố này, đều gay gắt. Và vào thứ Năm, ngày mùng 9 tháng Chín tuần này, trong buổi gặp gỡ hòa giải với một giáo sĩ Hồi giáo, mục sư Jones chính thức bày tỏ là sẽ ngưng ý định mà ông vừa đề xướng lên ở vài tuần trước đó. Tuy nhiên, các cuộc biểu tình bạo động cứ tiếp tục diễn ra ở Afghanistan, Ấn Độ và Bangladesh... Các anh nhận xét thế nào?

- Cá nhân tôi thấy thái độ của ông mục sư Tin Lành này tiêu biểu cho cách ứng xử linh động và sáng suốt điều chỉnh của người dân Mỹ.

- Anh nói về cách ứng xử của người Mỹ, khiến tôi muốn bổ túc thêm một tin mới nhất: Thứ Tư, 22 tháng Chín 2010, uỷ ban Nhân quyền của quận hạt này (Orange County Human Rights Commission) công bố bản thông kê về tội ác của hành động biểu lộ lòng thù hận (hate crimes) năm 2009 tại địa phận này nói chung có giảm so với các năm 2004, 2005, 2007 và nhất là so với năm 2006; nhưng phân tích vào chi tiết thì người da đen vẫn là mục tiêu bị tấn công nhiều nhất, dù số lượng có giảm so với năm 2008 (16 vụ

so với 23 vụ), nạn nhân gốc Á Châu vẫn ít nhất, tuy nhiên nạn nhân thuộc hai cộng đồng Do Thái và Hồi Giáo thì lại rõ rệt tăng mạnh...

- Các anh thấy đó: Trong khi đa số các quốc gia trên thế giới đang hết sức lưu tâm tới vấn đề đối phó với cuộc chiến tranh chống khủng bố, ngành truyền thông Hoa kỳ vẫn diễm nhiên loan tin trung thực những thống kê thực hiện hằng năm. Tôi nghĩ rằng ở một xã hội có nếp sinh hoạt tự do-dân chủ áp dụng lâu đời như tại đây thì mới tương đối (tôi xin nhấn mạnh là tương đối) đủ mức độ tự tin để có thể loan báo như vậy mà không gì e ngại đến mức an toàn trong đời sống hằng ngày của dân cư.

- Tôi lại thấy rằng với lịch sử chiến tranh tôn giáo của loài người, ưu thế của phương tiện truyền thông tân tiến ngày nay đang được nỗ lực thực hiện một cách hữu hiệu ở chỗ nó giúp cho chúng ta luôn luôn mở rộng tầm kiến thức khách quan. Nó giải toả dần đi mức độ giáo dân các tôn giáo hành động quá khích và suy nghĩ một chiều trong đời sống tôn giáo của con người. Nó thúc đẩy để có thể giảm thiểu dần đi những giáo luật không còn phù hợp đối với thời đại tiến bộ ngày nay của mọi tôn giáo, đem những giáo đồ khác nhau ở các khu vực dân cư và ở các xã hội khác nhau xích lại gần nhau hơn, để chấp nhận sống cạnh nhau hơn. Và như vậy điều kiện sinh sống cởi mở nhanh như vậy sẽ tạo cơ hội cho con người ta vốn khác biệt với nhau (trên mọi phương diện về tôn giáo, về màu da, về chủng tộc, về giới tính...) mà vẫn có thể an toàn sống chung với nhau, trong đời sống nhân quần dần tiến tới mức hoàn toàn bình đẳng thực sự hơn.

- Đúng vậy! Tôi cho đây là một hiện tượng tiến bộ xã hội, một thử thách nhằm thúc đẩy con người sống trong xã hội là phải nỗ lực liên tục cụ thể hóa được ý nghĩa 'sống chung hòa bình' mà lâu nay người đề cập tới và cố gắng đạt tới. Hiện tượng này rõ rệt được đẩy mạnh nhờ hệ thống Internet toàn cầu hóa. Nhưng trên thực tế áp dụng thì còn cần rất nhiều ở thái độ can đảm liên tục điều chỉnh để vượt thắng được chính mình, từ các cá nhân đến gia đình và xã hội...

Bốn ông bạn cùng đứng dậy khỏi bàn ăn và bước ra khỏi trai

phòng.

- Trước khi ra về, chắc chúng ta cũng nên đến lạy Phật một lần nữa chăng?

- Kia kia, bức tượng Phật, với hình dạng thế kia, thì tôi nghĩ là được thỉnh từ Thái Lan hay Tích Lan gì đây. Các anh có thấy như vậy không?

Bốn người lần lượt tới trước tượng Phật chắp tay, miệng lầm râm không thành tiếng, giữa hai lần vái lạy.

- Tôi mạn phép tò mò hỏi quý anh ý tưởng này nhá: Chúng ta vừa vái lạy Phật. Vậy chứ quý anh có thấy tượng Phật đang nhìn chúng ta theo cách thế nào?

- Tôi thấy mắt ngài nhìn xuống tôi. Ngài đang rủ lòng thương, vì tôi còn đang mê muội, hẹp hòi...

- Tôi thì tôi nhận ra từ ánh mắt của ngài dường như ngầm ý bảo là tôi hãy nhìn lên: Có khoảng trời xanh bao la ngay đằng sau đầu ngài đấy. Một bầu trời khoáng khoát để nâng tâm hồn mình lên với miền cao xa, những khát vọng hướng thiện...

- Còn tôi lại nhìn ngang, mắt tôi chạm vào mắt tượng. Tôi cho rằng trước khi ngài thành Phật, ngài vốn là một con người. Ngài quả thật đã trải nghiệm trong đời sống của một con người bình thường, trước khi nỗ lực tu hành thành Phật. Như chúng ta đang sống đây. Ngài chỉ khác tất cả chúng ta ở chỗ ngài đã chứng đắc thành công khi tìm thấy một triết lý sống 'người nhất'. Ngài đã sống theo triết lý ấy, và ngài đã dạy chúng ta triết lý ấy. Và trên 25 thế kỷ đã qua rồi mà chưa có ai





đó tìm ra thêm một triết lý sống nào khác khả dĩ thay thế được.

- Thế còn ý kiến của anh?

- Ba người cùng đi, tất phải có một người là thầy tôi. "*Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư*"(3). Ở đây, ý kiến của quý anh đều đáng cho tôi học hỏi một cách trân trọng, làm phong phú hiểu biết của tôi.

- Ba chúng tôi vốn là anh em nội ngoại của nhau, thường gặp nhau trao đổi nhưng luôn luôn bày tỏ những ý kiến khác biệt nhau, thậm chí đôi khi còn 'chối' nhau nữa. May mà hôm nay có thêm anh, người thứ tư, lại là bạn hữu lâu lâu mới có dịp gặp. Nếu thêm được ý kiến nào mới ắt phải thú vị hơn chứ.

- Xin lỗi quý anh nhé. Thường ra bây giờ thì "Tứ nhân đồng hành, tất hữu loạn ngữ!" Đây là sự thật ngoài đời hiện nay, quý anh cũng thừa biết rồi đấy: Chúng ta chỉ cần hai người ngồi với nhau là có thể cãi cọ loạn cả lên rồi!

- Nhưng tôi vẫn muốn nghe thêm ý kiến của anh nữa. Để xem mức phổ biến của hình tượng Phật được phong phú đến cỡ nào. Chứ còn 'loạn' thì vốn đã loạn rồi! Và mình có bị loạn hay không mới là điều đáng bàn, anh ạ.

- Đúng vậy. Cho nên tôi lúc nào cũng quan niệm: "Bao nhiêu người đi trên đường đời mà tôi gặp thì bấy nhiêu người đều là thầy của tôi cả!"

- Anh có thể giải thích thêm cho tôi hiểu được chăng?

- Đã nói đến học hỏi, theo tôi, tốt xấu, hay dở gì chúng ta cũng đều được học hỏi hết: Tốt thì ta học để cố gắng noi theo. Còn nếu với mình không phù hợp thì cũng đáng cho ta biết để mà tìm cách tránh. Nghĩa là, trước hết chúng ta cần phải cởi mở tối đa đã...

- Cởi mở? Thì đã đành. Nhưng trong đời sống tương đối của chúng ta, bắt buộc chúng ta phải biết đến biện biệt mà phân biệt...

- Nếu quý anh cho phép. Phải nói thế nào nhỉ... Riêng tôi lại thấy cái rồn của pho tượng Phật 'bụng phệ' này xem ra muốn diễn tả rằng cái ăn- uống, ở cả phương diện vật chất lẫn tâm thần, đều khiến cho chúng ta phải đặt lên hàng quan trọng cho sự sống. Mà hiện nay đa số con người ta đang bị 'bội thực': Ở các xứ tân tiến, thực phẩm quá dư thừa thì nảy sinh ra chứng mập phì; trong khi ở các nước khác thì đa số dân bị nghèo đói lại cũng bị 'bội thực' tâm thần vì mơ ước suốt đời no cơm ấm áo mà không xong! Cho nên người ta phải biết điều chỉnh lại cái hệ thống xã hội loài người hiện nay đang quá thiên về phía tiêu thụ làm chính. Nếu trước kia có khuynh hướng coi nhẹ vấn đề vật chất, thực phẩm thì người ta bảo "Mắt là cửa sổ của tâm hồn" vì mắt Phật biểu hiện trí huệ. Còn hiện nay từ nhận thức

mà thấy rằng phong trào hoang dương Đạo Pháp bằng hình thức phát triển chùa chiền đang biến các vị trụ trì thành những chủ nhân địa ốc, các vị ấy suốt ngày cứ phải lo cho đủ tiền đóng sở hụi nợ nhà bằng hằng tháng, thì xem ra cái rồn của Phật quan trọng hơn mắt Phật sao?

- Ô... Thế còn anh thấy xã hội ở trong nước, và cả ở ngoài này, đang muốn biến người dân thành loại người như thế nào?

- Xã hội trong nước đang muốn biến dân thành bọn vô nhân, còn xã hội tây phương thì có khuynh hướng muốn biến chúng ta thành người máy!

- Đây là anh muốn bàn về phương diện nhận thức?

- Phải.

- Thế trên phương diện truyền thống dân tộc tính, dân Trung Hoa thờ vị Phật nào làm chính?

- Phật Di Lặc.

- Tại sao lại là Phật Di Lặc?

- Vì người Trung Hoa vốn coi trọng kinh doanh trong cuộc sống nên dân xứ này đã dùng hình tượng Phật Di Lặc mà phổ biến thành Ông Địa được thờ cúng rộng rãi trong dân gian.

- Còn Việt Nam ta coi trọng hình tượng nào của Phật giáo?

- Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài có tôn chỉ rằng thế gian bao giờ còn khổ ải thì nguyện không thành Phật. Đây là hình tượng đại biểu cho tính chất kiên trì bất khuất của dân Việt, mà cũng thể hiện được nội dung từ những chuyện cổ tích như Quan Âm Thị Kính, như Lưu Bình- Dương Lễ... trong dân gian.

- Nhưng ở đời sống con người hiện giờ...

- Những phát minh và ứng dụng của khoa học-kỹ thuật ngày nay vào lãnh vực truyền thông thì nhờ vào mạng lưới Internet, người ta tiếp nhận quá nhiều thông tin mọi thứ mà từ đó dễ gây ra tình trạng hỗn loạn trong nhận thức. Vấn đề được đặt ra ở đây là phải có chủ tâm chủ ý trước rồi khách quan biết lọc lựa mà tiếp nhận sau. Có như vậy, nguồn thông tin mới thực hiện cụ thể được mức độ trung thực đúng nghĩa và được sử dụng hữu hiệu cho cuộc sống. Nghĩa là cái tâm vẫn phải là trung tâm điểm nhận thức.

- Anh đang nói về cái rồn và cái bụng phệ mà...

- Vâng... Cho nên mặc dù cái rồn và cái bụng phệ của tượng Phật Di Lặc theo tôi hiểu thì nguyên nội dung là ứng hợp với nụ cười sáng khoái hài hòa của ngài. Hình ảnh tổng hợp này là biểu tượng cho sự hiểu biết cùng công phu thực hành đạo lý làm người mà Đức Phật muốn trao gửi cho chúng ta, những cá nhân còn đang sinh sống ở thế gian này. Từ liên tưởng ấy, tôi thấy cái rồn của pho tượng Phật này quyến rũ và thu hút cái nhìn của tôi. Và tôi chợt thấy tựa như nó cũng là một thứ "mắt Phật" thứ hai vậy!

Cả bốn người vùng lên cười ha ha.

Chú thích:

(1) Câu thứ tư (tức câu thứ nhì của cặp Thực) trong bài thơ đường luật có tên là "Kiều đi chơi Thanh Minh", của Chu Mạnh Trinh (1862- 1905). Toàn bài như sau: 64 Tuyển tập NHỤC VINH

"Ngày xuân ai khéo vẽ nên tranh
Nở nức đua nhau hội Đạp Thanh
Phận bạc ngậm ngùi người chín tuổi
Duyên may run rủi khách ba sinh
Dưới họa nếp mặt gương lồng bóng
Ngàn liễu giơng cương sóng gợn tình



Man mác vì ai thêm nghìn nỗi
Đường về chiêng đã gác chênh chênh"

(2) trong bài liên hoàn " Thăm Mả cũ bên đường"
của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889- 1939).

Tồn bài như sau:

" Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà
Đường xa người vắng bóng chiều tà
Một dãy lau cao lằn gió chạy
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha
Ngoài xe trở một nắm đất đỏ
Hang hốc đùn lên đám cỏ gà
Người nằm dưới mả ai ai đó
Biết có quê đây hay vùng xa?
Hay là thuở trước kẻ binh đao
Hăm dạn liều tên quyết mũi dao
Cửa nhà xa cách vợ con khuất
Da ngựa bọc thầy thay chiến bào?
Hay là thuở trước kẻ văn chương
Chen hội công danh nhờ lạc đường
Tài cao phận thấp chí khí uất
Giang hồ mê chơi quên quê hương?
Hay là thừa trước khách hồng nhan
Sắc sảo khôn ngoan trời đất ghen
Phong trần xuôi gập bước lưu lạc
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn?
Hay là thừa trước khách phong lưu
Vợ con đàn hạc để huê theo
Quan san cách trở đường đi khó
Ma thiêng nước độc phong sương nhiều?
Hay là thuở trước bậc tài danh
Đôi đôi lứa lứa cũng linh tinh
Giận duyên tủi phận hờn ân ái
Đất khách đành chôn một khối tình?
Suối vàng sâu thẳm biết là ai
Mả cũ không ai kẻ đóaai hoài
Trải bao ngày tháng trở trở đó
Mưa dầu nắng dãi trăng mờ soi
Ấy thực quê hương con người ta
Dặn bảo trên đường những khách qua
Cổ tiếng khóc oe thời có đấy
Trăm năm ai lại biết ai mà!

(3) Một câu trong Tứ Thư & Ngũ Kinh, Khổng học.

XANH XAO TÌNH ĐỜI

Đi về mấy bận chiêm bao
Tì trong thương nhớ xanh xao tình đời
Ngàn lau hiu hắt em cười
Đêm chong đèn viết lấy lời tử sanh.

TỪ TA TẠ NGƯỜI

Sầu lên sương khói xanh đời
Tình trong lữ thứ ai người thiết tha
Hồn hoang trong ánh dương tà
Tâm còn lay động từ ta tạ người.

THÁI BÌNH PHƯƠNG NGOẠI

Kể từ cố quận đi ra
Đất trời phương ngoại bao la thái bình
Hành trang mang một chữ tình
Trùng trùng sóng dậy thấy mình chiêm bao

RONG RÊU

Rong rêu một cõi giang hà
Phân hoa chi mộ dưới tà dương huy
Say hồ điệp khúc lưu ly
Hồn hoa lay động người đi chữa về.

BAY QUA CỐ QUẬN

Phù hoa phổ hội lên màu
Mà nghe sóng vỗ bể dâu hải hà
Ô kìa mây trắng bay qua
Ghé thăm cố quận hỏi nhà du quân

THU CÚC

Nàng đến cùng ta rất dịu dàng
Trăm ngàn thương nhớ dáng thu sang
Trang viên một sớm đầy hoa bướm
Nắng ngập hồng hoang ươm cúc vàng.

thơ HIỀN NGUYỄN

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BẮP CẢI CUỐN NHÂN CHAY SAUCE CÀ

Vật liệu để làm nhân:

- 1 miếng đậu hũ cứng hay 4 miếng đậu ép 2 hrs cho ráo nước (khoảng 1 pound)
- 1 chén ham nhão chay hay (1 khúc ham chay xay nhuyễn)
- 1/2 cuốn bún tàu khô ngâm nước 5 phút (cắt khúc)
- 4 tai nấm đông cô ngâm nước thái mỏng
- 4 tai nấm mèo ngâm nước thái mỏng
- 2 teaspoon bột khoai tây (potato starch) hay bột mì căn
- 1 teaspoon bột nêm chay
- 1/2 teaspoon tiêu
- 1 chút muối
- 1 chút đường (option)
- 3 củ hành hương băm nhuyễn (option)

Cách làm:

Quết tàu hũ nhuyễn, trộn chung hỗn hợp cho đều, cho vô microwave chừng 30 giây, nếm thử cho vừa ăn là được.

Vật liệu làm bắp cải cuốn nhân sốt cà:

- 1 cái bắp cải
- 1 teaspoon bột nêm
- 1/2 cup nước soup chay
- 1 củ hành nhỏ
- 1 lon tomato crush
- 1 chút đường
- Nhân đậu hũ giống như công thức trên

Bắp cải rửa sạch bên ngoài cho vào microwave 2 phút cho lá cải mềm, ra gỡ từng lá cải, gọt bỏ trên sóng lá, tới khi thấy lá cải dòn thì cho vào microwave lần nữa, gỡ vài lá đủ cho cuốn nhân, xếp lá cải trên thớt, cho nhân vào gói lại hình vuông như bánh xu xê, sắp vào đĩa bàn, hấp microwave 5 phút. Bắc chảo cho củ hành thái cubic, xào thơm cho tomato crush, bột nêm chay, nước soup chay, đường, rồi xếp bắp cải đã hấp trong microwave vào, vặn lửa nhỏ, chờ khi nào nước sốt hơi đặc là được.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

TỤNG KINH ÍCH LỢI SỰ

Tụng kinh phải nhớ lời khuyên
Niệm Kinh Phật dạy ăn hiền ở ngay
Tụng Kinh bỏ hết mê say
Niệm Kinh đền tội những ngày lầm mê
Tụng Kinh thoát chốn giang lê
Niệm Kinh bản thể trở về chơn như
Tụng Kinh tiêu tán ưu tư
Niệm Kinh quảng đạt thiện từ vô biên
Tụng Kinh trả nợ tiền khiên
Niệm Kinh ngục thiết cứu huyền thoát ly
Tụng Kinh huyền diệu vô vi
Niệm Kinh chư Phật diệu kỳ chứng minh
Tụng Kinh xé được vô minh
Niệm Kinh tiếng vọng Thiên đình niệm theo
Tụng Kinh tạc dạ sơn keo
Niệm Kinh giác huệ ẩn theo trong mình
Tụng Kinh đạt được vô hình
Niệm Kinh thanh thoát chơn linh vắng hời
Tụng Kinh tránh được luân hồi
Niệm Kinh trả nợ đền bù tiền thân
Tụng Kinh hưởng được bội phần
Niệm Kinh thân xác không cần điểm tô
Tụng Kinh khỏi vương Tam đồ
Niệm Kinh Thất tổ phong đô thoát về
Tụng Kinh trai giới Chuẩn Đề
Niệm Kinh dứt bỏ lầm mê cõi trần
Tụng Kinh rửa được tham sân
Niệm Kinh Phật Pháp lại gần khuyên răn
Tụng Kinh cho đến tội căn
Niệm Kinh phải sạch gió trăng sự tình
Tụng Kinh bỏ cả phúc vinh
Niệm Kinh đừng có sát sinh hại người
Tụng Kinh đừng có chê cười
Niệm Kinh ta phải thương người kém tu
Tụng Kinh ơn tạc nghĩa thù
Niệm Kinh đừng có mờ lu sang giàu
Tụng Kinh phải nhớ trước sau
Niệm Kinh phải nhớ thủy đầu dào



nguyênTụng Kinh phải hiểu chân truyền
Niệm kinh lòng Phật không riêng một người
Tụng Kinh ăn nói lựa lời
Niệm Kinh ta phải thương người như ta
Tụng Kinh tâm tánh hải hà
Niệm Kinh bác ái mới là niệm kinh
Tụng Kinh thì bỏ hiển vinh
Niệm Kinh hại thể lợi mình tránh xa
Tụng Kinh lục tự Di Đà
Niệm Kinh quý sợ tà ma cũng vì
Tụng Kinh độc ác bỏ đi
Niệm Kinh ngục thiết nào ghi đoạn tràng
Tụng Kinh quý khóc chứa chan
Niệm Kinh quý sợ thần van đã đành
Tụng Kinh Tỉnh thức làm lành
Niệm Kinh quý sứ trở thành chơn tu
Tụng Kinh sớm tối công phu
Thỏa lòng Địa Tạng mới thu lời nguyện.

thơ

TÂM CHÍNH

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

BỒ CÂU VÀ QUẠ

Một chú bồ câu vô tình bay ngang khu vườn hoang, bất chợt đàn quạ bay lên làm âm ỉ:

- Đánh chết nó đi anh em ơi, đánh chết bọn cướp đi!

Chúng la hét, hăm dọa vô cùng hung hăng. Bồ câu điềm tĩnh nói:

- Tôi không ăn cướp cũng chẳng hại ai bao giờ.

Các loài chim khác trong vườn đồng thanh nói:

- Bồ câu ăn thóc, xưa nay hiền lành sao vu cáo vậy!

Đàn quạ vẫn không ngừng chỉ choé. Bác cú già khề tăng hăng rồi đưa mắt cho các loài nhìn xuống gốc cây:

- A thì ra một xác chết còn đang ăn dở.



DUYÊN NỢ

Có anh chàng đẹp trai, đào hoa, chuyên quyến dụ các cô gái đẹp chơi trò đào kép và lại có tánh đào mỏ. Sau khi quen cô gái mới anh ta cứ than thở:

- Anh kẹt vốn làm ăn, em cho anh mượn một ít tiền cuối tháng anh trả.

Cô gái đưa ngay không chút lưỡng lự, đã không biết bao lần rồi nhưng chưa hề thấy anh ta trả lần nào. Sau thời gian dài cô biết rõ chân tướng anh ta bèn quyết định chia tay, mặc dù lòng rất đau

buồn. Thư của cô gửi anh ta vồn vện chỉ có mấy dòng:

- Chúng mình có nợ mà không có duyên!

LY HƯƠNG

Cố quận xào xáo nhiều khổ đau, cuộc sống quá nghèo cộng với hình chánh hà khắc, anh bèn dẫn vợ con qua lánh giềng tìm đường sống. Nhưng rồi cuộc sống cũng chẳng khá gì hơn, ở đã hơn nửa đời người nhưng vẫn bị kỳ thị, o ép, khủng bố đủ điều... Nhìn những đứa con ngủ chèo queo cuối xuống, đói nghèo, thất học, tương lai tối đen mà lòng dạ đốn đau, aAnh nốc cạn ly để, nước mắt thành dòng mà xang xê:

Hồ...ơ... Bước tới không lối thối bộ đường cùng

Giang hồ non nước vốn của chung

hồ ...ơ... Người sao chẳng chút bao dung

Thương con đứt ruột não nùng tiếng ca

...Hồ ...ơ ...

CỘT CỜ

Gần đến ngày lễ lớn, Hoà thượng bảo các Phật tử ra sân treo lá cờ lớn ở trước chánh điện. Cờ treo buổi sáng thì xế chiều bọn chức sắc trong làng đến chùa hăn học:

- Ai cho phép các ông treo lá cờ này? các ông chỉ được phép treo cờ của chúng tôi cho phép thôi.

Hoà thượng thoáng buồn trong ánh mắt bèn bảo:

- Thôi các con cất lá cờ Phật giáo đi và nhớ đừng dựng cột cờ lên.

Chúng tôi làm theo lời nhưng trong lòng cứ thắc mắc, cột cờ để nằm vậy chứng quá sao coi được. Mãi đến sau này chúng tôi mới hiểu ra và khâm phục thầy.

BƯỚM HOA

Khu vườn thật xinh đẹp và quyến rũ, rất ngọt ngào với hoa trái, bướm ong... Một ngày nọ không hiểu vì lý do gì mà hai bên xích mích. Bông hoa mĩa mai:

- Đẹp gì bọn bướm ong, chúng chẳng qua là những con sâu có cánh mà thôi!

Đàn bướm đáp trả:

- Đẹp gì bọn hoa, chúng chỉ là bộ phận sinh sản trên cành mà thôi! Không có chúng tôi, bọn hoa cũng thành vô dụng.

Rồi từ đó họ không nhìn nhau nữa. Đàn bướm ra đường sống vất vả, đói khát và đầy nguy hiểm. Bướm, ong... đi rồi vườn hoa xơ xác, hoa quả thất bát, mùa màng hư hao hết... Đến một hôm họ hiểu ra rằng, không thể sống thiếu nhau, thế là bướm hoa lại hội về. Năm ấy vườn hoa lại tung bùng hương sắc.

HỘ PHÁP THẮC MẮC

Địa thần dẫn vị tân hộ pháp đi thăm chùa. Trên chánh điện thấy Phật tử đang phục nguyện: quốc thái dân an, chúng sanh an lạc... Hộ pháp khen:

- Chà Phật tử tinh tấn quá!

Xuống đến nhà trụ, nghe tiếng chi chiết, cại cộ:

- Đồ để nấu cúng, ai làm lộn xộn hết, bực ghê!

- Bà nhiều chuyện quá, bếp chùa chứ bếp nhà bà đâu?

- Bà kia làm ít ăn nhiều, lại còn mang về nhà nữa, xí... tham lam mà không biết thẹn!

Hộ pháp cảm thán:

- Thật đúng là đồn bà!

Ra đến ngoài sân nghe:

- Ông kia công quả ít, cúng dường ít sao ghi tên trên tôi. Tối nể lắm chứ không là tôi quậy à nha!

Hộ pháp lắc đầu quây quây.

Peach State, Sep 1514

ĐẦU THU XIN CHÍCH NGỪA FLU



Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Hàng năm, cứ vào đầu mùa Thu là giới chức y tế lại nhắc nhở dân chúng nhớ đi chích ngừa Flu, kéo mà vào đầu mùa Đông Flu lại ghé thăm mình.

Vì với các nhà chuyên môn, chích ngừa vẫn là phương pháp rất hữu hiệu để tránh dịch bệnh "Ông Cúm Bà Co" này.

Chích ngừa là tạo ra tính miễn dịch trong cơ thể để chống lại sự xâm nhập, gây bệnh của các vi sinh vật độc hại.

Ý niệm về sự chủng ngừa đã được y giới Trung Hoa, Hi Lạp nghĩ tới từ cả ngàn năm trước. Khi đó họ thấy một số nhân công tay không bao che, vắt sữa bò thường nổi những mụn mủ giống như bệnh đậu của bò. Và sau này các công nhân đó không bao giờ mắc bệnh đậu.

Nhưng phải đợi tới năm 1796, nguyên tắc của chủng ngừa mới được cụ thể hóa qua các nghiên cứu của y sĩ người Anh Edward Jenner.

Hiện nay chích ngừa đã được đồng loạt áp dụng cho mọi người, mọi tuổi. Trẻ con đi học là phải có sổ chích ngừa đầy đủ mới được vào lớp. Nhờ đó mà nhiều bệnh nhiễm được phòng ngừa hữu hiệu.

Nhắc lại cúm là bệnh gì?

Có 2 loại vaccin ngừa Cúm

1-Thuốc chích với virus đã bị vô hiệu hóa dành cho người từ 6 tháng tuổi trở lên, kể cả người khỏe mạnh lẫn người có bệnh kinh niên.

Cũng có vaccin với liều lượng cao dành cho người trên 65 tuổi để tạo ra tính miễn dịch mạnh hơn, vì ở tuổi cao khả năng phòng bệnh yếu đi.

2-Thuốc xịt lỗ mũi với virus cúm đã được làm giảm độc tính, dành cho người khỏe mạnh từ 2 tới 49 năm tuổi, không có thai.

Bao giờ chích ngừa?

Ở Bắc Bán Cầu như Hoa Kỳ, Gia nã Đại, Cúm hoành hành mạnh nhất từ tháng 12 tới tháng 2 năm sau, nhưng đầu tháng 10 đã lai rai xuất hiện và có thể kéo dài tới tháng 5. Sau chích ngừa, cần khoảng 2 tuần lễ để tạo ra tính miễn dịch chống lại virus cúm. Do đó, ngay sau khi đọc nhắc nhở này, xin bà con lấy hẹn với bác sĩ gia đình hoặc tới các pharmacy để chích ngừa.

Những ai cần ngừa

Mọi người đều cần chích ngừa trước khi mùa Cúm bắt đầu, đặc biệt là nhóm người sau đây:

- Mọi lứa tuổi từ 6 tháng tuổi trở lên.
- Những người vì nghề nghiệp dễ mắc hoặc truyền bệnh cúm, như nhân viên y tế, người làm việc trong nhà dưỡng lão.
- Những người mà bệnh cúm có thể đưa tới tử vong, như đã có các bệnh kinh niên về tim, phổi, ho suyễn, tiểu đường, thận.

- Người mắc bệnh xơ gan vì nghiện rượu;
- Người suy yếu miễn dịch như ung thư máu, đang chữa ung thư bằng phóng xạ, hóa chất.
- Phụ nữ đang mang thai từ ba tháng trở lên cần được chích ngừa cúm với loại siêu vi trùng đã làm giảm cường lực.

Nghiên cứu ở quý vị cao niên được công bố trong New Journal of Medicine cho hay, tiêm ngừa cúm giảm thiểu tỷ lệ nhập bệnh viện vì cúm và sưng phổi tới 27%, giảm tử vong tới 48%.

Theo Trung Tâm Kiểm Soát và Phòng Chống Bệnh CDC, hàng năm tại Hoa Kỳ có khoảng 60% quý vị trên 65 tuổi đi tiêm ngừa cúm. Chính quyền y tế đặt mục tiêu là phải cố gắng nhắc nhở khích lệ để các cụ đi chích ngừa nhiều hơn nữa, ít nhất cũng phải là 90%. Lý do là các cụ dễ có nguy cơ bị sưng phổi, một biến chứng của cúm, vì các cụ thường hay bị bệnh tim, phổi từ trước.

Những ai không chích ngừa?

Không chích ngừa nếu:

- Dị ứng trầm trọng với trứng gà. Lý do là virus ngừa cúm được nuôi dưỡng trong tinh cốt trứng gà
 - Đã có phản ứng trầm trọng với thuốc ngừa cúm
 - Trẻ em dưới 6 tháng, vì thuốc ngừa cúm chưa được chấp thuận dùng cho lứa tuổi này
 - Người đang có vấn đề sức khỏe với nóng sốt.
- Đợi sau khi khỏi bệnh hãy chích ngừa.

Thuốc ngừa cúm có gây ra phản ứng gì không?

Thuốc ngừa cúm dạng chích và xịt mũi đều có thể gây ra vài phản ứng rất nhẹ.

- 1) Thuốc chích chỉ gây ra vài khó chịu như:
 - Hơi đau đầu, hơi đỏ, hơi sưng sưng ở chỗ kim chích
 - Hơi nóng sốt
 - Hơi râm đau mình mẩy xương cốt
 Khó chịu này xuất hiện sớm sau khi chích và kéo dài vài ngày mà thôi.
- 2) Thuốc xịt lỗ mũi gồm virus đã được làm giảm độc tính cũng chỉ gây ra vài khó chịu nhẹ như sổ mũi, nhức đầu, ho... mà thôi.

Xin chi tiết một chút về vaccin ngừa cúm

Thường thường, thuốc ngừa bệnh do một công ty bào chế nghiên cứu sản xuất. Riêng thuốc chích ngừa cúm được sản xuất sau một loạt những hợp tác của các nhà chuyên môn về dịch bệnh này trên thế giới.

Hàng năm, hơn 130 trung tâm nghiên cứu về flu của 106 quốc gia dành nhiều thời gian để theo dõi về hoạt động của các virus có thể gây cúm và cách thức lây lan của chúng. Kết quả sẽ được gửi về 5 Trung tâm nghiên cứu lớn về bệnh nhiễm của các quốc gia hợp tác mật thiết với Cơ quan Y tế Thế giới (WHO). Đó là CDC của Hoa Kỳ và các cơ quan tương tự của Trung Hoa, Anh, Nhật và Úc. Nơi đây, các nhà

chuyên lựa ra 3 nhóm virus có thể gây bệnh cúm trong mùa sắp tới tại Bắc Bán Cầu và vaccin được các nhà bào chế sản xuất. Tại Hoa Kỳ, cơ quan FDA quyết định và chịu trách nhiệm theo dõi việc sản xuất này, mục đích là có vaccin an toàn cho người tiếp nhận.

Mặc dù cúm năm nay cũng do những virus năm ngoái gây ra, nhưng vẫn phải chích lại, vì tính miễn dịch của năm cũ giảm dần, do đó hàng năm cần được tăng cường thêm.

Cũng xin lưu ý rằng, nếu sau chích ngừa mà có phản ứng trầm trọng, ta có thể khiếu nại với cơ quan National Vaccine Injury Compensation Program (VICP) điện thoại: 1-800-338.2382.

Vài thắc mắc thường được nêu ra và cần được trả lời:

Tại sao một số người vẫn bị cúm dù đã chích ngừa?

Có mấy lý do khiến một số người có dấu hiệu giống như bị flu dù đã được chích ngừa. Đó là:

1. Đã tiếp xúc với virus cúm ngay trước khi chích ngừa hoặc trong thời gian 2 tuần lễ sau khi chích để cơ thể được bảo vệ. Sự tiếp xúc này có thể khiến con người bị cúm trước khi thuốc chúng có công hiệu.
2. Con người có thể bị bệnh vì các virus khác nhưng có triệu chứng tương tự như cúm.
3. Vì có nhiều chi loại virus cúm khác nhau, nên ta có thể bị một virus không có trong vaccin tấn công và gây bệnh
4. Một số người vẫn bị cúm dù đã chích ngừa, chẳng hạn người bị suy yếu hệ miễn dịch. Tuy nhiên, thuốc vẫn có thể bảo vệ được họ dù hệ miễn dịch có yếu.

Nếu bị cúm, tôi phải làm gì?

Trước hết là nên ở nhà, không đi làm, không đi học, không tới nơi hội họp đông người, không đi shopping... để không truyền bệnh cho người khác.

Theo các nhà chuyên môn y tế, chỉ nên ra ngoài sau khi đã hết nóng sốt khoảng 24 giờ. Mà nếu có bắt buộc phải rời khỏi nhà để mua dược phẩm hoặc nhu cầu cá nhân gì khác thì nên mang khẩu trang hoặc che miệng mũi với khăn giấy hoặc khuỷu tay khi ho, hắt hơi, để virus không lan vào không khí.

Và nhớ rửa tay thường xuyên để ngăn ngừa lan tràn virus cúm qua những vật dụng mà người bệnh mới cầm sờ.

Có cần đi bệnh viện không?

Cúm đôi khi có thể trở nên trầm trọng và gây ra vài biến chứng cho một số người như viêm phổi, nhưng trong đa số các trường hợp, bệnh thuyên giảm trong vòng 2 tuần lễ. Do đó, có thể điều trị ở nhà với nghỉ ngơi, uống nước hoặc súp đầy đủ để tránh khô nước; giảm nóng sốt, ho với dược phẩm thích hợp mua tại dược phòng.

Nếu có thể được, nên để bệnh nhân nằm riêng



với phòng tắm, phòng vệ sinh cũng như các vật dụng riêng hàng ngày như chén, bát, khăn ăn khăn tắm, thùng rác, nước uống...

Cho bác sĩ hay nếu cúm nặng như khó thở, không ăn uống được, nằm lì bì, sốt đi sốt lại, ho ra đàm, có thai hoặc đang có bệnh kinh niên khác.

Có thuốc trị Cúm không?

Có chứ.

Hai loại thuốc thường dùng là oseltamivir và zanamivir giúp rút ngắn thời gian bệnh và giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái hơn. Cần được bác sĩ khám bệnh rồi biên toa.

Nhắc lại là virus là những phần tử nhỏ li ti, cần nung nhờ tế bào động vật để tăng

sinh. Sau khi xâm nhập tế bào, virus phân thành nhiều virus con, thoát ra khỏi tế bào mẹ và gây tác hại cho cơ thể.

Thuốc trị Cúm ngăn chặn sự thoát thân của virus từ tế bào mẹ nuôi, giảm triệu chứng bệnh. Để có công hiệu, thuốc cần được dùng ngay khi bệnh mới xuất hiện.

Một câu chuyện vui đọc được trên net:

Xin giảm giá

Bận rộn suốt buổi sáng đi khám bệnh cho hơn chục bệnh nhân trong khu phố, thầy thuốc tới nhà nọ chữa cho ông chồng bị Cảm Cúm. Bà vợ của ông ta năn nỉ:

- Thưa bác sĩ, ông có thể giảm giá chữa bệnh cho nhà tôi được không?

- Lý do gì vậy, thưa bà?

- Vì ông ấy chính là người đã gây ra lây Cúm cho cả khu phố này đây ạ.

Sau mấy giây tính nhẩm, bác sĩ đồng ý "đít cao" 2 quan tiền, vì đã thu khá bọn bạc tử sáng tới giờ.

Đó là chuyện xảy ra vào thời xa xưa, khi dân chúng không biết cách phòng tránh Cúm, bệnh nhân không mang khẩu trang khi ra khỏi nhà, không rửa tay loại bỏ virus Cúm. Và thầy thuốc còn đi khám bệnh dạo tại gia. Chứ bây giờ, lấy hẹn rồi mà nhiều khi vẫn còn phải ngồi đợi cả giờ đồng hồ mới được diện kiến dung nhan ông bà thầy trong mười phút để khám bệnh, lấy toa đi mua thuốc.

Kết luận

Cúm là bệnh truyền nhiễm của cơ quan hô hấp do virus cúm gây ra.

Cúm có thể nhẹ, kéo dài từ 7-10 ngày rồi hết, nhưng cũng có trường hợp trầm trọng với biến chứng và đưa tới tử vong.

Mỗi năm, tại Hoa Kỳ có:

Từ 5-20% dân chúng bị cúm.

Hơn 200,000 người phải vào điều trị tại bệnh viện.

Và khoảng 30,000 người chết vì Cúm.

Các nhà y khoa học đều đồng ý với nhau là cách phòng tránh cúm hữu hiệu nhất vẫn là mỗi năm cần chích ngừa.

Vậy thì xin cùng "Rủ nhau đi chích ngừa Cúm".

www.bsnguyenyduc.com

Một người nghèo lạ

T.N. THỀ QUẢN

*"Thăng lợi chân chánh là ở
Phật-giáo chứ không phải vũ khí"*
(A Dục)

Chàng nghèo thật hết chỗ nói, cả sự nghiệp của chàng chỉ có một bà mẹ già mà thôi.

Lâu lắm người ta mới biểu cho chàng một cái búa để đi cày ruộng sống một em bé chết đuối.

Được búa, chàng đưa mẹ vào núi, tìm một hang đá, chàng lót rơm êm và có gió mát để mẹ ẩn ở; như thế chàng an tâm lắm. Ngày ngày đi kiếm củi rồi về chợ đổi gạo, mặc dù ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ xơi. Tu Lại, tên chàng chẳng những lan rộng với chữ hiếu, mà người ta còn gọi chàng là tráng sĩ, vì chàng thường giúp đỡ nhân dân trong vùng ấy, bất luận gặp một tai nạn gì chàng thường giúp đỡ họ tận lực.

Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng hiền lành như: nai, khỉ, chồn, thỏ v.v... Tu Lại từ chối vì chàng là một Phật-tử chơn-chánh, không bao giờ giết một sinh vật nào dù nhỏ. Chẳng những chàng không bắt chúng mà còn yêu mến chúng nữa, nên lâu ngày chúng quen và thường gần đến chỗ hai mẹ con chàng ở. Cái hang ấy bao giờ thành vui, hoa lạ nở hai bên, những tổ chim làm gần gũi đó.

Có những đêm trăng sáng mẹ chàng ngồi niệm Phật, chàng ngồi bên kết mấy thứ cỏ khô thành áo để mặc mùa đông.

Nhưng đã sáu ngày nay, trời mưa luôn không ngớt, gạo trong hang đã hầu cạn, chàng lo ngại, nếu mưa cứ kéo dài. Hôm nay trời bừng sáng, Tu Lại sung sướng quá, chàng chào mẹ rồi vác búa ra đi, đến chỗ thường đi củi, thì xa xa có bóng ba thiếu nữ. Thấy có người, ba bóng kia bỏ đi nơi khác. Chàng để bầu nước xuống và sửa soạn vào việc thì thấy một chiếc kim thoa óng ánh nằm ngả nghiêng bên tảng đá, không còn nghi vì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu nữ kia trả lại cho họ. Người ta nhìn chàng với cặp mắt cảm trọng. Nhưng người tráng sĩ không trả ân bằng tiền gạo được, vì người ta biết tiếng chàng nhiều

lắm. Nhưng, từ độ ấy về sau, nơi hang mẹ chàng thỉnh thoảng có người đem biểu gạo trắng thịt ngon, trong lúc chàng đi làm củi vắng, cứ thế, rồi một ngày kia...

Một sáng mai khi chàng còn mơ màng chưa tỉnh hẳn thì có một nàng tiên đến ngồi bên chàng, nàng tiên ấy trên trời sa xuống lâu hay mau không biết, hồi nào không hay, nhưng nàng là tiên thật, vì nàng đẹp quá. Một tấm "voan" màu nước biển phủ nhẹ toàn thân, trên mái tóc xanh là một tràng hoa tươi. Chàng phải gương với bộ áo sơ sài của mình. Tu Lại lại ngồi phất dậy: "Nàng là ai? Sao lại đến đây?"

Thiếp là sương phụ đánh rơi chiếc kim thoa hôm nọ, được tráng sĩ cho lại, về nhà thiếp suy nghĩ: "Ở đời giàu sang không phải chơn hạnh phúc, được gần bậc hiền nhân mới chắc chắn sống một lối sống của con người biết sống! Tiếng nay giàu có, của cải dư dật, cha mẹ không, chồng chết, chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyên theo chàng, mong chàng đừng phụ, thiếp xin thay chàng hầu hạ mẹ già, và giúp chàng học hành để thành danh đức, hầu sau làm lợi ích cho đời, nếu chàng cố chấp không nghe, thiếp rất tiếc tài ba đức độ

của chàng vùi sâu trong hang thăm."

Tiếng nàng trong và êm quá, trong như tiếng suối chảy, êm như tiếng chim kêu, nàng nói với một vẻ thiết tha thành thật. Câu chuyện mới càng làm sao, mỗi lời nói của nàng như rót vào tai tráng sĩ.

Tu Lại mơ màng như người trong mộng. Chàng suy nghĩ: "Không biết ta chiếm bao hay thật, mà nàng là người thật hay ma." Bỗng chàng nghiêm nét mặt và bảo: "Tôi xem nàng là người đoan chính lại giàu sang là do phước báu của đời trước đã gây tốt nhiều, còn tôi chỉ là một kẻ nghèo khổ, làm sao xứng đáng với nàng và, theo tôi, một người sương phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy dỗ cho con nên người, xứng với ý nghĩa con người mới phải. Thiết thật hơn, tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia đình, tình yêu mẹ sẽ san sát, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia đình tình yêu con sẽ không còn nguyên vẹn, mẹ tôi cần có tôi mới vui, con nàng cần có nàng mới sống. Vì vậy tôi khuyên nàng trở về nuôi con và dứt bỏ câu chuyện này. Còn nàng sợ đức độ tài ba của tôi sẽ mai một, nếu tôi quả có đức độ như nàng tặng, thì trong rừng sâu các loài cầm thú cũng cần có đức độ để che chở cho chúng, như thế có đức độ thì ở đâu mà lại không dùng được?"

Nàng tiên ấy bay đi, trời đương sáng bỗng tối hẳn, người tráng sĩ cũng thấy nao nao trong lòng, nhưng rồi chàng lại vui lên nhiều, vì chàng đã chiến thắng. Song không hiểu vì sao, những



chuyện kỳ lạ lại hay đến với người nghèo là ấy.

Một hôm, có một người lạ mặt hốt hoảng chạy đến lòi ra một thoi vàng thắm, rồi thưa với Tu Lại: “Thưa tráng sĩ, tôi xin biếu chút quà mọn này, nhờ tráng sĩ giúp cho tôi một lời nói. Ngày mai đây, nếu có ai hỏi: Có một đoàn người đi qua đây không? Thì tráng sĩ nói cho một tiếng “có”, ở đây chỉ có tráng sĩ và tôi, ngoài ra không còn ai hay chuyện này cả; và lại tráng sĩ chỉ nói cho một tiếng cũng không sao.” Nói xong, người bỏ vàng lại đó, rồi chạy mất. Tu Lại chưa kịp suy nghĩ gì cả, nhưng chàng vội lượm vàng rồi chạy theo thật nhanh mới kịp. Tu Lại kéo tay người kia: “Không, không, vàng ông hãy cầm lấy, tôi không thể theo lời ông được, tôi là một người Phật tử không bao giờ làm việc ám muội, một lời nói của người quân tử trọng hơn nghìn vàng, nhưng một lời nói còn trọng hơn cả thân mạng, nếu ông đem nghìn vàng hay dùng uy thế để hại mạng tôi, bảo tôi nổi dối, thà chết chứ không bao giờ phạm giới cấm của Phật,” nói xong Tu Lại bỏ vàng rồi chạy thẳng.

Tiếng tốt của người tráng sĩ bay xa như ngọn gió mát vô tình thổi từ rừng sâu vào đến thâm cung. A Dục Vương là người hiểu kỳ, muốn thử chàng, nên những chuyện bỏ rơi trâm và người con gái đến tận hang chàng chính là cung nơnon của vua A Dục. Sau mấy lần thử thách, nhà vua biết Tu Lại là bậc hiền nhân nên đem lòng đổ kị sai người đến hại chàng. “Tôi vâng lệnh nhà vua đến giết tráng sĩ” người đao phủ cầm gươm sáng bảo thế.

- Ô, thế thì tốt quá, tôi rất cảm ơn Ngài đã vì tôi mà hủy giùm cái thân ô uế đầy tội lỗi này. Song tôi còn chút mẹ già nhờ ngài chiếu cố cho...

Tên đao phủ ngạc nhiên trước thái độ thản nhiên của Tu Lại.

- Ông là vô tội, nhà vua vì lòng đổ kị sai tôi đến hại ông, vậy ông không giận nhà vua sao?

- Không, tôi không giận mà còn thương hại nhà vua đã gây nhiều nghiệp ác, trước khi chết tôi xin cầu Đức Phật cho nhà vua phát Bồ Đề tâm hồi hướng thiện niệm.

Tên đao phủ mím môi, đỏ mặt đưa gươm lên cao dán xuống đầu chàng... nhưng lưỡi gươm kia xuống từ từ rồi chui thẳng vào vỏ kiếm...

Sáng hôm sau vua A Dục lên tận hang chàng ở, đến nơi, chàng đi làm củi sớm, vua chờ trọn ngày mới gặp. Vua A Dục từ tốn bảo: “Trẫm làm vua, trong nước có hiền tài mà Trẫm biết chậm thật là đáng

LỜI THU GỌI

Ta trả cho đời những giáo điều

Lời ru êm ái lại cô liêu

Đi trong sương gió lời thu gọi

Bốn mùa mờ ảo lá vàng rơi!

Lắng nghe gió thoảng bên trời

Ngành thu phai sắc uyen nguyên đất trời

Từng cơn gió cuốn mây trôi

Từng làn thu đến lá rơi muôn chiều

Lá rơi muốn tỏ bao điều

Chơi vơi lá thắm ngọt dòng suối reo

Rừng thu non thắm cheo leo

Ngành vàng lá đã bạc màu yêu thương

Người có nghe lá reo mùa thu đến!

Có nghe tình trần trở kiếp phong trần?

Và có buồn khi lá đã giao mùa

Hồn ai đây! Hay là lời thu gọi!?!

thơ

MAI PHƯỚC LỘC

tiếc! Ngày nay nước nhà loạn lạc Trẫm mong tráng sĩ về triều cùng Trẫm chăm lo việc nước, được vậy thật là hạnh cho nhân dân.” Chàng từ chối năm bảy dạo, vua nài nỉ đôi ba phen, cuối cùng chàng hẹn trong bảy ngày sẽ trả lời.

Trong bảy ngày, ba lần vua đến thăm ba lần vua cho người lên thăm hỏi. Tu Lại hỏi ý kiến mẹ, mẹ chàng bảo:

“Hiện nay mẹ trong nước, nhà vua thì lăng mạn, hoang hung, hà khắc dân tình, nhân dân oán thán đến nỗi họ đặt tên nhà vua là Chiên Đà La A Dục (ông vua hung tợn như người hàng thịt). Triều đình nịnh thần ô lại; ngoài thì vua hung tàn, con ngỗ nghịch, vợ bất chánh, chồng bất lương... đạo đức hầu như mất hẳn tất cả tâm niệm xấu xa độc ác kết hợp lại do đó giặc cướp nổi lung tung. Con nay chấp kinh cũng phải từng quyền, vậy nhân cơ hội này con có dịp đem giáo lý của Đức Phật để cảm hóa quần sanh hầu mong cứu vãn nhân tâm, đưa lại sự an ninh cho nhân loại.”

Vâng lời mẹ Tu Lại về triều, vua A Dục lấy hai chữ Quốc Bửu (vật quý của nước) tặng chàng làm tên.

Trước hết Quốc Bửu đem

ba pháp quy y, năm điều cấm giới cảm hóa vua. Vua A Dục từ khi biết quy đầu về Phật không bao lâu trở thành một vị minh quân. Ông đối hân chính sách, lấy đức độ trị dân, không dùng oai thế tàn bạo như trước nữa. Vì thế mà nhân dân trong nước trở lại cảm phục vua, từ đó đặt tên vua là Thích Ca A Dục (ông vua hay làm điều nhân từ).

Trong nước nhà vua trọng những người hiền hiểu, trừng trị kẻ hoang dâm, cấm hẳn sự xa hoa cờ bạc, săn bắn, triệt để không rượu chè đàng điếm, người già cả bệnh hoạn được săn sóc chu đáo, nhà nhà đều thờ Phật, trọng Tăng tu Pháp “Thập thiện” (*). Nếu ai phạm một trong năm điều răn phải bị trục xuất ra khỏi nước. Nhờ vậy, không bao lâu trong nước trở lại thái bình an lạc.

(trích **TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO**, Tập 1, của Thích Minh Chiếu sưu tập)

* Thập thiện: Mười điều lành. Thân không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm. Miệng không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói độc ác. Ý không tham lam, không giận dữ và không si mê.

TÂM LINH CÂY CỎ VÀ CON NGƯỜI

Nguyễn Mộng Khôi

Giữa thập niên sáu mươi, nhà Bác học Cleve Backster chế ra máy Đo Nói Dối, người Mỹ gọi là *Lie Detector* hay *Polygraph*. Máy này có thể phát hiện những thay đổi về mạch đập, những bất thường của nhịp thở, v.v... mà Backster cho rằng do tinh thần căng thẳng, không giữ được bình tĩnh khi người bị thẩm vấn có những điều uẩn khúc, những chuyện muốn giấu giếm. Cơ quan Trung Ương Tình Báo (CIA) dùng Lie Detector để điều tra những nghi can. Họ thấy máy này đem lại kết quả tốt nên năm 1986 Backster được CIA mời ra cộng tác và sau đó được cử làm Giám Đốc Trường Huấn Luyện Đo Nói Dối và Sở Nghiên Cứu Backster (Polygraph Instruction School and The Backster Research Foundation) ở San Diego California. Từ đó, tên tuổi Ông được nhiều người biết đến, nhưng Ông chỉ thật sự nổi danh và được các khoa học gia thế giới cảm phục khi Ông tình cờ tìm ra thảo mộc có tâm linh hay là cây cỏ có khả năng biết được ý định của con người.

Một buổi sáng được nghỉ, Ông ngồi ngắm những chậu hoa, những chậu cây trong nhà, như một nhân duyên, Ông chú ý đến một cây cỏ lá to và dày như lá đa trong một chậu cảnh, đã một tuần không được tưới nước, đất khô, thân cây cũng khô. Ông bỗng nảy ra ý định:

- Thử cắm hai đầu dây của một điện kế (galvanometer) cực nhạy vào cái lá rồi tưới nước vào gốc cây.

Nước dần dần lên thân và lá, nhưng cây kim điện kế vẫn đứng im. Rồi một ý nghĩ khác đến với Ông:

- Hay là thử đốt chiếc lá này xem sao? Ông chỉ mới có ý nghĩ đốt chiếc lá tức thì kim điện kế bỗng nhảy lên như bị điện giật. Ông tự hỏi, chẳng lẽ Ông nhìn lầm? Chẳng lẽ lá cây đọc được tư tưởng của Ông mà biểu lộ phản ứng sợ hãi hay sao?

Nghĩ như vậy Ông làm thử lần thứ hai. Tay cầm hộp quẹt như sắp sửa đốt chiếc lá, nhưng Backster tự nhủ sẽ không đốt; thì điện kế cũng không nhúc nhích.

Lần thứ ba Ông nhất định sẽ đốt chiếc lá. Lúc đó trong phòng lặng gió kim điện kế đột nhiên nhảy mạnh.

Nhìn chiếc lá bị đốt một phần Backster thấy sung sướng trong lòng vì sự tình cờ mà biết được linh tính lá cây. Sự khám phá này làm Ông thích thú hơn là phát minh ra máy Đo Nói Dối hồi ba thập niên trước. Ông muốn công bố ngay cho mọi người biết. Nhưng Ông kịp ngừng lại, thái độ đúng của nhà khoa học là phải thử nghiệm đầy đủ, khách quan để không đưa tới kết luận sai lầm, thiên kiến và chủ quan...



rồi, Ông định phát triển, nghiên cứu sang nhiều loài thảo mộc khác. Có tới 25 loại cây cỏ được nghiên cứu gồm nhiều loại lá, loại quả và loại củ.

Sau những cuộc nghiên cứu thận trọng của Ông và các cộng sự viên. Ông chính thức công bố rằng:

- Cây cỏ có trực giác tâm linh

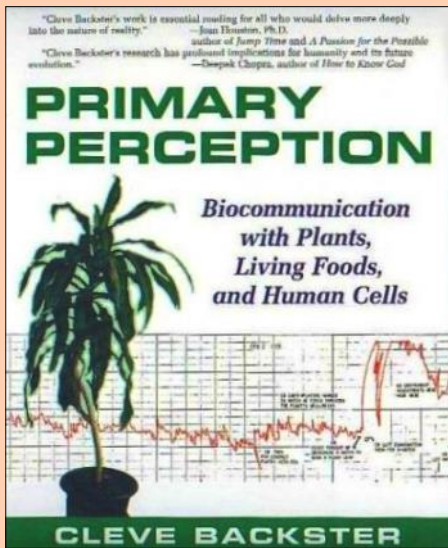
Chúng không có mắt, tai, mũi, miệng; không có óc;

không có thần kinh hệ... thì cái biết của chúng hẳn phải khác với cái biết của con người. Con người có giác quan nhưng không có trực giác tâm linh như chúng. Dù một bác sĩ tâm lý giỏi cũng không biết được ý định của một kẻ điên khùng sắp đốt nhà mình. Suy nghĩ như vậy làm cho Backster phấn khởi Ông mở rộng cơ sở nghiên cứu và càng khám phá ra những điều mới lạ. Từng mảnh lá tách rời cũng phản ứng như nêu ở trên và người ta gọi là Phản Ứng Backster. Nhà Sinh thực vật (biologist) Ingo Swann, theo dõi cuộc nghiên cứu của Backster và viết trong quyển *The Real Story* (chuyện có thật). Quyển sách được phát hành ngày 15-11-1998 trong đó có đoạn:

- Sự nghiên cứu (của Backster) khởi đầu chỉ là một khám phá hầu như tình cờ vào năm 1996 là thực vật có khả năng nhận thức và tự động đáp ứng những xúc cảm mạnh thuận theo ý chí con người... những cây cỏ của bạn, biết là bạn đang nghĩ gì (His research started with the 1996 almost accidental rediscovery that plants are sentient and respond to the spontaneous emotions and strongly express intentions of relevant humans... Your plants know what you are thinking).

Phản ứng Backster còn đi sâu xa hơn và cho biết thêm là cây cỏ phản ứng không phải trước những mối nguy do con người tạo ra, mà cả những bất trắc, không tạo ra bằng ý định. Một con chó bắt thần bước vào phòng, một người vốn ghét cây cỏ đi





tới cũng làm điện kế nhảy. Những cử động của một con nhện tiến đến, cũng gây phản ứng cho cây. Ông Backster đã làm thí nghiệm và chứng minh những điều đó trước các sinh viên trường Đại Học Yale (Hoa Kỳ) trong trường hợp trên, một khi có người tới đuổi nhện và ngay trước khi nhện chạy đi kim điện kế đã hạ xuống. Y như là trước khi nhện chạy thì cái quyết định rút lui của nó đã được cây tiếp nhận. Cây đã thấy hết

nguy hiểm và không phản ứng nữa.

Một cuộc thí nghiệm khác chứng minh rằng khi sống cạnh nhau, cây để ý cạnh chừng nhau sợ bị quấy rầy nhưng khi có một động vật tới gần, mỗi nguy gần hơn cây cỏ quay sang cạnh chừng động vật.

Những điều còn làm cho chúng ta kinh ngạc là cây có trí nhớ và tình cảm. Chúng nhận biết những kẻ chuyên phá hoại hoặc những người hay chăm sóc chúng. Ông Charles A. Lewis trong quyển Ý Nghĩa Của Cây Cỏ Trong Đời Sống Chúng Ta (*The Meaning of Plants in our Lives*) viết:

- Sự say mê nghiên cứu về những liên kết giữa cây cỏ với tâm trí con người mà những tương tác làm tăng thêm hạnh phúc ở ngoại cảnh và môi trường có tác động đến đời sống con người (*Fascinating research can lead to enhanced well-being and an appreciation of the environment*).

Một gia đình an vui, hạnh phúc, cây cỏ trong nhà cũng tươi tốt. Khi người chăm sóc cây cối, cái tương tác tâm linh giữa **Cây và Người** làm cho cả hai đều khỏe mạnh hơn. Đó là lý do tại sao những cây mọc gần nhà thường tốt hơn những cây mọc xa. Vậy chúng ta hãy nâng niu, trân trọng từng cọng cây chiếc lá. **Hãy dành một chút thì giờ để chăm sóc cây cỏ và vườn tươi** (lawn and garden) sức khỏe chúng ta có thể nhờ đó mà tốt hơn. Ngược lại những người thường xuyên chặt phá cây cối thường gặp điều kém may mắn hay nhiễm bệnh là vì khi cây bị xâm phạm, phản ứng tâm linh yếu ớt của cây đánh vào thủ phạm. Mỗi lần một ít, lâu dần người đồn cây sẽ bị bệnh nặng. Có thể người xưa sống an vui, hạnh phúc vì cái thú Điện Viên chăng?

Các nhà sinh thực học thế giới rất hứng thú đang dõi theo cuộc nghiên cứu của Backster, hiện đã có 7000 nhà bác học yêu cầu Ông thông báo cho biết kết quả nghiên cứu kèm theo các tài liệu khoa học. Những máy móc tối tân hơn được Ông đầu nhận, nhất là những máy ghi các nhịp luồng điện. Và cuộc nghiên cứu được tiến hành với kế hoạch tinh vi, được ghi chép đầy đủ. Các tài liệu được thu thập và xếp loại cẩn thận.

Nếu Backster chứng nghiệm được Tâm Linh Cây Cỏ thì kỹ sư Kirlian đã chụp được hào quang của chúng. Kirlian, tên đầy đủ là **Semyon Davidovich Kirlian(1900-1980)** sinh tại tỉnh Krasnoda, xứ Armenia nước Nga. Năm 1939 Ông cùng vợ là Valentina đã phát minh ra máy Chụp Hào

Quang gọi là Kirlian Electrophotographic Camera (gọi tắt là máy Kirlian). Ông bà này đã áp dụng từ trường của điện vào thuật chụp hình của sinh thực vật (Bio Electrography). Một tấm ảnh chụp chiếc lá của máy Kirlian hiện ra như một thể giới điểm sáng. Chung quanh nó là hào quang (Corona). Những tia lửa nhỏ màu ngọc lam, màu da cam, phát ra từ trung tâm và đi xa theo những kinh xác định. Không phải chỉ lá mới có hào quang. Cây càng lớn, càng già, hào quang càng rực rỡ và Trường Sinh Lực (bio field) càng mạnh. Trường Sinh Lực (TSL) chính là sức mạnh vô hình của thảo mộc. Có những tiểu phụ vừa đốn xong một đại thụ bỗng lảo đảo ra chết. Có thể người này đã chặt phải một linh mộc có TSL quá mạnh.

Trong tín ngưỡng nhân gian ta, có tục thờ cây đa. Bên gốc đa già, thường có một cái miếu nhỏ, đặt bát hương, những chiếc bình vôi, để hương khói cho Thần Linh. Do kinh nghiệm của cha ông truyền lại thì cây lớn có Thần lớn, cây nhỏ có Thần nhỏ:

- *Thần cây đa, ma cây gạo.*

Trong kho tàng văn chương bình dân, ta còn thấy những câu tục ngữ xưa, cổ ý răn đe, những người chặt cây, phá rừng. Đó là nghề nguy hiểm nhất:

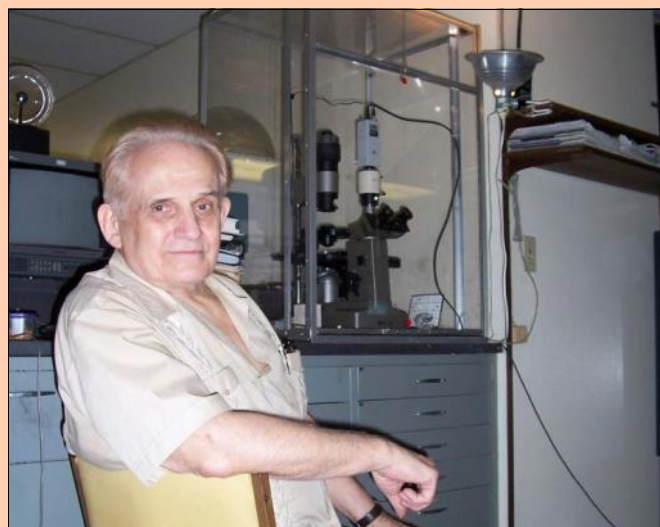
- *Nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá.*

Nhờ sự khám phá về năng lực sinh học và hào quang của thảo mộc. Một số khoa học gia người Nga thực nghiệm rằng, rau cỏ (vegetable) nào có hào quang càng sáng thì càng nhiều bổ dưỡng ẩm thực. Họ nói:

- Hào quang của rau cỏ giảm bớt khi bị nấu chín. Những tấm hình Kirlian cho thấy rau sống có hào quang chói sáng hơn rau luộc. (A Kirlian photograph of a raw vegetable shows a brighter and more defined corona than a cooked one).

Nhiều bác sĩ Tây Phương gần đây cũng đồng ý và viết thành sách. Họ khuyên chúng ta nên dùng thực phẩm tươi. Một tờ báo ở Thụy sĩ ca ngợi bác sĩ Bircher Benner:

- **Bác sĩ Bircher Benner, người đổi mới những bữa ăn điểm tâm không nấu chín** thức ăn trong dưỡng đường của ông ở Thụy sĩ. Ông khuyên rằng thức ăn tươi luôn dùng trước bữa ăn đã nấu nướng, Ông tin chắc thức ăn tươi làm kích thích hoạt động điện của tế bào, vì vậy tăng cường sinh lực cũng như toàn bộ tiêu hóa được tốt hơn(DR. Bircher





Benner innovator of Swiss Muesli for use in his clinic in Switzerland, advised that raw food always be taken first, before cooked meal. He believed that raw food stimulate the electrical activity of cells thereby enhancing the vitality as well as improving the rohole digestive process).

Động vật cũng có trường sinh lực và tác động mạnh mẽ tới con người. **Trong tạp chí y khoa Health Care số 2-2000** có ghi những điều đáng chú ý giữa con người và vật nuôi làm cảnh (Pet) như sau:

- Những người yêu thích súc vật và nuôi

làm cảnh trong nhà như: Chó, mèo, chim, cá, gà, v.v... thường có sức khỏe tốt hơn và sống lâu hơn. Những bệnh nhân bị áp huyết cao, bệnh đau tim, bệnh trầm cảm (depression) cũng lợi lạc hơn những người không nuôi một động vật nào. Các cuộc thử nghiệm của một số bác sĩ Tâm Bệnh Lý (Psychologist) Mỹ và Úc cho biết số người bị tắc mạch máu đã giảm đi hai lần và số người có chất mỡ (cholesterol) cao trong máu sẽ giảm đi nếu chủ nhà có nuôi vài con pets.

Nhóm khoa học gia thuộc viện đại học U.S.C Tiểu Bang California còn đi xa hơn trong lãnh vực này. Họ bảo bệnh Alzheimer dường như phục hồi trí nhớ và cả đến nạn nhân của tử thần AIDS cảm thấy lạc quan và tỏ ra yêu đời hơn khi họ được làm chủ một con vật mà họ ưa thích.

- Con người cũng có Trường Tâm Linh,

Trường Sinh Lực như thực vật và động vật. Kirlian đã chụp hình bàn tay và ngón tay đều có hào quang, giống như hào quang của chiếc lá. Hào quang này bước đầu cho biết về tình trạng sức khỏe của các sinh vật rồi tới tâm trạng của các sinh vật đó. Khi sức khỏe hoặc tâm trạng thay đổi thì hào quang đó đổi thay theo. Nhiều bác sĩ người Nga khẳng định và viết trong sách Y Học của họ...

Trong quá khứ, hình chụp Kirlian được dùng vào nhiều mục liên quan tới diện mạo, thần sắc của sức khỏe và tâm/sinh lý. Hình ảnh thật rõ ràng trong sự tiên đoán những hiện trạng bệnh tật như nhiều hình thức Ung Thư, những bệnh về Bướu, Phong thấp, Xương khớp Xương, bệnh Thần Kinh, bệnh Suy Nhược v.v... Họ tin chắc hình chụp Kirlian có thể tiên đoán những bệnh từ lúc khởi đầu ngay trước khi có những triệu chứng phát hiện nó là một dụng cụ rất ích lợi để đoán trước bệnh (...Kirlian photography has been used in the past for a variety of purpose relating to psycho/physiological aspects of health. It has been clearly shown to be effective in diagnosing conditions such as the various forms of cancer, Cystic, fibrosis, Rheumatoid, Arthritis, Schizophrenia, Depression and Others. It is believed that Kirlian photography can predict the onset of disease prior to symptoms showing, making it a useful tool in early diagnosis)

Một số thống kê mới đây cho thấy rằng, người độc thân mau chết hơn người có gia đình. Ban đầu

các nhà y học đánh giá là do vấn đề sinh hoạt tình dục. Nhưng ngay cả những người độc thân có quan hệ tình dục ngoài hôn nhân cũng vẫn chết sớm. Người ta lại cho rằng khi có gia đình ổn định, con người được chăm sóc tốt hơn nên sức khỏe cải thiện hơn. Thật ra đó chỉ là lý do phụ, lý do chính là tình thương yêu chân thật của vợ chồng đã tạo ra Năng Lực Tâm Linh (hay TSL) làm cho khỏe hơn.

Những huyết đạo (sensitive points of body) trong khoa châm cứu (Acupuncture) Đông y hình như có liên quan đến vùng Không Gian Tâm Linh của con người. Đến ngày nay Tây y đã công nhận huyết đạo là có thật. Khi châm cái kim hoặc kích thích vào một huyết đạo thì nó có tác dụng lên cơ thể. Điển hình nhất là Châm (puncture) gây Tê (numb) trong giải phẫu Y học Tây Phương phải dùng thuốc tê để làm tê liệt các thần kinh rồi mới mổ xẻ. Các nhà châm cứu Đông Y chỉ việc châm một số huyết vào phần cơ thể là họ có thể giải phẫu bình thường. Các tác dụng cụ thể của huyết đạo buộc các Bác Sĩ Tây Y phải công nhận là có huyết đạo. Nhưng nó nằm ở đâu thì không ai thấy.

Các Bác Sĩ Tây y lấy dao mổ ra, họ không thấy gì ở trong và cũng không thấy một sự liên hệ của Huyết Đạo đó với các thần kinh chung quanh, Huyết Đạo Hoàn Toàn Không nhưng mà tác dụng của nó thì Có Thật và các huyết đó nối nhau thành một hệ thống huyết đạo (Đường của những huyết). Trong cơ thể con người có nhiều đường. Đường Kinh Nhâm đi từ môi dưới xuống trước hậu môn. Đường Đốc Kinh đi từ hậu môn tới đỉnh đầu rồi đi về phía môi trên. Còn có Đường Kinh khác như là Túc Thái Dương, Bàng Quang Kinh, v.v... những hệ thống kinh Huyết này chứng tỏ một cách chắc chắn rằng Cơ Thể Này Ngoài Cấu Trúc vật Chất, Còn Có Một Cấu Trúc Tâm Linh Vô Hình rất là thật mà qua các Huyết mình mới hiểu được nó.

Qua những sự nghiên cứu của Backster, Swann, Lewis, Kirlians... chúng ta rút ra một hệ luận, không gian tâm linh tuy vô hình nhưng có tác dụng. Những ý nghĩ thầm kín của chúng ta vẫn lặng lẽ tạo nghiệp. Đối với những người hiểu luật Nghiệp Báo, hiểu rõ sức ảnh hưởng của Tư Tưởng và môi trường chung, họ sẽ giữ tâm hồn để không bị nhiễm bẩn bởi các dòng tư tưởng ác trong không gian, đồng thời họ chân thành cầu nguyện cho mọi người đều tốt đẹp, họ thường rải tâm từ bi đến muôn loài, từ con người, con thú đến tận cây cỏ lá hoa.

Nguyễn Mộng Khôi



TRĂNG, TRĂNG, TRĂNG...

I

Hôm nay ốm, ba vách tường tắm tối
Cửa sổ mềm óng ánh bóng trăng loang.
Đêm ngộp thở há mồm chờ trăng tới.
Tóc rối bời, mây xám chặn đường trăng!

II

Trưa tỉnh giấc thấy thềm trăng chi lạ!
Mong trời chiều mau tới để nhìn trăng.
Đêm nay hồi! Mới là đêm hăm tám
Đành đưa chân, cúi mặt bước lang thang.

III

Lên tiếng gọi, giật mình trăng trở giấc,
Mây gói đầu che khuất nửa bờ mơ.
Dư âm cũ, hương vàng còn ngây ngất
Sóng Ngân Hà ve vuốt giấc ngây thơ.

IV

Chiều nay hứng, kêu trăng về ngôi nhậu,
Ly cụng mây, gió cuốn bọt trần ai.
Nào ai biết địa tuyến hay thiên tửu?
Quơ tay ôm, trăng một bỗng thành hai!

V

Đêm nay vội, quên chào trăng đi ngủ
Trăng đôi hồn trắng muốt chiếu chặn voi
Nằm thao thức nhớ vòng trăng quyến rũ.
Ngoài sân vàng êm ả lá trăng trôi.

VI

Đêm nay hứng, pha trăng vào rượu uống
Màu rượu nồng thâm tím máu trăng non.
Môi đỏ chớm men nồng say chaoáng choáng.
Lưỡi cuồng tê hồn trăng đại mồi mơn.

VII

Đêm nay ghen, ta khóa trăng vào huyết.
Chôn trăng xong ta trở lại dương trần.
Trời tắm tối, cỏ cây buồn ly biệt
Màu đêm thâm rữ ủa dáng trăng tan.



VIII

Tối nay giận, không thềm nhìn trăng mọc.
Trời mây đen gió xám cũng vậy thôi!
Lòng gợn chút nhớ nhung khuôn ngà ngọc,
Trộm nhìn trời... xem chú Cuội ngôi chơi.

IX

Đêm nay nóng, cởi truồng ra bãi tắm,
Thấy trăng nằm ngoan ngoãn dưới hồ bơi.
Ta vùng vẫy cho gân long cốt giãn
Trăng rùng mình, co quắp, nhúm da trôi.

X

Thôi, không nói, không thềm nhìn trăng nữa.
Đêm ba mươi cũng sáng khoái như thường.
Rượu vẫn ngon bạn bè năm bảy khứa
Nhậu say rồi... gác căng đọc thơ... hoang.

thơ

LƯU TRỌNG TƯỜNG

Mây bay mùa thu

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Từng sát na đi qua nhanh, hình như rất ít người để ý đến nó, nhưng nó vẫn luôn hiện hữu, cho đến khi nghe tin một người thân qua đời mới giật mình nhìn lại. Thì ra đời thật vô thường như thông điệp mây ngàn năm Đức Thế Tôn đã khuyên dạy, nhưng hàng phàm phu của chúng ta thì quá thờ ơ, cứ chạy theo trần gian ảo ảnh, có những lúc quên mình là ai. Những tháng ngày qua nhanh, mới gặp nhau buổi sáng, chiều đến phút chốc chia tay nghìn trùng, cuộc tương ngộ khó mà gặp lại. Ai biết được ngày mai, ai còn ai mất, trong cuộc sống vô thường này. Cho nên:

*"Ngày kia vô thường đến
Nhơn sanh là giấc mộng
Giàu sang đều bỏ lại
Chỉ nghiệp quả theo chân."*

Lời Đức Phật dạy, miệng vẫn đọc lầu lầu nhưng nước mắt vẫn rơi trước cảnh sinh ly tử biệt. Tin em qua đời thật quá bất ngờ! Tối thứ Tư, thứ Năm em có mặt ở chùa, ngày thứ Sáu em đi đám tang một bạn đạo, sáng thứ Bảy em vào bệnh viện, ai đâu ngờ một lần bệnh là vĩnh biệt dương trần, kể từ đó mọi người đã mất hẳn em rồi! Cho dù có rất nhiều dụng cụ y khoa tối tân giúp em hồi phục mạng sống, nhưng số mạng ngăn ngại em đành tử giả cuộc đời. Em ra đi để lại hai con nhỏ đang rất cần sự chăm sóc an ủi vỗ về của người mẹ hiền, và người bạn đời trong nhiều năm chia xẻ đắng cay bùi ngọt với em. Hẹn thế nửa hai đấng song thân vẫn còn, tre già mà khóc măng non! Thấy phụ thân em đến rờ mặt rờ trán em, miệng thì niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thân mẫu thì đau đớn khóc ngất gọi tên em, còn cảnh nào đau lòng hơn thế nữa! Thật đúng:

"Canh khuya một ngọn đèn

mờ

Nhớ con đứng tựa bàn thờ

khóc con

Gió mưa từ thưở mằng non

*Bóng trắng khi lớn chưa tròn
đã lu."*

Em nằm đó gương mặt rất thanh thản, bình an, mọi người đang chung một mục đích, thành tâm tha thiết niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, cầu nguyện em vắng sanh miền cực lạc. Rất nhiều Tăng Ni, người thân, anh chị em trong gia đình, pháp lữ hộ niệm cho em. Tiếng niệm Phật vang một góc trời, bao con tim đang hướng về em. Nhưng, sao trên mắt trái của em, rất nhiều người thấy có một giọt nước mắt còn đọng lại trên đó, mặc dầu em đã đi vào giấc ngủ ngàn thu. Có phải chẳng từ trái tim thương yêu những người thân thương, tạo nên một giọt nước mắt như vậy? Em không đành ra đi vì bốn phận làm con, làm vợ, làm mẹ em chưa làm xong, nhưng duyên nghiệp phải chấp nhận? Những y tá chăm sóc em họ không tin vì cho rằng khi bộ não không còn làm việc thì mọi cảm xúc không còn, nhưng có những vấn đề tâm linh thì khoa học cũng không giải thích được. Em sống rất đơn giản, luôn trải lòng mình cho mọi người, hy sinh quên cả thân mình đang có bệnh. Tôi có ý nghĩ thầm tiếc cho em, tại sao em không lo cho thân mình, vì hai con nhỏ, vì gia đình bé nhỏ của mình, nhưng có lẽ mỗi người có một suy nghĩ riêng, một hạnh nguyện riêng. Thôi thì, em đã ra đi biết nói gì bây giờ nữa!

Đứng cạnh quan tài em, không ngăn được giọng nước mắt, khi nhìn hai đứa con nhỏ của em. Con bé, thẳng bé buồn lắm, ở trong bệnh viện nằm chặt tay mẹ mặc cho giọng lệ tuôn tràn không dứt, nhưng miệng thì niệm Phật không ngừng; bây giờ thì đầu đội khăn tang, đứng lạy tạ lễ cho mẹ khi có người đi phúng điếu, ai thấy cảnh đó thương em thì ít mà thương hai nhỏ quá đi thôi. Hai nhỏ không nói nhưng tôi hiểu tâm trạng của chúng:

*"Hỡi trời cao xa thăm
Thấu hiểu nỗi lòng tôi*

*Từ trần gian cát bụi
Tôi đã mất mẹ rồi."*

Bạn đời của em mới hai ngày mà thấy già hẳn đi, gương mặt thất thần, hốc hác như không tin đó là sự thật. Kể từ đây cảnh gà trống nuôi con, nhà trước ngõ sau vắng người bạn tâm giao, còn nỗi buồn nào hơn! Nhưng có niềm an ủi lớn là hai vợ chồng em có gieo nhiều thiện duyên với Tam bảo, có nhiều Tăng Ni, pháp lữ, thân quyến trợ duyên nên nỗi buồn cũng vơi bớt phần nào, hy vọng thời gian sẽ là liều thuốc xoa dịu tất cả, để người chồng thân yếu của em tiếp tục sống vui và lo cho tương lai của hai đứa nhỏ. Hình như em có linh cảm cho lần ra đi, theo lời chồng em kể lại rất ít khi em vào phòng con trai của em, nhưng không hiểu tại sao sáng thứ Bảy định mệnh đổ em lại vào giường con trai, nằm một lát thì em đi bệnh viện. Có lẽ tình cảm thiêng liêng giữa mẹ và con mà em có những hành động như vậy, nhưng chính bản thân em và người thân cũng không biết tại sao.

Giờ này em đang hạnh phúc, tiêu điều miền tịnh cảnh, không còn những đau thương trần trở của một kiếp người. Những phước thiện em làm lúc còn sanh tiền đã thể hiện trong những ngày tang lễ của em: tiếng niệm Phật vẫn không dứt, cho đến khi xác thân em trở thành tro bụi. Thu Vân, thật đúng với tên em, em như đám mây bay vào bầu trời mùa thu năm nay. Mây không giận khi những cơn gió mạnh đưa mây đi đến phương trời vô định, mây không buồn lúc ánh nắng chói chang che khuất bạn mây. Bây giờ mây chỉ biết vui đùa với gió mát trắng thanh ngút ngàn, không còn một niệm được-mất, hơn-thua của nhân tình thế thái.

Hiện tại em đang mỉm cười thanh thản ngồi an vị tại chùa Bát Nhã, em không còn lo là không có nhiều thời gian để đi chùa, để cùng các bạn làm việc thiện nguyện nữa, vì bây giờ nhà em là chùa Bát Nhã. Chỉ xin em một điều luôn gia hộ cho chồng em đủ nghị lực, nhiều sức khỏe để lo cho hai đứa trẻ vượt qua mọi khó khăn trước mặt, và hai nhỏ đủ cam đảm sống an lành suốt cuộc đời không còn Mẹ để được nương nụ, vò vò vĩnh che chở khi tuổi đời còn thơ dại.

Thân chào em.

CHUYỂN HÓA TÂM THỨC

1 - TÂM XÀ

Tâm xà ác độc thật bi ai
Giết hại chúng sinh tội lỗi thay!
Nhân quả cõi trần không tránh khỏi
Kiếp sau trả nghiệp đã gây này...!

2 - TÂM ĐỜI

Tâm đời đau khổ bởi lòng tham
Tham ái, tham danh, tài sản ham...
Sân hận, si mê đời huyền mộng!
Ra đi hồi hận với tâm phàm.

3 - TÂM THIỀN

Tâm thiền thương người an ủi ngay
Động lòng khi thấy cảnh bi ai.
Chúng sinh cứu giúp không vô cảm!
Nghiệp ác không làm tránh họa tai.

4 - VỌNG TÂM

Tâm viên - vọng tưởng lắm ưu phiền
Ý mã - quán quanh mãi chẳng yên.
Trí não mệt như vì tưởng nhỏ!
Thần kinh căng thẳng phải hành thiền.

5 - TÂM THIỀN

Tâm thiền tỉnh thức chẳng say mê!
Trần cảnh đổi thay mãi não nề...
Không chấp, không tham, không bám víu
Giữ tâm tĩnh lặng chẳng khen chê..!

6 - TÂM ĐẠO

Tâm đạo từ bi hi xả lòng
Chúng sinh cứu giúp chẳng cầu mong.
Cuộc đời ý nghĩa do nhân tốt!
Tĩnh lặng hồ thu nước lặng trong.



7 - TÂM BỒ TÁT

Bồ Tát hi sinh cứu giúp đời
Tâm từ trải rộng khắp muôn nơi...
Chúng sinh cứu khổ qua tai ách!
Sâu rộng tình thương tựa biển khơi.

8 - CHÂN TÂM

Chân tâm - trí tuệ luôn trong sáng
Phân biệt chánh tà ở thế gian.
Không vọng tưởng si mê vương mắc!
Tâm thiền nhập định thật khinh an.

9 - TÂM PHẬT

Tâm Phật - ngộ rồi nơi thế gian
Thấy đời biến khổ quá làm than...
Quay về bờ giác tu siêu thoát!
Vĩnh viễn Niết Bàn thật lạc an.

thơ

MINH LƯƠNG TRƯỞNG MINH SUNG

Thu về trên đất Cali

NGUYỆT BÌNH



Tiết trời vẫn vũ thay đổi qua bốn mùa. Hôm nay trời vào Thu thật là ấm áp, dịu dàng, ôn hòa, dễ chịu. Trả lại cái nóng bức của ngày hè, oi ức, chói chang, khô khốc. Cái ưu điểm của tiết thu dường như cũng hòa điệu với cuộc sống của con người. Nên con người cũng có những cảm giác tương tự như thế. Như mọi khi vào khoảng 3 giờ sáng là giờ tĩnh tâm. Vừa thức dậy, thay vì sửa soạn cho việc tọa thiền, tôi lại dạo một vòng ra sân nhà ngắm trăng thu.

Bầu trời trong vắt, ánh trăng bằng bạc lan tỏa khắp nơi phủ trùm lên vạn vật như chia xẻ sự mát rượi êm đềm. Bầu trời lại điểm xuyết với muôn vạn vì sao lấp lánh như những hạt kim cương tuyệt đẹp. Quanh tôi, những chậu hoa hồng, hoa thược dược, hoa cúc, hoa cánh bướm, hoa pansé đang lặng lẽ thường trắng. Đặc biệt nhất là chậu hoa ngọc lan tỏa hương thơm ngào ngạt về đêm. Bên cạnh cây hoa kèn lại nở rộ như những cái chuông được mắc lên những cành cây, nó cũng có mùi thơm man mác, thật tuyệt vời cho một đêm trăng.

Chao ôi! Lòng tôi bỗng lâng lâng như lạc vào một cảnh thần tiên đầu đó, như trong huyền thoại "Tây Du Ký" cũng có bao nhiêu cảnh sắc tương tự cho ta thường ngoạn, v.v... Giữa lúc này, tôi ước gì ai ai cũng thường thức chứng kiến và cảm nhận được những ân sủng của đất trời dành cho con người, sự trong sáng vui tươi, sự mát rượi dễ chịu, sự lâng lâng thoải mái, sự ngọt ngào nồng nàn, sự yêu thương ấm áp...

Với những ưu điểm tuyệt diệu đó, nên bao nhiêu văn nhân, thi sĩ không ngớt lời ca tụng mùa thu, ca tụng ánh trăng thu. Những ưu điểm của thu thật dễ dàng đưa tâm hồn người trở về nguyên thủy, về sự hồn nhiên thơ ngây, trong sáng như trẻ thơ, về sự vô ưu tuyệt vời như bông hoa nở. Có lẽ đó cũng là lý do mà người ta chọn rằm tháng tám làm "Tết Nhi Đồng."

Thật vậy, không gì sung sướng hơn, thoải mái hơn, khi con người ở tuổi nhi đồng. Ở cái tuổi mà tâm hồn tự nhiên như đất trời dưới ánh trăng thu vậy. Nếu chúng ta đưa tâm hồn mình trở lại tuổi ấu thơ, chúng ta sẽ cảm nhận được sự vô tư, êm ái, thoải mái, dịu dàng. Sự mát mẻ dễ chịu và đầy yêu thương, đầy lùi những dằn co khắc nghiệt, những đấu tranh áp bức những căng thẳng xung đột đầy đột ngột của cuộc sống như những ngày hè oi bức, chói chang, khó chịu vì nóng và khô.

Nóng này thường làm cho con người trở nên giận dữ, hung hăng táo tợn, dễ gây ra tai họa, khô khốc làm cho ta trở nên khao khát, khó chịu, quay cuồng, bất an, làm cho ta trở nên bệnh hoạn. Nóng làm cho ta nôn nao, hồi hã, hấp tấp, chối bỏ thực tại, vướn tới phía trước để chụp bắt, để ước mơ... Nóng làm cho ta trở nên cuồng nhiệt, lao vào mọi tình huống để thu nhiều thắng lợi mà ta cho đó là điều nằm chắc. Nóng làm cho ta hốt hoảng, vội vàng khi quyết định một điều gì bất ổn chưa có lối thoát có khi phải bỏ mạng vì một chuyện không đâu.

Khô làm cho ta trở nên bảo thủ, bám víu, chấp thủ những sai lầm có khi chúng ta không biết được. Khô làm cho ta trở nên rằn ròi, có khi ác độc thiếu tình người, v.v...

Với tôi, đất trời Cali là nơi hội tụ những điều kiện tốt đẹp nhất dành cho con người; và tôi là người được may mắn đặt chân nơi vùng đất này đầu tiên sau khi rời xa đất mẹ.

Có người nói: "Về Cali đời sống xô bồ, phức tạp, rộn ràng, tấp nập, lại nữa đất đỏ khó khăn v.v..." Đó là cách nhìn cùng quan điểm của họ. Theo tôi, ở đâu thiên nhiên đãi ngộ cho phù hợp với đời sống của con người là quý. Các yếu tố bên ngoài do con người làm nên thì con người có thể tùy tâm mà chuyển cảnh cho phù hợp với cuộc sống của mình. Nếu biết sống tri túc thì

không nơi nào là nơi khó khăn cho mình cả. Còn chuyện xô bồ, tấp nập, rộn ràng thì lại càng dễ dàng cho mình giải quyết cho thích hợp.

Cali không đương đầu với tuyết băng lạnh cóng và hiểm trở, Cali không đối diện với bão bùng gió xoáy. Cali không có cái nóng cháy bỏng làm chết người, v.v...

Những điều kiện thiên nhiên hòa hợp với cuộc sống của con người có khi cũng nhắc nhở cho con người sống hòa điệu theo cảnh sắc thiên nhiên. Thay vì chúng ta đi trên con đường đầy tuyết băng lạnh cóng hay con đường nóng bức cỏ cháy cây khô... ta lại được ung dung trên con đường đầy hoa thơm cỏ lạ với ánh nắng ấm áp hiền hòa lan tỏa. Kèm theo những ngọn gió thu nhẹ đưa hương, ủa vào lòng người như nhắc nhở ta cái thanh thản, thoải mái khi trở về nguồn cội. Thêm vào đó, thu về trên đất Cali lại càng điều hợp lòng người. Người ta thường ví lòng người tròn đủ, trong sáng, tươi đẹp như trăng.

Tuy vậy, tôi thiết nghĩ ngắm trăng thu thì rất dễ, mà ngắm trăng lòng thì hơi khó. Chỉ trừ khi ta chịu dừng chân, tức là dừng tâm hướng nội để thường ngoạn ánh trăng nội tại ta sẽ thấy vô cùng kỳ diệu tuyệt vời, thông suốt cả trong lẫn ngoài ngoại giới và ta sẽ cảm nhận được sự hỷ lạc vô vàn của trăng tâm. Trăng tâm có khác với trăng ở ngoài vì không có hình có dáng (có mà không, không mà có). Chỉ duy nhất một sự trong sáng diệu mát không có gì có thể so sánh được. Tuyệt diệu vô ưu, hồn nhiên thoải mái, hỷ lạc tràn đầy. Mà muốn được như thế ta phải trả giá bằng thực hành thiền định, và đó cũng là sự đãi ngộ vô cùng quý giá, là ân phước lớn lao mà Pháp Phật dành cho con người chúng ta.

Suốt kiếp nhân sinh với bao thăng trầm chìm nổi, con người lắm lúc cũng mệt mỏi vì thân phận. Khi trở lại chính mình ta bỗng hốt hăng như thiếu một điều gì, bỗng hoang mang lo sợ bởi đối đầu với được-mất, hơn-thua, cho đến khi xuôi tay ta bỗng

rã rời và rồi lặng lẽ bỏ lại đằng sau tất cả, chẳng còn gì.

Vậy, ngay trong kiếp sống này, bất luận tuổi nào, thời gian nào cũng đều có cơ hội cho ta quay về với chính mình một cách an ổn, vững vàng, khẳng định một cách rõ ràng lý do sự có mặt của mình giữa cuộc đời, với giá trị của sự hiện diện ấy. Để rồi, khi ta ra đi với đầy đủ ý nghĩa. Ra đi trong an vui, mang theo khăn gói là ánh trăng thu tròn đủ, mãn túc kèm với bản hòa tấu vi diệu của nhạc trời nội tại. Lúc đó, ta lại đứng mảnh hăng hái lên đường về quê cũ trong một tình thương bao la của đất trời. Và đó cũng là phần thưởng mà Phật giáo đã ban cho chúng tôi qua việc thực hành thiền định Pháp môn Quán Âm.



Chúng tôi thiết nghĩ, đây là một pháp môn vô cùng hy hữu, giúp chúng ta trực diện với trăng tâm. Lúc ấy chúng ta có thể tha hồ thưởng ngoạn sự sung mãn lòng mình với hương lạ, nhạc trời, cảnh Phật Tây Phương rõ bày trước mắt như trong Di Đà sớm muộn kê tán đã ghi lại một cách rõ ràng. Trăng tâm ở đây cũng được gọi là tự tánh, là bản lai diện mục, là thiên đường là thiên quốc, thiên cung v.v... Bên ngoài chỉ có một trăng mà nhiếp hết tất cả trăng qua trăm sông nghìn rạch, ngay cả ly nước mà bạn đang nắm trong lòng bàn tay, nếu bạn đang đứng ngoài trời cũng được ánh trăng rọi vào tròn đủ.

Trăng tâm bên trong chúng ta cũng thế, cũng được nhiếp bởi một trăng và tất cả trăng. Vì trăng tâm cũng là bản thể của vũ trụ. Sự rực rỡ huy hoàng đó, được trả lời một cách chắc chắn, rõ ràng và hoàn mỹ qua việc thực hành thiền định Pháp môn Quán Âm vậy.

Giờ đây, giữa đêm trăng của đất trời này, tôi thật vô cùng cảm tạ ơn trời Phật. Bởi giờ đây, tôi không còn huyệt hăng cô đơn, tôi không còn mặc cảm cái quê mùa thô thiển của mình như

ngày đầu đặt chân trên đất Mỹ với mớ hành trang linh kinh vụng về, nhất là cái cảm giác đau buồn khi bảo tượng Mẹ Hiền Quán Âm mà mẹ tôi đã hết sức cẩn thận gói ghém cho tôi đã bị vỡ tan và lúc ấy lòng tôi cũng tan nát theo những mảnh vụn. Bây giờ tôi mới ý thức được rằng ngắm được trăng tâm thì bất cứ nơi đâu cũng có Phật. Những gì có hình thể, sự tướng đều là hữu hình hữu loại. Chỉ có trăng tâm là vĩnh cửu cho dù mình ở thế giới này hay thế giới khác bao giờ vẫn tròn lằng, mát rượi như ánh trăng thu.

Ồi! Tôi thật sung sướng đến biết bao, ôi tôi có thể thốt lên lời nào về ân sủng ấy. Tôi cúi xuống úp mặt vào hai lòng bàn tay và như muốn thu hết cái cảm giác tình thương tràn ngập ấy vào lòng mình và âm thầm tạ ơn, tạ ơn muôn ức vạn lần Đức Thế Tôn, tạ ơn Chư Thầy, Chư Tổ đã nhọc nhằn vì chúng sanh mà giáo hóa. Tạ ơn các đồng sinh thành đời nay và nhiều đời nhiều kiếp.

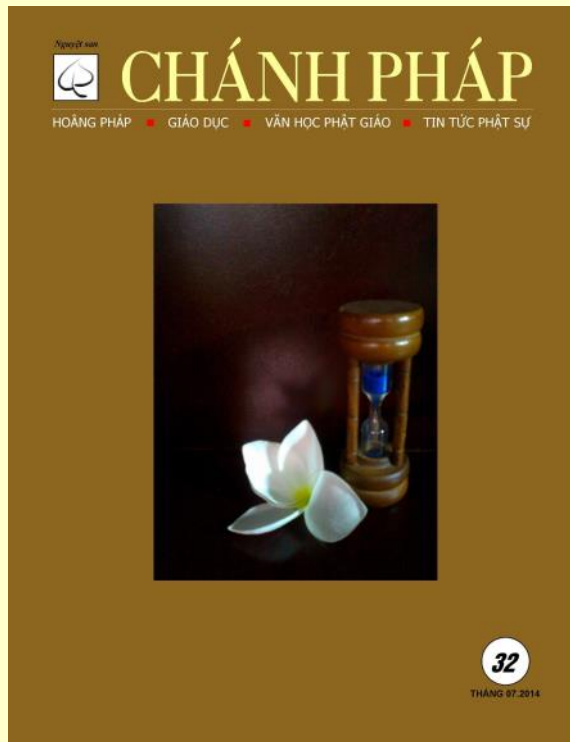
Cuối cùng tôi xin nguyện cầu cho tất cả được đời đời sung mãn, an vui.

Nguyệt Bình

ĐỌC, CỒ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ

BÁO CHÁNH PHÁP

**LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOÀNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC.**





LẶNG LẼ 400 NĂM, CHÙA XƯA TỈNH THÁI BÌNH

Vĩnh Hảo

Bản nguyên của đệ tử Phật:

Phật giáo du nhập Việt Nam từ đầu thế kỷ thứ nhất (tk 1), gần hai nghìn năm. Trong chuỗi dài lịch sử ấy, trải bao nhiêu triều đại từ thời Hai Bà Trưng (39 – 43 sau tây lịch) cho đến thời cực thịnh của Phật giáo, Đinh-Lê-Lý-Trần (từ tk 10 đến đầu tk 15), rồi Hậu Lê (tk 15 đến 18), nhà Nguyễn Tây Sơn (cuối tk 18 sang đầu tk 19), nhà Nguyễn (tk 19 – 20), cho đến ngày nay, có thể nói là đã có hàng vạn ngôi chùa được dựng nên khắp ba miền đất nước.

Suốt hai ngàn năm ấy, nhiều triều đại, chính thể, lần lượt được dựng nên, tồn tại, suy biến, sụp đổ; rồi lại tái dựng để khởi đi trong một vận hành mới. Phật giáo, vốn song hành với giọng sinh mệnh dân tộc, cũng theo nhịp độ hưng-phế của đất nước mà có sự thăng-trầm trong các hình thái tổ chức, xây dựng cơ sở—nghĩa là các ngôi chùa cũng được dựng nên, tồn tại, đổ nát hoặc biến mất, hoặc trở thành di tích lịch sử, hay chỉ là phế tích bị lãng quên theo thời gian; nhưng điều cốt lõi thì không thay đổi: bản nguyên tự độ, độ tha.

Bản nguyên ấy được tiếp nối thể hiện bằng **sự thực hành và truyền bá Phật Pháp của hàng tăng ni và Phật-tử nhiều thế hệ**. Nhờ vậy mà Phật giáo được tồn tại và phát triển, chứ không phải chỉ bằng việc thiết lập tự viện và kiến tạo pháp khí (chùa, tượng, chuông, kinh sách...). Nói thế không có nghĩa là xem nhẹ tự viện và pháp khí, vì chính đây là biểu trưng, và cũng là cơ sở cho các sinh hoạt lễ nghi, thực hành, giới thiệu và giảng dạy Pháp Phật. Nhờ sự hiện hữu của các ngôi chùa xưa và nay, có thể dõi theo dấu tích truyền bá và kế thừa của bốn chúng đệ tử Phật trên quê hương Việt Nam.

Danh lam và chùa cổ Việt Nam:

Ngày nay, chúng ta thấy có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng (danh lam) trên khắp nước; nhưng không phải chùa nào nổi tiếng (danh lam) cũng xưa, đẹp, to lớn; và cũng không phải chùa nào xưa thì phải đẹp, to lớn, nổi tiếng. Rải rác khắp ba miền, có những ngôi chùa cổ được liệt vào hàng danh lam, từng được đề nghị là Di sản Văn hóa của UNESCO (như Chùa Hương, Chùa Yên Tử), hoặc được công nhận là di sản văn hóa cấp quốc gia, và những ngôi chùa xây mới hoàn toàn vào thế kỷ 20 – 21, vô cùng tráng lệ, trở thành nổi tiếng vì sự đồ sộ nguy nga; nhưng cũng có những ngôi chùa xưa xiêu vẹo, đổ nát, ít người biết đến.

Lần theo dấu vết của sự truyền bá đạo Phật trên đất nước, chúng ta thấy các ngôi chùa trên ngàn năm thì đều ở miền Bắc; trong khi đó các chùa ở Trung và Nam thì kiến lập theo cuộc Nam tiến dưới thời Trịnh-Nguyễn phân tranh (tk 16 – 18) cho nên chùa xưa nhất cũng chỉ trong vòng 400 đến 100 năm trở lại.

Các chùa cổ miền Bắc còn tồn tại và liệt vào hàng danh lam, đầu tiên phải kể đến Chùa Dâu, Bắc Ninh (tk 3), tiếp đến là Chùa Khai Quốc, tức Trấn

Quốc ngày nay ở Hà Nội (tk 6), Chùa Phật Tích, Bắc Ninh (tk 11), Chùa Diên Hựu, tức Chùa Một Cột (tk 11), Chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang (tk 11), Chùa Quỳnh Lâm, Quảng Ninh (tk 12), Chùa Bút Tháp, Bắc Ninh (tk 13, xây lại tk 17), Chùa Đậu, Hà Tây (tk 17), v.v...

Các ngôi chùa xưa tiêu biểu ở miền Trung và Nam được xây dựng từ thế kỷ 17 đến 19: Chùa Thiên Mụ (1601), Chùa Từ Đàm (1690), Chùa Báo Quốc (cuối tk 17), Chùa Quốc Ân (cuối tk 17), Chùa Thập Tháp Di Đà, Bình Định (tk 17), Chùa Sơn Long (tk 17), Chùa Long Khánh, Bình Định (tk 18), Chùa Hải Đức, Nha Trang (tk 19), Chùa Giác Lâm, Sài-gòn (tk 18), Chùa Phụng Sơn, Sài-gòn (tk 19)...

Điểm qua các chùa xưa nổi tiếng để thấy một sự tương phản hiển nhiên rằng, có những ngôi chùa cũng rất xưa, nhưng bị lãng quên vì lý do nào đó; có thể vì nơi đó không có danh tăng, hoặc không phải là chùa to lớn, hoặc không phải là thắng cảnh, mà cũng có thể vì tọa lạc nơi một thôn xã nghèo, heo hút, khu biệt, giao thông trở ngại.

Chùa cổ 400 năm ở tỉnh Thái Bình:

Trước mắt, chúng ta thấy ở tỉnh Thái Bình có ít nhất là hai ngôi chùa cổ 400 năm.

Một là Chùa Thần Quang, tục gọi là Chùa Keo (Thượng) rất nổi tiếng, xây dựng vào đời vua Lê Thần Tông (1629-1634), niên hiệu Đức Long thứ 2 (tức năm 1630), tại làng Dũng Nhuệ, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Hai là, Chùa Phúc Lâm, tục gọi là Chùa Đún, kiến lập vào đời vua Lê Kính Tông (1601-1619), niên hiệu Hoảng Định thứ 5 (tức năm 1604), tại làng Ý Đồn, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng, trấn Nam Sơn



Chùa Keo (Thần Quang Tự) Thái Bình

Hạ (nay là xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà), tỉnh Thái Bình.

Chùa Keo Thượng có thể được tôn vinh là đệ nhất danh lam, không phải chỉ vì toàn bộ kiến trúc bằng gỗ đồ sộ, nghệ thuật điêu khắc thời Hậu Lê vô cùng tinh xảo, mà còn liên hệ đến Thiền sư Không Lộ (1016-1094) — tượng truyền là vị sơ tổ khai sơn Chùa Keo nguyên thủy (Nghiêm Quang Tự) tại Nam Định từ năm 1061 (tk 11), dưới triều Lý Thánh Tông.

Trong khi đó, Chùa Phúc Lâm (Chùa Đún) chỉ là một ngôi chùa nhỏ, khiêm tốn, nằm trong làng xã nông nghiệp, giao thông không thuận lợi, hầu như người ngoài huyện không biết đến.

Theo truyền khẩu từ các bộ lão địa phương, xưa kia Làng Đún có Đền thờ Vua Lê Đại Hành phía trước, Chợ Đún ở giữa, Chùa Phúc Lâm phía sau. Chợ Đún xây nền và cột bằng đá, gồm 5 quán đá với mái lợp ngói mũi hài, đã bị tiêu hủy thời Pháp thuộc, nay nhà cửa và đường sá xây dựng lên trên, đã mất dấu. Đền thờ Vua Lê Đại Hành và Chùa Phúc Lâm cũng bị quân Pháp đốt phá, sau đó được dân làng tu bổ lại trên nền vách cũ, và hiện vẫn còn. Đền thờ Vua Lê Đại Hành và Từ đường họ Đinh (xây dựng năm 1727, thờ các vị quốc công họ Đinh thời Hậu Lê) là hai di tích xưa thuộc xã Chi Lăng, được xếp vào hạng Di tích Lịch sử Văn hóa cấp tỉnh.

Riêng Chùa Phúc Lâm trên 400 năm, trải qua hai cuộc chiến, đã hư hoại, đổ nát, khó tìm lại di tích hay cổ vật nào của tiền nhân để ghi lại lịch sử của chùa một cách rõ ràng, chính xác. Các tượng Phật, tượng Hộ Pháp thật lớn đều bị đập phá vào thời kháng Pháp; các pháp khí, vật khí sử dụng trong chùa cũng bị triệt hủy, phế hoại hoặc thất thoát theo thời gian. Cổ vật hiện ở chùa chỉ còn tòa cữu long bằng đồng, cao 80 cm—được cho là đã có từ thời mới lập chùa; và quả chuông nặng 300 kí, đúc từ đời Thành Thái thứ 13 (tức năm 1901).

Nếu đúng là tòa cữu long Chùa Phúc Lâm có từ thời mới dựng chùa thì niên đại có thể trước, hoặc trễ lắm là cùng thời với tòa cữu long của Chùa Keo, Thái Bình—xuất hiện đầu thế kỷ 17, và được “*đánh giá là một trong những tòa cữu long cổ nhất nước ta*” (theo Chu Minh Khôi, “*Phật tượng Việt Nam và một vài nguyên tắc nghệ thuật tạo tượng*,” Giác Ngộ Online—nhưng tòa cữu long ở Chùa Keo thì không rõ bằng đồng hay gỗ, tác giả không đề cập).

Hai pháp khí bằng đồng còn đến ngày nay là do dân làng đem cất giấu trước khi quân Pháp đốt phá toàn bộ đình, chợ và chùa của toàn huyện vào tháng 2 năm 1950. Ngoài ra, 4 di tháp của các vị trụ trì tiền nhiệm có thể được xem như là cổ tháp; và chứng tích quan trọng ghi lại phần nào lịch sử chùa là một bia đá khắc bài ký viết bằng Hán văn, đặt ngoài sân, phía sau chánh điện.

Theo bia văn này, ngôi phạm vũ (chánh điện) được khởi công trùng tu cùng lúc với Tổ đường và điện Tam Cung Thánh Mẫu, vào thời vua Bảo Đại, năm thứ 6 (mùng 6 tháng 6 năm Canh Ngọ, nhằm 01/7/1930); qua năm sau, mùng 9 tháng 9 Tân Mùi



Đại hồng chung đúc vào năm Thành Thái thứ 13 (1901)

(nhằm 19/10/1931) thì hoàn tất. Bia văn có nhắc đến lần trùng tu trước đó vào năm Giáp thân, thời vua Lê Chính Hòa (1680-1705) thứ 25 (tức năm 1704). Căn cứ vào năm trùng tu ấy, lịch sử truyền khẩu nói rằng chùa được xây dựng năm 1604 cũng là điều khả tín, hợp lý, vì thông thường thì cứ 100 năm thì đã phải trùng tu, hoặc xây lại. Có thể lần trùng tu thứ nhất (1704) cũng là nhân kỷ niệm 100 năm thành lập chùa.

Cũng theo lời truyền, Chùa Đún xưa kia rất đẹp, nguy nga, có cổng tam quan rất lớn, trong chùa có cả ao rộng, giếng sâu, vườn cảnh rất hữu tình. Điều này có thể tin được, vì trên bia đá được khắc vào lần trùng tu sau cùng (1930), có lời xưng tụng “*Y Đốn xã, Ngoại thôn, Phúc Lâm Tự, nhất nhất thắng cảnh, thiên cổ danh lam*” (Chùa Phúc Lâm ở thôn Ngoại, xã Y Đốn, là thắng cảnh hàng đầu, là danh lam của ngàn đời.”

Trải thời gian trên 400 năm, đã có lúc Chùa Phúc Lâm vắng bóng sư trụ trì đến mấy mươi năm. Hiện tại chùa còn lưu lại 4 bảo tháp và 5 phần hài cốt của các vị trụ trì đã một thời chấn tích hành đạo nơi đây. Ngôi mộ của vị tổ khai sơn được cho là bị thất lạc ngoài đồng từ lâu, đến nay vẫn chưa tìm ra dấu tích; nên ngay cả đạo hiệu của vị này cũng không ai biết, chỉ biết rằng ngài quê ở Hải Hậu, Nam Định. Những đời trụ trì có ghi lại dấu tích trên bia ký, bảo tháp và lời truyền khẩu thì ít nhất là 6 đời (chưa kể vị đương nhiệm). Các đời trụ trì trước là các vị sư tăng; đến lần trùng tu năm 1930 (là năm dựng bia ký nói trên) thì làng tổng đã cung thỉnh Tỳ kheo ni Thích Đàm Năng từ Chùa An Châu, xã An Khoái đến chứng minh và tiếp nhận trụ trì; kể từ đó đến hiện nay, các đời trụ trì sau đều là sư ni.

Chùa Phúc Lâm hiện tại:

Được trùng tu năm 1930, Chùa Phúc Lâm lại bị phá hủy toàn bộ 20 năm sau đó bởi quân đội Pháp. Vị trụ trì bấy giờ là Sư tổ Thích Đàm Năng, đã cùng dân làng dựng lại chùa bằng vật liệu gom góp tại địa phương, sửa sang ngôi chánh điện trên nền vách đổ nát. Từ thời Sư tổ Thích Đàm Năng, truyền xuống ba đời trụ trì là Thích Đàm Nhài, Thích Đàm Chúng và Thích Đàm Vân, rồi mới đến vị trụ trì hiện nay là Sư thầy Thích Đàm Gấm.

“Sư thầy” là cách gọi sư ni của Phật giáo miền Bắc thay vì “Sư cô” ở Trung và Nam; Ni giới miền Bắc cũng không dùng “Thích nữ” mà chỉ dùng “Thích” như bên Tăng. Đạo hiệu của chư vị Tăng Ni miền Bắc cũng không theo giòng kệ Thiền phái:



Chánh điện Chùa Phúc Lâm, bên trong



Các di tháp của chư vị trụ trì tiền nhiệm

Tăng thì chữ “Thanh,” Ni thì chữ “Đàm,” cứ thế mà truyền.

Sư thầy Thích Đàm Gấm được thầy bốn-sư là Sư cụ Thích Đàm Tâm (một trong nhiều đệ tử của Sư tổ Thích Đàm Năng), cử đến Chùa Phúc Lâm đảm nhận trụ trì vào năm 1995, lúc 24 tuổi. Do hoàn cảnh xuất gia ở chùa làng quê, không có trường Phật học, lại một mình đến đảm nhận ngôi chùa cổ hoang sơ tiêu điều, Sư thầy Thích Đàm Gấm quanh năm suốt tháng chỉ tự tu tự học, trông nom mọi việc của chùa và hướng dẫn Phật-tử tu niệm. Tự học như thế mà trình độ Phật học và đặc biệt là Hán-Nôm của sư thầy rất vững vàng, thông thạo, có thể đứng lớp dạy Luật bằng Hán văn cho các thế hệ đi sau. Qua đó, ai cũng thấy sự kiên gan trì chí của một tăng sĩ trẻ ở làng xã nghèo, heo hút.

Cũng cần mở ngoặc ở đây rằng tại miền Bắc qua các cuộc chiến tranh, hầu hết trai tráng đều phải nhập ngũ; không riêng việc chống ngoại xâm qua bốn lần Bắc thuộc, mà ngay cả thời kỳ Lê-Mạc (tk 16), rồi Trịnh-Nguyễn phân tranh (cuối tk 16 —tk 18), cũng phải tòng quân hoặc bên này, hoặc bên kia. Do vậy, từ chính sử cho đến thực tế, hiển nhiên ai cũng thấy rằng việc duy trì giếng mối của đạo Phật qua sinh hoạt chùa chiền là do các lão tăng, nam nữ cư sĩ lão niên, và đặc biệt là do ni giới đảm trách. Ni giới miền Bắc đã đóng vai trò **quan trọng nhưng thâm lặng** để duy trì đạo Phật qua chiến tranh, điển hình là hai cuộc chiến cận đại mà Sư tổ Thích Đàm Năng và Chùa Phúc Lâm là chứng nhân, chứng tích. Có thể nói đây cũng là một trong vài nhân duyên để Chùa Phúc Lâm từ một tăng viện trở thành ni tự từ nửa đầu thế kỷ 20.

Sự thâm lặng như thế tác động trên sinh hoạt của Chùa Phúc Lâm suốt thế kỷ qua, trong cả vấn đề hoằng pháp lẫn sự duy trì và phát triển cơ sở. Thâm lặng đến mức một ngôi chùa cổ trên 400 năm, mà đã có thời được mệnh danh là “*thiên cổ danh lam*,” hầu như không còn ai ngoài huyện xã biết đến, nhắc đến. Lý do cũng dễ hiểu, về mặt cảnh quang, kiến trúc, Chùa Phúc Lâm hiện nay chỉ còn giữ lại được cái nền xưa của thầy-tổ. Nói vắn vè theo nghĩa

bóng, là vẫn giữ được truyền thống giữ đạo, hành đạo của tiền nhân trong an hòa, lặng lẽ. Chùa không có đặc điểm gì để còn được gọi là một danh lam, thắng cảnh.

Nhưng đó không phải là điều mà sư trụ trì quan tâm. Bản thân sư chỉ muốn ẩn danh, vô danh; và đối với ngôi chùa, sư cũng không muốn trở thành một thắng cảnh du lịch, hoặc một di tích văn hóa lịch sử được công nhận bởi nhà nước hay bất cứ cơ quan văn hóa quốc gia, quốc tế nào. Sư chỉ mong Chùa Phúc Lâm tiếp tục là ngôi chùa nhỏ, thâm lặng, ẩn mình trong làng xã; và tăng sĩ ở chùa tiếp tục là những người thầy bình dị, sống gần gũi với dân tình nông thôn.

Chùa Phúc Lâm có 5 sào ruộng. Sư trụ trì và ni chúng Chùa Phúc Lâm nhiều năm qua đều tự túc kinh tế bằng cách làm ruộng. Lúa vừa đủ ăn cho chùa trọn năm; nhưng để thực hiện các Phật-sự khác thì phải bán bớt lúa. Chẳng hạn để gửi hai đệ tử đi học xa (một ở Học viện Sóc Sơn, một ở Trung cấp Phật học Nam Định), chùa phải bán đi hơn một nửa số lúa trong kho để có tiền nộp học phí, lo nơi ăn ở; thiếu hụt gì thì tính sau. Hiện nay sư trụ trì còn có 3 đệ tử khác, trong đó 2 vị cũng cần đi học xa (vì trong huyện tỉnh không có trường Phật học) nhưng chùa không đủ khả năng chu cấp.

Nhu cầu hiện nay:

Với hoàn cảnh tài chánh eo hẹp như thế, nhà chùa và dân trong làng xã nông nghiệp này, nhiều năm qua muốn tiến hành việc xây dựng lại ngôi chánh điện tường xiêu mái đổ, vẫn chưa thực hiện được.

Tất nhiên một ngôi chùa nghèo, sống bằng nghề ruộng, thì sự thiếu hụt tài chánh ảnh hưởng lên tất cả nhu cầu của đời sống—dù là đời sống không tham cầu của người xuất gia; nhưng nhu cầu cấp thiết ở đây, cũng chính là ước nguyện của sư trụ trì cùng Phật-tử trong làng: **xây dựng ngôi chánh điện**.

Về diện tích thì chánh điện chỉ vừa đủ chỗ cho hàng tăng ni vào dịp lễ lớn, Phật-tử đều phải lễ bái từ ngoài hiên. Vào những ngày mưa, phải che bạt tạm ngoài trời cho Phật-tử dự lễ; bên trong thì phủ tấm tơi cho tượng nào bị dột ướt, và dùng thau chậu để hứng nước mưa ngay ở nơi hành lễ.

Về kiến trúc của chùa: cột kèo và các cửa gỗ của chùa đã mục; tường vôi nứt nẻ; bệ thờ và các tôn tượng trên chánh điện đều quá cũ, sứt mẻ, tróc nước sơn; nền gạch loang lổ, mòn nhẵn.

Nói chung, ngôi chánh điện cần phải xây mới lại chứ không đắp vá, tu bổ gì được nữa.

Và dù thế nào, việc xây dựng ngôi chánh điện mới có thực hiện được hay không, Chùa Đún (Phúc Lâm Tự) vẫn mãi là ngôi chùa cổ thân yêu gần gũi trong tâm tưởng của tăng ni và bá tánh địa phương. Ngôi chùa ấy không cần được liệt vào hàng danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử của tỉnh huyện hay cả nước; mà chỉ cần được dựng lại trên nền cũ 400 năm của tiền nhân, một ngôi chùa có mái cong, biểu trưng của đạo Phật Việt Nam từ bi, hiền hòa; nơi đó, những nhà sư áo nâu, cũng là những nông gia nổi gót thầy-tổ cúi mình trên ruộng vườn quê hương, tiếp tục giữ đạo, hành đạo trong khiêm cung, lặng lẽ.

California, ngày 9 tháng 9 năm 2014
Vĩnh Hào



Bàn thờ chính gồm 5 bậc: Tam Thế Phật tôn trí trên cùng, Bồ-tát Quán Thế Âm ở bậc thứ nhì, Tôn giả A-Nan ở bậc thứ ba, Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu ở bậc thứ tư (theo cách thờ phụng của chùa làng miền bắc từ xưa); bậc dưới cùng, phía trước là tòa Cửu Long, chín rồng phun nước tắm Phật sơ sinh.



Sư thầy trụ trì Thích Đàm Gấm (giữa) cùng chư ni Chùa Phúc Lâm làm ruộng, làm vườn, tự túc kinh tế

VỀ VIỆC XÂY DỰNG CHÁNH ĐIỆN CHÙA PHÚC LÂM, THÁI BÌNH:

Sự khiêm cung thầm lặng ít khi nào đem lại thành tựu rõ rệt cho cá nhân hay tập thể giữa cuộc đời đầy những tranh chấp, đua chen; nhất là trong việc xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, rất cần tiếng nói, rất cần sự vận động, kêu gọi. Nhưng những nhà sư áo nâu đêm ngày tụng niệm, làm nông, đã không nói. Tôi muốn nói thay họ; và với tất cả niềm cảm kích hướng về Chùa Phúc Lâm, tôi ghi những giòng này, cúi mong sự hỗ trợ của chư tôn đức tăng ni và phật-tử khắp nơi.

Sư thầy Thích Đàm Gấm, trụ trì Chùa Phúc Lâm, cho biết đã xin giấy phép xây dựng, và kinh phí dự trù xây dựng ngôi chánh điện (với diện tích khoảng 400 mét vuông, kể cả hành lang) được nhà thầu ước tính khoảng 2 tỉ đồng Việt Nam (tương đương \$100,000 mỹ kim).

Chánh điện Chùa Phúc Lâm sẽ được cất theo mẫu của Chùa Việt Yên, cùng huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, như sau:



Một thời công phu chiều của ni chúng Chùa Phúc Lâm. Mưa dột nhiều nơi trong chánh điện.



Bia đá với bài ký trùng tu Chùa Phúc Lâm năm 1930.



Mọi liên lạc để ủng hộ hoặc góp ý, xin gửi:

Thích Đàm Gấm
(Nguyễn thị Gấm)

Chùa Phúc Lâm, xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Số điện thoại của Chùa: 0363980959

Số điện thoại di động: 01686169868

Chủ tài khoản: Nguyễn thị Gấm

Số tài khoản là 47110000615823

Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam tỉnh Thái Bình